

AN NGUYỆT SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Y THỰC

HUỲNH HỮU ỦY : *MARC CHAGALL*

CHÂU VŨ : *đọc MÓN ĂN MIỀN NAM*

TRẦN HỮU LỤC : *TÌNH ĐẤT*

THỤY VĂN ● LÊ VĂN NGĂN ● MUỜNG MẢN ●
HỒ MINH DŨNG ● NGUYỄN LÊ TUÂN ● TRẦN
HOÀI THƯ ● THÊ THÚY

CAO HỮU HUÂN
KHOẢNG CÒN LẠI

5

NGÀY 1 THÁNG 12 NĂM 1970

Ý THỨC

BẢN NGUYỆT SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
NĂM THỨ NHẤT * SỐ 5 NGÀY 1-12-1970
TRONG SỔ NÀY

Thụy Văn	(thơ)	cho con gái đầu lòng	1
Lê Văn Ngăn	(thơ)	Phổ thừa	4
Trần hữu Lục		Tình đất	7
Hồ minh Dũng		Những lớp mây phai	14
Huỳnh hữu Ủy		Marc Chagall...	23
Nguyễn lệ Tuấn			
Trần hoài Thư		Cuộc sống tôi	
Mường Mán		Chào thua	54

MỤC THƯỜNG XUYÊN :

Một chỗ chung	Lữ Kiều - Lê văn Ngăn - Thụy Văn	71
Độc sách : Châu Vũ	Món ăn miền Nam	77
Cao hữu Huấn	Khoảng còn lại	64
Sinh hoạt văn hóa :	Thế Thủy	90

Củ nhiệm : D S NGUYỄN THỊ YẾN
Tổng thư ký NGUYỄN MINH Quản lý NGUYỄN HỊ DUNG
TÒA SOẠN : 666 PHAN THANH GIẢN - SÀI GÒN
Biên lai chánh thức 1195 BTT/NBC/HCBC 1-9-70
In tại : Đăng Quang 734A Phan Thanh Giản Sài Gòn

THỤY VĂN

thơ

CHO CON GÁI ĐẦU LÒNG

Rồi ba sẽ dẫn con đi dạo
Dù vườn hồng gai sắc chân đau
con sẽ lớn lên ngày cơm áo
con sẽ cười với những đêm sao
Tuổi của ba nửa đời đau nhọc
Tuổi của con chẳng lẽ ưu sầu
còn một chút long lanh trong mắt
Là niềm tin gọi đèn ngàn sao ...

BÊN NI BÊN TÊ

Anh đứng bên này bóng núi
Ráng chiều trong mắt vàng cay
Bên kia nhà nhà nắng ấm
Hay là gió bão mưa bay ?

Vẫn tường làng xưa khoai sắn
Mẹ cười hái nụ cà xanh
Em có nhìn vườn nắng mới
Ngóng đàn chim nhỏ về quanh ?

Anh đứng bên này cơm áo
Phở phường lơ lỏi trong tim
Vung tay toan làm cuống bạo
Nhập nhòa ác mộng từng đêm.

Đất thơm hay mùi đạn lửa,
Em còn đứng hát vườn rau
Má hồng chờ thơm hương lúa
Tóc chiều còn thoảng hương cau?

Bỗng nhớ quê mình cay mắt
Trông vời mây bạc nhà em
Câu thơ theo ngày nắng tắt
Thờ dài khói thuốc cao thêm

Anh đi trên đường phố lạ
Những ngày những tháng co ro,
Hết mưa đợi giờ nắng úa
Cúi đầu lê bước vu vơ

Chiều nay bỗng thêm hơi rượu
Ngỡ chừng em là nàng dâu
Mai kia lỡ thuyền không đậu
Cũng vì đời cách lòng nhau

THỤY VĂN

LÊ VĂN NGĂN

thơ

PHỐ THỪA

khi nào tôi về phố chợ
gặp em ở múi cầu bắt tay
nụ cười trên mây tàn soan trắng
rụng cánh sương bóng buổi mai

người mừng như hàng trứng cá
đoàn xe chạy mãi không ngừng
trẻ con vẽ lên sân gạch
gió làm âm nhạc sau lưng

giấy trắng bay và những vườn hoa
đêm lòng xuân chưa son phấn
mở cửa căn nhà tình nhân
rũ kết ngoài hiên đời lặn đạn

nhìn qua mắt nhau sợi giây thừng
gát chân khói vàng lên rưng rưng
rượu đỏ khăn len hồn thảng chập
có một người đi chưa về say chung

NHỮNG VẼ VÔ TÂM

có trong em một trái tim hồng
em cho tôi lúc tôi nằm ngủ
em dịu dàng em hóa thành bông
mai thanh xuân chim kêu tôi dậy

lúc tôi buồn em cũng buồn theo
giọt nước mắt xanh tâm lòng cảm thạch
chữ yêu em tôi khắc thành tin
tin vỗ cánh bay sang thành thị mới

em lấy vai làm chăn tôi đắp
mà cửa gương mưa tạt thành giòng
em lấy lưng thơm làm nên lò sưởi
tôi nghe chừng gió chuyển đầu sông

em lấy tinh anh cho tôi sức khỏe
mà cơn ho như máu đầu mùa
em giữ hương cho thời gian chậm
mà giữa thời có mây mộ bia

làm sao tôi nói cho em được
lòng tôi đây mỏng tựa trời cao
làm sao tôi giữ cho em được
một đời dài bằng ánh chiêm bao

mai kia em mắt như chiều lại
tôi biết tìm đâu một dáng ngày
có đám hoa kèn có mầu hoa phượng
có cả đường bụi trắng khác hôm nay

mai kia em mắt trên chiều đợi
tôi biết tìm em ở mấy sông
sông thay lòng sông làm băng giá
lũ lượt nhiều những vẻ vô tâm

LÊ VĂN NGĂN

TRẦN HỮU LỤC

tình đất

Ba Thoàn bưng bả trên dốc đê. Buổi chiều dập dình ồng ả trên đám bông lau. Lầu trong gió âm thầm, anh nghe mơ hồ tiếng kêu khản giọng của con nhé. Anh đứng lênh khênh, đảo dác nhìn quanh. Cánh đồng cỏ non ngút mắt nhìn nhú dang rộng thêm đến các làng nhỏ ven sông. Tuyệt nhiên anh không còn nghe gì khác ngoài tiếng chim bìm bịp kêu trong bụi dứa, bầy chim chia vôi lao xao trên các mô đất. Khuất sau màu xanh rậm rì của đám lá, ngôi đình vươn lên trông thật mệt mỏi và già nua.

Vào lúc bảng lảng, Ba Thoàn vẫn chưa trở về nhà, gã lêu nghêu tìm kiếm. Trăng non không đủ sáng để gã có thể trông xa hơn. Một mình gã với bóng tối đang ngùn ngụt dâng cao trên ngọn cây. Ba Thoàn ray rức, buồn bã. Chính trong khối bóng càng lúc càng lên cao, gã nhú tìm thấy lại khuôn mặt đầm thấm của vợ, nụ cười hiu hắt như một nỗi ám ảnh anh những ngày sống chung. Cũng từ lớp bóng đó, anh lơ mơ thấy ẩn hiện con nhé thân thiết. Từ ngày người vợ cần lao qua đời, nhà cửa tan tành vì bom đạn, nỗi hân hoan về một ngày lúa vàng đầy bờ, tốt tươi thơm nồng máng cỏ, một mình thênh thang trên đồng lúa... đã trở thành một niềm mơ ước què quặt. Lần hồi, trai trẻ bỏ quê đi hết, kẻ vô rừng, vào bưng, người lên phố, đi quân dịch... Ruộng đồng thiếu vắng người canh tác. Làng xóm thừa người ở và càng ngày càng mất an ninh...

hận sao không tới nhà họ sinh thăm, coi thử chị Thuý sinh con trai hay gái. Anh tự rửa thâm mình làm cái gì cũng hấp tấp vội vã thiếu suy tính.

Rời mắt khỏi căn nhà, Khan chợt thấy bóng người đàn bà lom khom trên bờ cỏ. Anh ngạc nhiên tự hỏi sao người đàn bà còn ở đó chưa chịu đi.

Khan nói với đứa trẻ :

— Cháu có thấy người đàn bà mặc áo vàng cúi lom khom đó không ?

Tàu chạy lướt qua. Đứa trẻ cố ngoi chiếc đầu nhỏ bé nhìn lại :

— Có ai vậy chú ?

Khan buộc miệng, buông thõng :

— Vợ chú.

Nói xong Khan thốt nhiên cười lớn. Đứa trẻ không hiểu gì cũng cười theo.

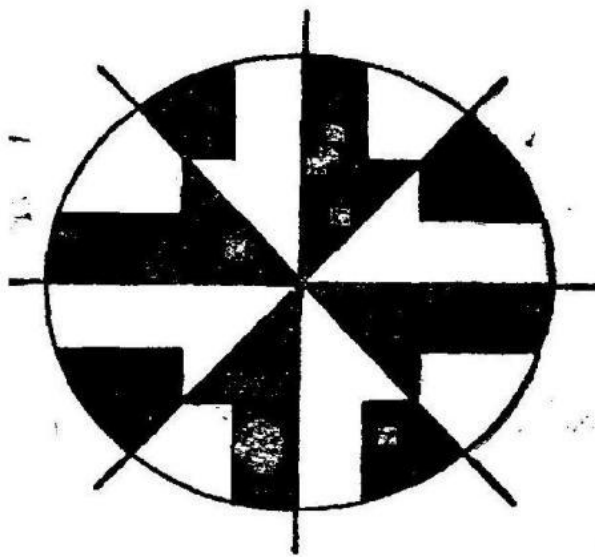
Bên kia bờ sông.

Người đàn bà nghe tiếng còi tàu vụt đứng lên nghe ngóng một lát, rồi buông thõng hai tay bước đi, về bậc tức.

MUỜNG MÁN

(cuối 9-70)

MỘT CHỖ CHUNG



LÊ VĂN NGĂN ● LỮ
KIỀU ● THỤY VĂN

TRÁI TIM NGƯỜI

Những ngày tôi về thành thị cũ, mưa đã báo trước một mùa đông thiếu ấm áp. Đêm đêm, dưới màn mưa vội, lách mình qua ánh sáng của ngọn đèn đường, từng chiếc xe tuần cảnh chạy qua. Đêm đêm, tôi nghe tiếng người điên kêu than đầu góc chợ, nghe tiếng xe củi chạy qua cửa kính, cùng nghe người rao bán những trái tim và bộ óc bằng cao su.

Có khi chiều đã xuống, hiu hắt ngoài mái hiên một quán sách, một người đàn ông già co ro vai lật từng trang sách. Rồi bỏ đi, rồi từng loạt mưa dầm chân tại chỗ, rồi tiếng ca nô tắt nghẽn đầu sông rộng.

Mùa lạnh lẽo đã tới, mùa của những tên văn nghệ sĩ của thế kỷ 13, 14, 15, 16 của Pháp đang thiết lập tháp ngà. Nhưng tại sao, một S, một N, đang nằm chờ đợi từng chém côm, từng mẩu bánh mì. Lệ tôi đồ xuống như mặt đen. Mặt đen rơi

Ba Thoàn không đưa ý nghĩ của mình đi xa hơn. Bởi vì gã biết thế nào cũng có hình ảnh gã sống cô cút vắng vẻ trong căn nhà thừa tự nghèo nàn. Gã đứng lại bên hông nhà máy nước bỏ hoang thần thờ nhìn quanh quất. Gã chán nản quay về nhà, lòng lại nôn nả khó chịu. Gã vừa ngại đi trong đêm, vừa bức tức con nghé ..

Ba Thoàn nằm chưa ấm lưng thì đột nhiên có tiếng súng nổ thật gần. Gã hốt hoảng, nằm không yên, ngồi dậy nhìn ra ngoài ngõ. Tối nay súng nổ dồn dã như hai bên có đụng nhau thật. Cùng với súng nổ và trái sáng phụt cháy lơ lửng. Ba Thoàn lo lắng càng nhiều. Vào giờ này mà nó lù lù trong các bụi cây thì chỉ có chết. Gã tức đến cảnh hông rồi đâm giận mình ghê gớm. Gã bụm mặt rủ đầu xuống. Nhưng gã không thể ngồi như thế lâu hơn. Đúng lúc gã định nằm xuống ngủ tiếp thì tiếng nổ như muốn bùng đất lên làm rung chuyển căn nhà. Gã lăn mình xuống đất, bò vào hầm. Gã tỉnh táo hẳn, kê đầu vào vách hầm nghe ngóng, rồi gã đưa trí tưởng của mình theo từng tiếng nổ : Ờ, cái ni thì ở đám ruộng nếp của ông cả Ban, cái ni nổ gần quá, chắc ở ngoài đình làng rồi. Ừ, xa quá, ít lắm cũng ở đập nước có mấy khung vó bỏ hoang... Cảnh đồng rực hồng trong lửa đạn, con nghé lông ngông trên đám cỏ ẩm sương... phất phơ trong trí tưởng gã. Lần nào mà Ba Thoàn ước đoán chắc chắn vị trí súng nổ thì gã áy náy lo lắng không yên. Gã xuyết xoa, tức tối rồi vắng tục đủ thứ. Gã mệt mỏi tựa lưng vào vách hầm ngủ chập chờn.

Gã hốt hoảng tỉnh thức vì tiếng động rì rầm thật lạ tai ở đâu đó. Tiếng rậm và thấp như phát ra từ lòng đất. Lúc đầu, gã nghĩ là tiếng động i ầm của nhà máy gạo chạy đêm nhưng rồi gã bỏ ngang ý tưởng đó vì đã lâu nhà máy gạo bị bỏ phế. Gã lại cho là tiếng máy nước chạy ở bờ sông, chắc cũng không phải nữa rồi, từ vài năm nay có ai cày bừa trồng trọt gì đâu. Tiếng động rì rầm khác lạ không hẳn ở một chỗ mà như tràn khắp, vây quanh căn nhà của gã như ngoài bờ sông, cầu sắt, ngôi đình, dãy mộ, đồng cỏ... Gã ngồi canh chừng tiếng động, buồn bã nhớ lại cảnh điêu tàn của xóm làng trong lần trước có đánh nhau. Vườn tược úa héo, cây cối đổ ngang đồ dọc, nhà cửa cháy rụi, bà con người chết kẻ bị thương. Gã ngồi như thế, mong đêm qua mau : « Ước chi thanh bình để mình có thể thông dong đi tìm con nghé ».

oOo

Người lính quốc gia lôi Ba Thoàn lên hẳn trên xe. Gã khúm núm tới nghiệp giữa những nhánh cây vây phủ. Đoàn xe lội vô làng. Gã bất chợt nghe lại tiếng động khác lạ hồi đêm rồi thấy người bị xóc mạnh. Gã cố nhìn qua lớp sương mai hình bóng con nghé uhưng gã không thấy gì cả ngoài những lùm cây, bia mộ nhập nhòa.

Trước sân đình, ngôi gạch ngổn ngang, bà con xóm làng gần như đủ mặt, ngồi nằm la liệt, khóc lóc, chửi rủa. Mọi người phải tản cư về quận. Một người lính đứng trên thềm của cái miếu nhỏ nói với hết 'hãy dân trong vùng: «Đến nước này, bà con không thể chần chừ được nữa, bà con cô bác về nhà ngay để vơ vét gạo muối, áo quần rồi dắt trâu bò vô quận. Còn đánh nhau lâu nữa...»

Người lính ngừng lại bỏ lửng câu nói lúc Ba Thoàn bị lôi vào sân đình. Mọi người đều quay lại nhìn gã. Cái dáng khật khưỡng mệt mỏi với cái chạc dây ngu ngơ trên tay gã không làm cho những người có mặt ở đó ngạc nhiên chút nào cả. Gã đưa mắt nhìn một lượt hết thấy những khuôn mặt quen quen. Gã thấy trong những đôi mắt trầm lặng, mở lớn, sự đứng đưng lạ lùng. Tình xóm giềng phút chốc lạnh nhạt mà gã không biết vì nguyên do nào. Vài người đã rục rịch đứng dậy uể oải bỏ đi. Đám trẻ nhỏ lại nghịch với sạn gạch trên sân đình. Ba Thoàn rón rén tới ngồi chung với họ. Thím Vui xà tới, vồn vã.

— Trời, cậu Thoàn, cậu mà tui tưởng là ai khác, cậu ngồi xe tăng thì còn sợ chi bom đạn.

— Thím chửi cha tui còn hơn à, tui tìm con nghé rồi bị bắt đưa lên xe. Sung sướng chi mà thím nói cạnh nói khoe,

Thím Vui buồn rầu:

— Bốn lăm, năm mươi trên đầu chớ còn trẻ mỗ xuân thời chi, tui muốn ở lại rồi chết cũng được. Chết gần mồ mả ông bà cũng đỡ tủi; cậu tính coi, bỏ nhà, bỏ ruộng nương đi rồi biết lấy chi mà ăn. Không đi có được không cậu Thoàn?

Ba Thoàn lăm lét nhìn quanh quất rồi nghiêng đầu gần thím Vui thêm một chút nữa.

— Cai đó tùy thím à, bà con cô bác có gánh gồng hết của cải gia tài theo hết, tui cũng phải ở lại để tìm cho ra con nghé rồi sẽ tính sau.

— Nè cậu, dưới ấp Diên Phái không còn nghe tiếng gà gáy

chó sửa gì nữa. Nghe nói bà con xóm trên đã bỏ đi lúc trời mới sáng... Mà thôi, cậu rằng thì tui rửa.

— Ủ, thím nói nghe được lắm, chứ thím giả bộ về nhà lấy thêm đồ đạc rồi ở lì luôn, tui cũng về nhà ngó qua một lượt. Ba Thoàn cùng thím Vui uể oải đứng dậy rời khỏi sân đình. Lúc đi ngang qua ngõ nhà xã Ban, Ba Thoàn lượm được đôi dép cao su và cái bị rết bằng vải nâu nằm trong bụi nữa. Gã mang dép, vai dò dẫm giữa cây cối ngã rạp, gai nẻ chắn đường. Qua lớp khó, âm u, Ba Thoàn thấy con nghé đứng lù lù bên đồng phen cháy dở đuôi ngoe nguẩy. Cảm xúc ủa tới làm gã nghen ngào rộn rã. Ba Thoàn bưng bả về phía con nghé. Lúc trông được chạc đây qua cổ nó, gã mới yên lòng. Gã cười một mình, khuôn mặt chảy dài trông thật hiu hắt thắm đặm. Sau đó, gã dẫn con nghé theo sau. Gã ghé lại nhà lấy thêm gạo muối, áo quần và vài thứ vật vãnh khác rồi cho vào hết trong bị rết. Gã vác trên vai rảo quanh làng.

Buổi sáng lên muộn màng ánh nắng lay lắt trên đọt cao. Máy chiếc máy bay còn liệng vòng thúng trên mấy làng ven sông. Cả một vùng điều tàn thê thảm mà gã không thể tưởng được. Trên các đường quê, gã thấy bà con xóm giếng hối hả bỏ làng, gồng gánh ra đi. Ông giáo gánh một đôi thúng, một đầu thì đứa cháu nội độ hai tuổi ngồi, nước mắt ràn rụa mặt mày, ngu ngơ nhìn cây, lá, nhà cửa; một đầu thì chất đầy gạo, áo quần, chiếc khăn đóng với cái dù đen. Mụ Bưởi ôm cứng cái tráp đựng giấy tờ ruộng đất của ông chồng để lại, nách một thúng áo quần đủ màu. Cô Ba me tây đầu đội thúng gạo, tay xách một giỏ đồ gương lược đủ thứ.

Ba Thoàn dừng lại bên bến đá ngó dòng sông, nghe vắng vát. Đồng cỏ, vườn cây, ao cá, cây đa bến cũ nhập nhòa. Không, tui cảm lòng không dặng, bốn lăm năm mười tuổi trên đầu rồi, tui không muốn bỏ làng bỏ xóm đi nơi khác. Không tui...

oOo

Trên hương lộ dẫn vào quận, mấy vải liều vải dưng lên vôi vàng trên khoảng đất trống dùng làm trạm tiếp cư cho gần một trăm gia đình. Dân tỵ nạn của ba thôn ấp kề cận nhau chen chúc từng miếng đất nhỏ. Thiếu hụt đủ thứ, từ miếng nước uống cho đến chỗ nằm. Ba Thoàn ở chung một lều với mấy người lối xóm: ông cả Ban, mụ Bưởi, ông Giáo, dượng Nại, cô Ba... Chỉ

một chuyên thấp thuốc hút không được vì gió ngoài đồng ruộng lồng vào, mù Hai cũng cần nhả đi về cho được. Ông cả Ban có dịp nhàn hạ ngồi nhìn lơ ngơ đoàn công voa của Mỹ chạy mấy giờ mà chưa hết, ông chóng cả mặt. Không còn ai để chơi kêu cò nhưng ông vẫn quen dáng ngồi vắt chân chữ ngũ, mặt buồn so. Ông giáo bận rộn cả buổi vì đưa cháu nội, ông ẵm cháu lán lả ở các lều khác để coi có ai nấu cháu thì xin một chén. Đứa nhỏ nhoئن miệng cười hoài, làn môi hơi đầy giống hệt cậu Chánh. Còn ai ở đây lạ chi về bố thằng nhỏ đó. Mụ Bưởi đưa tay đòi ẵm thằng nhỏ một chút, nói với ông Giáo.

— Thiệt là đồ bất nhơn, con hành rồi lại cháu hành, tui thấy bác không đành lòng. Có tin chi về cậu Chánh không bác?

Ông Giáo thở dài thườn thượt, giọng trầm xuống:

— Tui bồng nó muốn ẹo cả hông. Nó đi miết biệt xứ biệt làng, lấy con người ta to bụng rồi bỏ đi tuốt.

— Nghe đâu cậu Chánh có về bữa qua, súng ống hẳn hơi mà.

Ông Giáo bối rối nhìn quanh quất như sợ ai nghe được. Ông nháy mắt với mụ Bưởi rồi ẵm cháu bước vội vã qua dãy lều bên cạnh.

Mụ Bưởi ngó vô trong lều thấy cô Ba đang soi gương kẻ mắt, mụ cười cười:

— Kể ra cô Ba cũng chịu khó thiệt, hèn chi Ba Thoàn và đàn ông đều mê cô như điên đồ.

Cô Ba day lại, mặt hớn hở.

— Cháu ngồi buồn quá coi lại cái mặt thấy hốc hác quá trời. Anh Thoàn mà mê cháu nổi gì. Anh ấy kỳ cục thấy mờ.

— Tui nghe vài người nói chuyện này thì cô Ba được lời chứ chẳng lỗ lỗ gì. Thiệt khó mà tìm một người đàn ông hay ho như cậu Thoàn.

— Hay ho như cậu Thoàn

Cô Ba nhắc lại mấy tiếng đó rồi ngồi thừ người. Vẻ mặt tươi mát còn lại sau những ngày truy hoan của cô hình như không đủ để hâm nóng lại một chút nào cả cái cảm ngủ giác quên lười biếng của Ba Thoàn. Nhiều lần cô Ba đã đóng đưa con mắt như một cái móc câu dài để kéo Ba Thoàn lại gần nhưng đều vô hiệu. Gã quen với cảnh cô cút, lì lợm trước cái nheo mắt vùi

vĩnh, nụ cười ồm ồm mời gọi những sản sóc rất tinh. Có lẽ vì cái quá khứ không được tổ đẹp của mình chăng? Hay là mình gặp phải hủ đàn ông chung tình rất mực? Cô Ba thấy quá long đong khi tìm kiếm một người. Phải chi anh Thoàn điệu một chút.

Mụ Bưởi nhỏ nhẹ làm đứt ngang ý nghĩ thâm kín của cô Ba :

— Cô Ba, cô cứ làm già nữa đi, cậu Thoàn riết một hồi cũng mềm lòng.

Mụ dừng lại, bỏ lửng câu nói lúc thấy Ba Thoàn buồn bã đi vào.

— Ấy mới nhắc tới thì đến liền. Làm chi mà linh thiêng quá vậy.

Ba Thoàn lẩm bẩm :

— Rầu thấy mồ, hể thấy bác Bưởi và cô Ba ở mô là cười tới đó, cười chi mà đoán hậu rứa không biết.

Cô Ba báy mắt không nói chi cả. Mụ Bưởi cười bả lả.

— Cậu phiền con ghé rồi phiền lây sang người khác. Thời buổi ni ma cậu, mình lo cho mình chưa nổi còn lo cho vật... nó kêu vài ba bữa chớ kêu hoài kêu hủ mà lo. Cậu tin tôi li, riết một hồi rồi dẫu vào đây cả.

Cô Ba góp vào.

— Tui thấy anh nên đem bán phứt đi, lấy tiền dùng vào việc khác.

Ba Thoàn chưng hửng, dăm giận bất ngờ.

— Có cái chi là nên, không nên cả. Con ghé là gia tài còn lại của tui, nó còn biết nhớ làng cũ, còn thấy tù túng, còn....

Ba Thoàn mệt mỏi dừng lại nữa chừng, gã biết có nói hết ý, chắc gì mấy người này hiểu được. Gã hậm hực nói lúc vùng vằng bỏ đi « bà con ăn nói lạt như nước ốc » Hai người đàn bà cười ngặt nghèo. Tiếng cười quán theo bước chân của gã.

Vào lúc chạng vạng, Ba Thoàn vẫn chưa trở lại lều, gã quanh quẩn bên con ghé. Trong hai ngày qua, gã không ngừng rày rức, nhớ tiếc đồng cỏ thềm thang, con sông nhỏ hiền hòa. vài vùng mẹp láng bóng màu đất bùn, tiếng chim rộn rã trên mái rạ... Quê hương trong trí nhớ rạt rào làm nôn nao lòng dạ. Đứng nán thêm một lát, gã mới thất thểu vô lều, ngồi thừ người trên chiếc táng trải rộng. Gã chỉ ngồi được như thế một hồi rồi nghe mệt mỏi, đã-dượi. Gã chập chờn trong giấc ngủ không yên.

Lúc tỉnh dậy, gã thấy nặng ở phía trên bụng, gã đưa tay coi thử cái gì thì vớ phải ống quần lụa mềm mại. Gã vuốt nhẹ, sờ trơn và nghe êm ả. Hình bóng người vợ đã khuất cùng những cảm giác quen thuộc lần hồi sống lại. Gã bồn thần trong niềm thỏa thích riêng tư. Gã ôm chân cô Ba, cảm động không thể ngủ tiếp được. Gã nghe da thịt của cô Ba thấm nhập nhẹ nhàng vào thân thể của mình. Như hương cau, hương lý, hương lái tỏa dịu cùng khắp, gã nghe êm ả trong thứ cảm giác hỗn loạn đó. Không biết gã có nhích người cho gần sát cô Ba thêm chút nữa không mà đụng phải chân mụ Bưởi. Mụ hít hà, giọng ngát ngủ : — cái cậu này không có mắt à, chi mà lộn xộn dữ rứa. Mụ chống tay ngồi dậy ngó dáng nằm bở hang của cô Ba, vỗ mạnh lên bắp vế của cô : « Í, trời đất, đàn bà con gái » Cô Ba hốt hoảng rút chân lại nằm nghiêng nhìn Ba Toàn. Trời sáng dần, cô Ba có thể thấy gã đang cười. Hai người âm thầm nằm nhìn nhau đợi trời sáng hẳn.

Ba Toàn thấy mình như trẻ lại, náo nức nhìn khuôn mặt cô Ba rõ dần, gã nheo mắt cười trước khi chống tay ngồi dậy. Gã sợ nhớ con nghé, hốt hoảng chạy ra đằng sau bãi cỏ. Đến nơi gã chỉ còn thấy cái cọc chơ vơ giữa bãi trống. Gã lặng người, tưởng có thể khóc được. Gã đứng im sững một hồi, nét mặt trở nên lảng đãng. Lát sau, gã chạy vô lều lấy chạc dây, vác bị vải nâu trên vai rồi hấp tấp đi tìm con nghé. Dấu chân nó in rõ trên con đường đất bột đưa gã trở về vùng quê cũ.

oOo

Chiếc cầu tre bắc ngang còn hơi nhỏ. Nước lặng lơ mang lớp phèn mỏng. Trên bờ hói, con nghé đứng nghênh cổ kêu, giọng đã khàn. Xác một người nằm xấp, tay dang rộng ôm lòng đất, vai mang bị vết màu nâu, chân đi dép Bình-Trị-Thiên giữa đám bèo mắc cạn nở hoa tím tím.

TRẦN HỮU LỤC

HỒ MINH DŨNG

những lớp mây phai

Cơn gió nam quét qua khu chợ, bỏ lại sự trống trải trong đôi mắt đứa bé lên năm, ngồi trong một góc lều nhỏ, mẹ nó đang ngủ say, thỉnh thoảng cựa mình vì đàn ruồi bầu quanh khuôn mặt đen đúa. Thằng bé nhìn chăm chú vào mặt mẹ nó, lúc ngủ hai con mắt nhắm lại thấy lạ hẳn. Người đàn bà đó gần bốn mươi tuổi, mắc bệnh điên và không biết từ đâu xiêu lạc tới đây sau năm lụt lớn. Một đứa bé khác mới sinh vài tháng cũng đang ngủ, miệng ngậm lơ dềnh cái núm vú khô, buông thõng, già nua. Một vài giọt sữa rỏ xuống đất và đàn kiến đang lặng lẽ di chuyển đến. Khu chợ không còn một bóng người. Vài con chim sẻ lẹ làng từ trên cây cao nhảy xuống, cất tiếng hót rồi bay đi. Buổi trưa hè nực nội. Trời xanh cao không mây. Đàn bò nhốt trong xóm rống lên như bị chọc tiết. Bên kia sông, chân trời bị nong rộng ra, xa tắp. Những cụm núi cũng bị nắng làm mờ nhạt. Tượng Phật-bà đứng chênh vênh trên một cồn bấp trắng xóa như có bao bọc một lớp sương mù. Giòng sông nước rút cạn, lúc nào cũng như bị tách rời ra khỏi đất liền, số phận lúc nào cũng mang trên lưng nỗi bơ vơ thâm kín và lạnh lẽo của một kẻ đến trọ trên đất người. Dòng sông buồn

như sự nổi dài những sợi tóc của một người đàn bà vì tình phụ. Mùa hè đến đã lâu nhưng những chiếc lá xanh của mùa xuân vẫn còn lại làm cho khu chợ lúc nào cũng che mờ bóng mát. Từ ngày cái cầu được bắt qua sông, khu chợ trở nên sầm uất. Chiếc xe sơn màu lam ngày nào cũng có mặt ở một nơi nhất định để bán thuốc quảng cáo, nhờ răng và lông quặm không lấy tiền. Cái *hautparleur* thường xuyên phát ra điệu nhạc cải lương cũ kỹ kèm theo vài bản tân cổ nhạc giao duyên mà âm thanh trôi lênh bênh trên khu chợ, nó không giống một âm thanh nào, tự tách rời ra, một mình không tan biến nổi giữa khoảng không đầy những tiếng động khác.

Năm ngoá, cũng vào mùa này, không biết một trái sáng ở đâu bắn tới, rớt ngay trên ngôi đình chợ. Lửa bốc cháy rực trời. Thiêu rụi luôn cả những gian hàng tạp hóa, nhà tè sinh và trạm thông tin áp dán đầy bích chương, biểu ngữ. Cả mấy nhà cầu đơn giản ở mé sông cũng cháy rụi. Không một ai chữa lửa hôm đó. Lửa một mình lan rộng, tàn phá. Bọn nghĩa quân gác cầu cũng không rời khỏi vị trí phòng thủ. Lửa ở lại từ đầu hôm cho đến gà gáy sáng, rồi sau đó như trải qua một cơn giận dữ đã mệt mỏi, nằm xuống, tan biến đi. Đêm ấy, chỉ thấy độc nhất mù điện cử động trong đám lửa tàn bạo. Hình ảnh mù giống như một chiếc thoi đưa. Đến sáng, khu chợ như trải qua một mùa đông, lá cây trơ trụi hết. Tất cả chỉ còn một đồng tro tàn.

Đứa con thứ nhất của mù điện tên Thí, nó ra đi đã hơn hai năm chưa thấy về. Nó đi từ hồi mười sáu tuổi sau khi theo học hết lớp may âu phục do ty lao động tổ chức miễn phí. Sự gia nhập vào quân đội nó không gặp một trở ngại nào cả, mặc dù nó đã tẩy khai sinh thêm cho đúng tuổi thi hành nghĩa vụ. Ông thượng sĩ ở ban tuyển mộ lưu động còn hứa, sau khi ra trường sẽ cho nó ở hậu cứ may vá áo quần cho binh sĩ nữa... Trước đây, khi khu chợ chưa cháy, nó có về một lần trong bộ quân phục gọn gàng, tóc để dài vuốt thành đuôi gà, chải bóng mượt. Trên tay nó chần chịt dấu chàm, khắc hình con gái khỏa

thân và một vài hình thù kỳ quái khác. Nó mang về cho mẹ nó một bộ áo quần vải bông và một chai rượu ngoại quốc mua ở Saigon. Nó tự tay chúc rượu mời mẹ uống rồi vui sướng kể lại những chặng đường mà hắn đã đi qua, từ khi ồ ạt theo đoàn quân tiên vào những mặt khu rậm rạp cho đến những ngày theo sát gót địch trong các miền sinh lũy lồng lắt. Nó còn kể lại chi tiết cuộc gặp gỡ người con gái trên một chuyến bác chiều qua sông Cửu long. Mẹ nó lúc đó tỉnh táo lạ thường, đôi mắt toát ra sự tinh anh mà nó chưa lần nào thấy. Người con gái đó bấy giờ đã thành vợ nó, thỉnh thoảng năn nỉ xin được ra Trung một chuyến, nhưng thằng Tý lúc nào cũng viện cớ dương sa khó khăn. Có lần nó nói với vợ : Em cứ ở trong những ngày mong ước mới đẹp, nếu anh đem ra Trung rồi thì em lấy gì mà ước mong nữa. Nó còn nói thêm đề an ủi vợ : Bấy giờ mình bấy đây đường, ngày nào thanh bình, anh và em, nếu có con thì tất cả gia đình ra một lượt bằng tàu suốt, đi tàu vui lắm em ạ, chắc ngày ấy cũng không xa đâu. Chuyến trở về lần do chạt ra Tý chưa có phép đặc biệt, nó chỉ theo mấy bay tạp tưng mấy chiếc quan tài bạn hữu mà nó biết quê quán, ghé vô chợ thăm mẹ rồi vội vã ra đi. Mẹ nó trở lại cơn đau tương nhật, ngồi thẩn nhiên không nói một lời. Con mưa bồi trắng khu chợ, bồi trắng con đường cái và xa đi những dãy nhà nằm bên kia đường. Thằng Tý vọt lên khóc nhưng tiếng khóc của nó chỉ thét lên rất ngắn rồi im bặt bởi vì cơn giông dữ dội đã giáng xuống chớp lửa trên cổng vào chợ. Ra đi từ dạo ấy không thấy nó trở về nữa. Ở nhà cái thai ngày một lớn trong lòng mẹ điên. Thằng Tý ngày nào cũng đặt tay lên bụng mẹ, lòng vui không xiết kể, đôi khi còn thấy nó ghì tai vào bụng mẹ nghe ngóng với một cảm giác sung sướng. Có một sự gì đã rung lên, thấm vào bàn tay nó, thấm vào màng nhĩ của nó, một sự êm ái tuyệt vời. Đến khi mẹ điên sinh đẻ, đưa bé sơ sinh nằm trần trụi trong đồng giẻ, thằng Tý thấm thía nỗi đau xót khi nhìn cái bụng mẹ nó co rúm lại, một bộ phận nào đã mất, đã thiếu hụt trong cơ thể yếu đuối của người mẹ. Nó vọt lên khóc. Tiếng khóc thật giống như hôm anh nó lên

đường, thật ngắn và bị cắt đứt. Mụ điên sinh con thật dễ dàng. Mới đầu hôm khỏa thân tắm dưới sông, làm trò cười cho bọn người rồi rảnh công việc mà nửa đêm đã nghe tiếng khóc o-o-e của đứa bé. Mụ đẻ một mình, tự cắt rốn con bằng chiếc dao chặt xương thịt vắt trong nhà tề sinh. Mụ đem chiếc nhau chôn ở gốc cây bàng mới lớn. Xong xuôi mụ bình tĩnh như không có chuyện gì xảy ra. Sáng dậy không thấy một vết máu nào còn dính lại trên thềm chợ, mụ đã gột rửa sạch bằng một chiếc khăn tay không bao giờ giặt cả.

Nhìn đứa con mới sinh, mụ điên không sao khỏi hiện ra hình bóng của người tình nhân bạc bẽo. Người đó không biết ở đâu. Ghé qua ân ái năm ba phút trong bóng tối rồi trốn thoát. Đã mười sáu năm nay, chàng lúc ẩn lúc hiện như một bóng ma, chàng luôn luôn theo sát, trôi dạt phương trời nào cũng có chàng cả. Nhưng không bao giờ mụ được thấy chàng, và năm này qua năm khác chàng chỉ là một bóng đen linh động, một chiếc bóng. Nhưng mụ điên có ngờ đâu, người tình mười sáu năm về trước đã bị phi cơ oanh tạc chết giữa một thửa ruộng lúa xanh mướt. Mụ có ngờ đâu một đứa con của mụ là một cha. Cha chúng nó ở khắp nơi, nhan nhản trong xã hội, là những người quét chợ, là những kẻ đưa đồ, là những kẻ ăn mày đêm về trú ngụ. Họ đủ cả, là những người giàu có lúc vợ đi buôn bán ở xa, là những bậc thầy giáo lúc vợ lâm bồn, là những nhân viên xã ấp lúc đêm quá chén trở về, họ là những người đi chơi xóc đĩa, tứ sắc. Mụ điên không bao giờ nghĩ tới những nét mặt đạo mạo, oai nghiêm, giàu có, nhưng trong bóng tối, họ là những con chuột ghê ghớm gặm nhấm từng đốt xương đau thương của một người tàn tật. Bọn chuột ghẻ lở đã để lại cho mụ những đứa con lớn lên nhờ cặn bã của khu chợ, nhờ những đồ thừa thãi vô ích không ai dùng tới.

Chiếc nhau mụ điên chôn nơi gốc cây bàng bị con chó mực của thầy đông-y moi lên, kéo lê lết vòng quanh chợ, cả xóm đều ngửi thấy mùi hôi nồng nặc, có người tức bực đốt đuốc tìm kiếm, lục lọi khắp nơi nhưng vô ích, đến tận sáng

con chó tha cái nhau bằng qua đường, mùi hôi tràn ngập cả khu chợ, bọn trẻ con đua nhau đuổi con chó chạy vòng quanh chợ miệng vẫn ngậm chặt chiếc nhau. Đến nửa trưa, sau lời yêu cầu của ông đại diện xã, người nghĩa quân đem súng ra bắn, phát đầu con chó bị thương ở cẳng, máu chảy đầm đề nhưng vẫn cố gắng tha chiếc nhau chạy một đoạn rồi ngừng lại. Một phát súng nữa ghim vào đầu nó, trước khi chết con chó buông cái nhau ra và sủa mấy tiếng khàn khàn rồi im bật. Cả xóm đổ ra xem đông đảo nhưng không ai nhìn ra hình thù chiếc nhau của mụ điên, trước mắt mọi người lúc đó là một con vật kỳ quái đã chết, một cánh chân rữa, một bộ lông heo hay là một cái gì đó không ai biết được. Sau đó, bọn trẻ con đem ra đồng đào một lỗ chôn con chó cùng với chiếc nhau. Một hôm trong quán chè, người nghĩa quân buồn bã nói : *« Chỉ mười ngày sau thì trên mộ con chó có một loài cây thật xanh và nếu không bị xe cày ủi đi thì chắc chắn sẽ nở một cành hoa đẹp. »* Công việc xảy ra mấy hôm thì mụ điên mắc bệnh nặng, ban đêm mụ rên ầm ầm, ban ngày mụ bỗng con đi khắp chợ làm nhảm những gì không nghe rõ. Hai đứa con của mụ chỉ có mấy ngày mà đã ốm như hai con thằn lằn mới đẻ. Ấy là một dịp cho cô giáo trường làng giảng một bài đức-dục mà bọn trẻ lúc nào cũng vênh tai nghe như nước-chảy-quá-lá-khoai, không hiểu gì cả. Cô giáo đã nhiều lần nhắc nhở đến tình mẹ thương con và sự liên hệ ruột rà của người con đối với mẹ. Mụ điên và mấy đứa con là một ví dụ cụ thể. Đến giờ bãi học, trên đường về, mặc dù không hẹn hò, bọn học trò cũng tập trung đông đủ đến xem mụ điên nằm vùi trong góc đình chợ, hai đứa con ôm hai núm vú, nó ôm theo thói quen, hai chiếc vú xệ xuống và không còn một giọt sữa nào nữa.

Khi ra khỏi chợ, con Lượng nói :

— Cũng vì thím đó mà cha tao đập bể một mâm cơm và cái radio.

Không có đứa học trò nào hỏi, con Lượng cũng không nói gì thêm. Trong trí hần hiện ra nét mặt cay cú của mẹ hần khi thấy cha hần đứng sững sau làm chuối nhìn trộm mụ điên

tắm dưới sông. Trong bữa ăn tối đó, mẹ hắn chụp cò áo Hòa cứng đờ, trong lưng quần có giắt một con cá chép to tướng. Người ta thấy mẹ điên ngồi rũ rượi nhìn bọn kẻ chài xò nước trong bụng và làm hồ hấp nhân tạo cho người chết trôi. Có người trong dịp này nói rằng đứa bé sau cùng là con của người nghĩa-quân đó nhưng ít ai tin vì không có bằng chứng nào xác thật cả. Từ ngày đó, chiếc xe màu lam không còn về khu chợ nữa, tiếng hát cải lương và mấy bản tân-cổ nhạc giao duyên chỉ còn lại trong ký-ức bọn trẻ con hàng ngày la lét trên vạc đất quanh quẽ khi phiên chợ đã tan. Trong xóm có thằng Lự-tóc-quần, sau ngày thi đệ thất hỏng, cha mẹ nó bắt ở nhà chăn bò, chiều nào cũng ghé lại nói chuyện với mẹ điên. Hắn là một người duy nhất biết rõ lý lịch của mẹ kẻ cả sinh quán và uần khúc trong đời sống của mẹ. Nhưng nó chưa bao giờ thò lộ cho ai biết kể cả ban công-an quận đến điều tra về cái chết đột ngột của anh Hòa-nghĩa-quân. Thằng Lự-tóc-quần lý luận một cách giản dị rằng mẹ điên cũng giống như những người tật nguyên khác, những người sinh ra chẳng may bị dư một ngón tay, thiếu một con mắt, mang một cục bước ở cò, thể thôi. Họ là những người đáng thương. Nếu ta không đem đến cho họ một sự an ủi nhỏ nhất nào thì đừng tiếp với tạo-hóa làm cho đời họ khổ đau thêm. Trong đầu nó, câu chuyện thảm của mẹ điên lúc nào cũng hiện lên, sáng rực và kỳ diệu như một chiếc cầu vồng nằm lưng chừng bên kia chân trời.

Nàng tên là Nguyễn thị Tâm, sinh tại miền quê trù phú, sát một chân đèo quanh năm mây phủ. Hồi nhỏ, nàng học trường làng, trong một mùa hè, nàng theo cha lên rừng đốn củi. Bỗng một hôm, tiếng gầm thét vang động núi đồi, rồi một con cọp vằn từ bên kia con suối phóng mình qua, rồi thôi. Nàng không nghe và không thấy gì nữa. Rừng núi trái qua một cơn địa chấn. Tất cả thành sa mạc. Khi tỉnh dậy, cha nàng đã biến mất, bỏ lại một cánh tay nằm trên mặt đá với một ít máu còn tươi. Cánh tay đó theo nàng trở về gian nhà cũ. Một đám ma được tổ chức, bà con nội ngoại chung vai gánh

chiếc quan tài đựng cánh tay ra nghĩa địa làng. Từ đó, nàng bắt đầu đi vào cuộc hành trình mới...

Thằng Lự-tóc-quần nói rằng, chỉ có những người tật nguyền như mù điếc mới thấy được hạnh phúc, hạnh phúc không ở họ xa họ, nơi ở không có dấu chân của hận thù, không có khói lửa. Chiến tranh đã bị đào thải. Họ tách rời mọi biến động, xa rời những lớp người mọi rợ. Nó nói thêm rằng, từ nay bất cứ lúc nào, tao thấy đứa đàn ông nào cựa gãi thím Tam, tao sẽ bắn chết tại chỗ. Tay nó mân mê những viên đạn đồng sáng loáng, nét mặt đỏ lúc nó cảm hờn đã dâng lên. Sau mấy ngày thằng Lự-tóc-quần đem đàn bò cột ở nhà tẻ sinh thì nó bị ám sát chết. Xác nó còn bị cột thêm một cục đá lớn kéo xuống đặt dưới bến sông. Không ai biết tẩm tích gì về cái chết của nó và chỉ vài ngày sau thì người ta quên bẵng đi, khu chợ và bên sông trở lại sinh hoạt bình thường. Độ ấy, đã có những gánh rau cái, mướp cà ở miệt quê gánh lên chợ, có lẽ thôn quê đã tạm yên ổn, người ta cũng ít khi thấy xe tăng chạy về, kẻ những khẩu đại bác đen đúa kéo sáu những chiếc xe mười bánh cũng không thấy nữa.

Ngày tháng trôi qua. Bỗng một sáng, không có một ai đến chợ cả. Súng đã nổ thật gần, nổ ở đường cái, ngoài trường mẫu giáo, bên bên trụ sở ấp, đầu giốc cầu. Nhà cửa đóng kín mít. Thỉnh thoảng có một vài bóng người thấp thoáng, chạy men theo những bức tường. Tiếng đại bác gầm xé, đại bác nổ ở dưới sông cắt mặt nước thành nhiều mảnh vỡ, giòng sông tan biến với cơn mưa. Đại bác nổ ngay trên chợ, nổ tung gốc cây bàng ngày trước mù điếc chôn chiếc nhau. Mù điếc đảo mắt nhiều lần tìm kiếm, nhưng không còn một cái gì nữa, khu chợ đã trở thành bãi chiến trường rồi. Mù điếc ôm cứng hai đứa con trên tay, thân thể hai đứa bé cũng không còn hơi ấm, chúng nó cứng như hai cục gỗ nhưng mù biết chưa chết vì mắt chúng nó nhấp nháy miệng chúng nó còn nuốt nước bọt. Súng vẫn nổ dữ dội, một vài ngôi nhà bên kia đường bốc cháy. Bên kia sông thì im lặng quá đỗi. Những nhịp cầu thô kệch vươn mình

lên, còn bắp xanh mướt và một vài cánh chim chao cánh bay. Đàn bò ở nhà tề sinh rú lên, chen với tiếng chó sủa đồng, tan loăng. Và chỉ có mưa thôi, gió thì như đặc quánh lại, gió đã thành chất nhão, gió xòa vào mặt rất buốt. Một quả đạn bác nứa nổ ngay xuống mặt chợ, trong chốc lát khu chợ không còn một vật gì đứng cả, tất cả đã bị san bằng. Mụ điên tay bông một đứa con, lưng còng một đứa con khác men theo kiệt nhỏ ra đi. Lần đầu tiên mụ có ý định tạm bỏ khu chợ, nơi quê nhà yêu dấu còn lại duy nhất trong đời. Qua khỏi trạm thông tin ấp, mụ điên đâm lên một người bị thương sắp chết, đôi mắt người đó trừng trừng nhìn lên, không nói được. Mụ cầm đầu chạy đến chân cầu. Hàng chục họng súng chia theo. Đạn bay vèo vèo. Người ta tưởng chừng mụ điên đã bị đốn ngã hôm đó, cùng với những xác chết khác không ai chôn cất ở rải rác khắp nơi. Nhưng không, khi biển cổ đi qua, lúc người trong xóm lần lượt trở về nhà cũ, người ta đã thấy mụ điên ngơ ngác ngồi trên khu chợ. Mụ chỉ còn một đứa con. Thằng Tý đã bị trúng đạn ngay từ hôm mẹ nó còng qua cầu. Một viên đạn nhỏ thấu ngang xương sống, lọt vào ở giữa hai lá phổi. Nó chết ngay trên lưng mẹ và được mẹ nó ẵm ngủ một đêm đến sáng mới đào lỗ bỏ xuống.

Một ngày trời dịu bớt cơn mưa. Khu chợ đã có một vài người tới nhóm. Có một chiếc xe đậu ở ngoài đường cái hơi còi inh ỏi, trên xe có chở một chiếc quan tài, người tài xế xuống đi vòng quanh chợ mấy lượt, hỏi thăm vài người rồi quay lại xe trở lại. Người tài xế già không chịu tiết lộ thêm chuyện gì nhưng trong xóm đoán chắc thằng Thí con mụ điên đã chết. Khi chiếc xe chạy khuất. Mụ điên bông đứa con còn lại qua sông, tay cầm nén nhang. Thằng Tý chết vừa đúng một tháng. Ra nửa cầu, bỗng mụ điên ngừng hẳn lại, dưới chân cầu âm vang tiếng động, nước nguồn đổ về âm ỉ. Tiếng gào thét của một khu rừng đâu đây. Rồi tiếng dòng suối chảy qua, tiếng la thất thanh, tiếng động buồn nản trên đường về. Tiếng khóc nức nở của hàng chục người đưa cánh tay ra nghĩa địa. Đôi mắt

mặt diên sáng rực lên, lòng mặt tràn ngập một niềm cảm xúc vô biên. Mặt đứng cứng ngắc như một pho tượng. Đứa con rời cánh tay mặt và rớt xuống dòng sông nhẹ như một hòn sỏi. Chung quanh mặt không còn ai nữa. Mặt cũng không bao giờ qua sông nữa.

Bắt đi thật lâu, mấy năm không ai nhớ rõ. Mặt diên từ một nơi nào xa trở về ghé thăm khu chợ cũ. Chợ đã tan. Mọi sự đã đổi thay hết. Trong xóm không còn ai nhìn ra mặt. Mặt không còn là một người diên, mặt ăn mặc sạch sẽ, chân đi guốc, tay xách cặp da, miệng có tô son đỏ. Mặt qua cầu, tìm thăm ngôi mộ thằng Tý, ngôi mộ không còn nữa, nơi đó nay đã biến thành pháo đài cho bọn nghĩa quân giữ cầu. Khi trở lại giữa cầu, nơi ngày trước đứa con chưa đặt tên đã từ cánh tay mặt êm ả rơi xuống. Mặt đứng đó thật lâu, nhìn xuống, dòng sông bốc lên muôn lời nói, dòng sông đang thở hơi thở của một đứa bé xa rời người mẹ. Nhìn xuống, ở đó không có một vết tích gì, không có gì để lại cả. Chỉ có một đám mây nhỏ, sau khi phiêu bạt nhiều phương trời đã ngừng lại. Đám mây đã phai hết màu sắc. Đám mây mắc cứng dưới lòng sông.

HỒ MINH DŨNG

Mùa hạ 1970.

HUỖNH HỮU ỦY

MARC CHAGALL VÀ CUỘC PHỤ C HOẠT MỘT KINH NGHIỆM ĐỜI THƠ MỘNG .

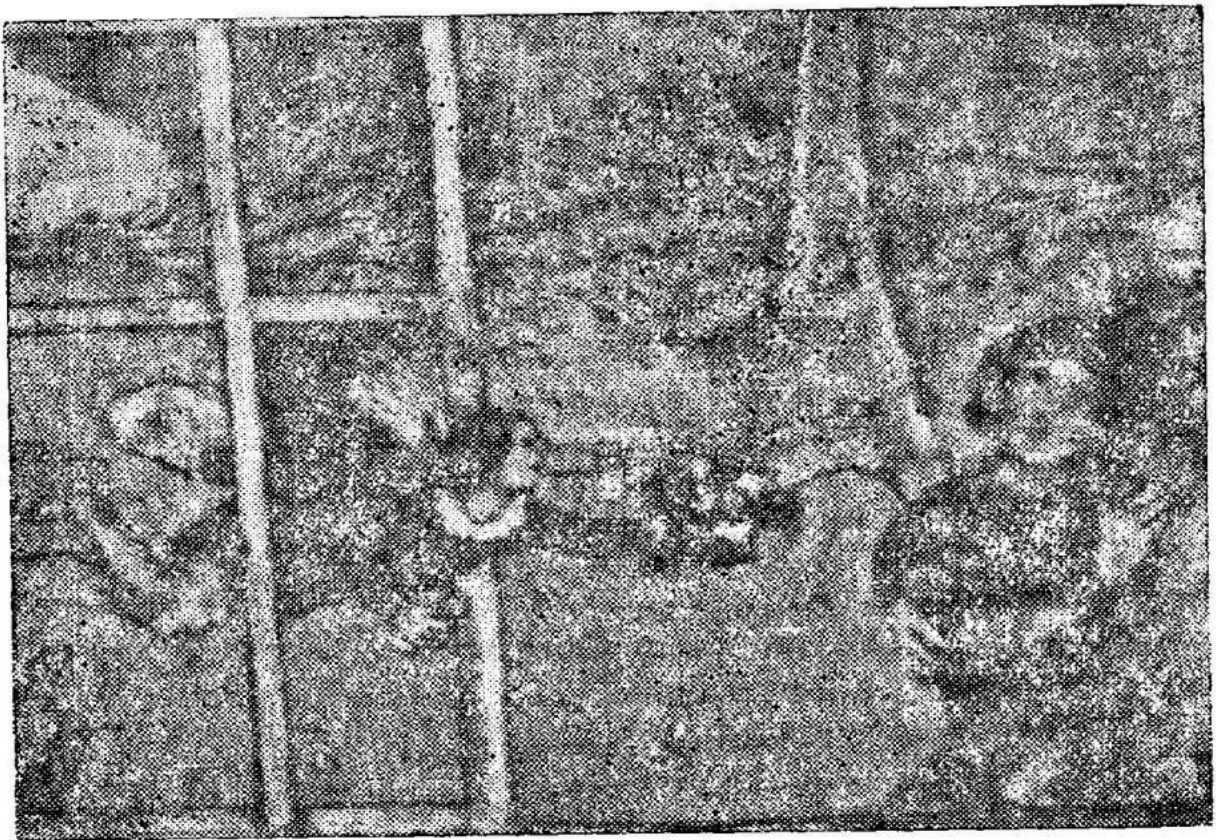
Chagall là một họa sĩ gốc người Nga, sau cuộc cánh-mạng tháng 10, ông rời bỏ xứ sở mình, từ chối vai trò ủy-viên nghệ thuật thành phố Vitebks, trở lại sinh sống tại Paris, nơi mà trước đó mấy năm, ông đã từng sống đói rách nhưng vô cùng tuyệt đẹp, giữa những căn nhà chen chúc như tò tò vò, giữa những khu xóm lao động, cạnh nhà tề-sinh Vaugirard, đó cũng chính là nơi lưu trú của những tay nghệ sĩ lang thang, dăng tử thượng thặng, vô quốc-tịch, chủ trương một đời sống tự do ngang tàng, kiêu kỳ, bạt mạng, sống hết mình. Chính nơi đó, ông đã liên lạc, giao-tiếp với những thi-sĩ thời danh, như Blaise Cendrars sẽ là bạn thân nhất sau này của ông, với Max Jacob, Guillaume Apollinaire, với những họa-sĩ Roger de la Fresnaye, Delaunay, Soutine, Modigliani, với Canudo, người chủ biên tạp chí « Montjoie ».

Ngay ở Paris, ông đã khám phá ra rằng nghệ-thuật là thứ ánh-sáng chói lòa trong chính sinh hoạt thành phố, ở khắp nơi, trên từng mỗi bước chân, trong sinh hoạt của những người

buôn bán ở khu phố, của thợ thuyền, dân dã, những người
bưng café trong quán, những tên gác cổng, khắp nơi và khắp
nơi đều tràn trải, tràn ngập một thứ ánh-sáng lạ thường, một
hương tự do tinh khiết, nên chính nơi đó ông đã và sẽ vô cùng
yêu mến, thiết tha, đam mê, quý trọng, say đắm.

Hiện đã ngoài 80 tuổi, Chagall vẫn sống tuyệt vời giữa thế
giới sáng tạo luôn luôn đổi mới, vũ trụ hội họa ông là một con
đường dẫn về cõi mộng tưởng, đầy huyền hoặc (fantastique),
như những tiếng ngân vọng thánh thót, sang trọng và bất tuyệt,
mà cũng là vẻ phù ảo bốc khói mơ hồ.

Chagall là một họa-sĩ tự gọi và được xếp vào trường-phái
siêu-thực, và ấy là một thứ siêu-thực ấm áp, trữ tình, kỳ-bí,
thơ mộng, vô ngần, ngược lại với thứ siêu-thực quái đản và
hiện-tượng của một Salvador Dali chẳng hạn.



Les Mariés de la Tour EIFFEL

Chagall từ chối con đường của trường phái hiện-thực. Hồi vừa đến Paris, tức là thời kỳ trường phái lập thể đang phát-triển mạnh mẽ, ông cũng lảng tránh chứ không tham-dự vào khuynh hướng và hoạt động này, bởi vì đối với ông, những cây đàn lục huyền cầm, những khối thể, những hình lăng trụ kia của các họa-sĩ lập thể cũng chỉ là thực tại hợp lý nhưng sắp xếp theo hình thái khác mà thôi. Tranh Chagall hoàn toàn phi luận, phi thực và phi lý, ở đó hình thái và màu sắc là vẻ lấp lánh tình yêu và hạnh phúc đã thanh lọc, trong suốt, hồn nhiên, ngây thơ đến độ tuyệt diệu nhất. Hình ảnh Bella, người tình đời của Chagall, cho đến hồi nàng đã quá vãng, vẫn mãi là dấu hiệu tuyệt diệu của thời tuổi trẻ. Nàng bay lượn trên tranh. Như trong bức « Double Portrait au Verre Vin », ở trên vai Bella là Chagall đang bung cốc rượu mừng đời, ở bên trên nữa là đứa con gái nhỏ của Chagall và Bella, đứa bé Ida đang bay trên bầu trời. Bella thì không đứng tựa vào mặt đất, cũng không tựa vào giòng sông đang trôi chảy bên dưới, mà ấy là những bước chân vồ lên, bay bổng.

Khắp nơi trong tranh của người họa sĩ đầy chất thơ ấy, là những tình nhân ôm hôn nhau dưới tàn hoa, bó hoa, chùm hoa tươi thắm, những người đánh đàn, những người chơi đàn violon xanh bay lượn trên mái nhà, và chim xanh, dê, ngựa, bò cái cũng tiếp tục bay lượn mãi, trong không gian, cạnh những giá đèn bạch lập đốt lên cạnh một vai cầu lơ lửng và những bông hoa trắng, tím, hồng, vàng, đỏ, giữa nguyệt cầu tỏa ánh sáng vàng, và mặt trời đỏ thắm, giữa sự phối hợp màu sắc tươi mát, ấm áp, dịu dàng như xanh, lục, hung hung đỏ. Và những cánh cửa chỉ mở ra trên trời, như không bao giờ khép lại hay như mở mãi vào một cõi kỳ bí nào.

Không gian của Chagall không có giới hạn, thời gian không có bờ bến, ở đâu cũng có thể là gặp gỡ, mọi sự như sẵn sàng thoát lên và vượt ra. Chagall mang lại cho ta ân huệ của những vẻ quái lạ trữ tình (Gilbert Lascaux). Nói như Jean-Clarence Lambert, thì đó là một nhà thơ giữa những họa sĩ, mà mỗi bức

tranh là một mảnh thực tại mơ mộng, hay như Claude Roger-Marx, ấy là một đứa trẻ nhỏ thiên tài, một thần đồng không già đi với thời gian (Le Figaro littéraire, 29 Décembre, 1969).

Quả là như thế, tranh Chagall vẫn mở ra nỗi hồn nhiên mãi mãi, niềm hoan lạc kỳ diệu vô song, dù là từ hồi mới đến Paris thời tuổi trẻ, hay trước đó ở Nga, hay mãi 50 năm sau với mái tóc đã ngả màu. Lại nữa, khả năng liên tưởng, kết hợp hình ảnh của ông thực là vô cùng phong phú và tuyệt diệu. Những ảnh tượng tiếp tục chuyển động không ngừng về mọi mặt, hết sức là kỳ lạ.



Le Marchand des Bestiaux

Giới phê bình nghệ thuật ở Paris đã đưa ra một định thức để phân biệt, đánh giá giữa Picasso và Chagall như thế này: Chagall và con đường nghệ thuật siêu thực của ông là cuộc vinh-danh của trái tim, và ngược lại Picasso là sự chiến thắng của trí thông minh thiên tài.

Về phi lý đầy mộng ảo của Chagall là một cách đóng đinh trên thập giá như Thiên Chúa đã phải đóng đinh để cứu vãn nhân loại, Chagall tự chịu cực hình trên giá gỗ một cách vô cùng thơ mộng, để cứu mang cho con người vẻ đẹp mới, hơi thở mới và sinh lực mới. Như Chagall đã viết trong một bức

thư cho Bella : Như Thiên Chúa, Anh phải chịu đóng đinh, bằng những đinh nhọn trên giá vẽ (Tel le Christ, je suis crucifié, fixé avec des clous sur le chevalet, Qua bài tự ngôn sau này, chúng ta sẽ thấy Chagall chịu nỗi khổ hình như thế nào, ông đã nhìn đời sống, quan chiêm, suy niệm đời sống, sống đời sống, nhào lộn đơn độc và đu dây giữa đời sống cô liêu như thế nào. Chúng ta cũng sẽ cảm nghiệm được đâu là sự phục hoạt kinh nghiệm đời một cách đau đớn của Chagall, bi tráng và trữ tình, để sáng tạo nên một vũ trụ hội họa tuyệt vời. Chỉ nghệ thuật mới đủ tinh anh giải phóng và cứu chuộc con người.

HUỲNH HỮU ỦY

MARC CHAGALL

GÁNH XIẾC.

Đối với tôi, một gánh xiếc là một cuộc bày diễn quái-dân, trôi qua và nhào trộn như một cuộc nhân-sinh. Có gánh xiếc đầy vẻ đáng âu lo, có gánh thì lại thâm trầm.

Tôi gặp lại ở Vitebsk, thành phố sinh trưởng tôi, giữa đường phố nghèo nàn, trước ba hay bốn khán-giả, một người đàn ông đến đây với một đứa con trai và một đứa bé gái nhỏ. Trước khi bắt đầu cuộc trình diễn, gã ta trải xuống trên mặt đất một tấm thảm màu đất, làm tung cả bụi mù. Gã lấy ra một cây sào dài 3 hay 4 thước gì đó và đặt cây sào ấy tựa vào chiếc dây thắt lưng.

Đứa bé trai mình trần, chỉ mặc chiếc áo lót màu hồng, leo dọc lên chiếc sào này. Đến tận đỉnh cây sào, nó gặp mình lại

như một con rắn. Không cười đùa gì, mặt đứa bé tái nhợt nhạt. Ta dễ tưởng chừng rằng đứa trẻ kia đã phiền muộn từ lâu lắm rồi, nhưng, tuy nhiên nó lại còn quá trẻ.

Ở phía dưới, cha nó ăn mặc theo lối của một người đánh đu trên dây xiếc, cầm chiếc gậy chống vào bụng đứa lên đến tận mặt, và trong miệng ông người ta thấy những cái răng đã vàng cả.

Đứa nhỏ leo xuống. Đến lượt đứa bé gái leo lên, nó thất hai giải bím tóc nhỏ, thu mình trong chiếc áo chùng nhỏ xiu, sắc-sỡ màu sắc, và hình như cũng khá mệt mỏi...

Đứa bé gái ấy lại leo xuống, mọi người vẫn bất động, cũng như cây sào bất động.

Tôi không biết có ai đã biểu cho những người làm xiếc kia một đồng xu chẳng. Và, tôi cảm thấy dường như chính tôi là người leo lên gặp mình đi, gặp mình lại trên đỉnh cây sào kia...

Một lần khác, tôi bắt gặp một đứa bé gái nhỏ. Đối với tôi nó như một nữ kỹ sĩ mà không có ngựa. Trong khoảng sân trời, nó nổi bật lên trong bộ áo chèn bó sát trong suốt. Tôi vẫn cứ cảm lạnh kinh hãi khi nhìn thấy lại nó trong đêm.

Những cái nhìn này đã đâm xuyên qua tôi. Đứa bé gái với cái áo dính sát mình trong suốt cũng như đứa con trai nhỏ kia đã bốc hơi đi từ lâu rồi. Chúng ở đâu? Chúng đã chấm dứt những chuỗi ngày dài nơi nào? Cũng thế, mỗi một năm, tôi phải như chúng nó, kiểm đếm xem tuổi tác mình trôi qua.

Những người làm hề kia, những nữ kỹ-sĩ kia, những người đánh đu trên dây xiếc kia, họ đã chiếm đóng trong những cách nhìn của tôi. Tại sao thế? Tại sao lối hóa trang, những điệu-bộ nhún nhót trong vai hề của họ lại làm tôi cảm động? Tôi đến với họ để đi về phía những chân trời khác. Màu sắc và cách hóa-trang của họ lôi cuốn tôi đến những biến-dạng tâm-lý (déformations psychiques) mà tôi mơ mộng đề vẽ. Và

khi tôi thấy trong đường phố mọi ngày, một người đàn ông đáng lẽ ra sống một cách bình thường, lại «chơi đùa», tôi có cảm tưởng là cù-uyên-biến trong một gánh xiếc, nhưng gánh xiếc nào vậy !

Tôi đã thấy đôi lúc, theo thời gian, một đại-diễn-viên, bằng lối diễn trò của hắn ta, vượt qua những biên giới của kịch nghệ, và đôi lúc một tên đóng he đầy thiên tài cũng vượt qua những biên cương giới hạn của gánh xiếc.

Tôi còn nhớ đã thấy, trong thành phố quê mẹ tôi, một kịch sĩ có mái tóc dài, mặc áo choàng dài của phụ nữ. Ông ta đến thành phố VITEBKS với một nhóm diễn-viên khác, để trình-diễn ở nhà hát thành phố. Ông ta đóng những vai trò trong các vở tuồng cồ-diễn, nhưng chính ông ta lại chỉ có vẻ của một tên hề.

Cách đây khá lâu, khi trở về nhà, nhìn qua cửa sổ, tôi bắt gặp một người chết ở một góc phố. Về sau, người chết ấy là một yếu-tố trong tranh tôi. Tôi thấy người chết đó nằm dài ngay giữa phố. Tôi vẽ người nhạc-sĩ ở trên mái nhà và có lẽ tôi đã thực-hiện bố-cục ấy như một gánh xiếc, nhưng ấy là một gánh xiếc thiếu đi sự sắp xếp hợp lý (cirque illogique). Tôi còn nhớ đã thấy trong tủ kiến một phòng triển lãm ở Paris một bức tranh vẽ một chiếc giày đặt trên cái ghế dựa : bức tranh của Van Gogh. Tôi cũng còn nhớ đến bức tranh khác của ông, bức «phong-cảnh và những đàn quạ» (Le paysage aux corbeaux). Đối với tôi, ấy là những yếu-tố của một gánh xiếc bi thảm.

Trong đời sống, tôi cũng đã thấy, than ôi ! một gánh xiếc khác mang dáng vẻ khôi hài : một người đàn ông nào đó đứng phồng mang trợn mắt dậm dọa mọi người chung quanh, và tán thưởng đáp lại hắn ta là một tràng vỗ tay rầm rầm như sấm.

Tôi cũng đã thấy người ta thành đạt về danh vọng và tiền tài như thế nào : luôn luôn là trò làm xiếc.

Một cuộc cách mạng không dẫn về lý tưởng muốn đạt tới, thì có lẽ cũng là một gánh xiếc. Tôi mong mỗi che dấu những

tư tưởng, những tình cảm ấy trong cái đuôi ngựa rậm rạp kia của gánh xiếc, và chạy đuổi theo sau lưng ngựa như một tên hề nhỏ bé nào đó. đề đuôi bắt nổi sâu thẳm trên cõi trần gian này, trong khi cầu xin lòng thương hại nơi người. Và nếu tôi đã vẽ tranh, ấy là bởi tại tôi nhớ đến thân mẫu tôi, với đôi nhũ hoa đã kích dục tôi quá nồng nàn, ấy nên tôi sẵn sàng treo mình lủng lẳng trên nguyệt cầu.



Autoporait

Gánh xiếc, ấy là một từ quái đản (un mot magique), một trò chơi ngàn năm đang nhảy múa, ở đây là nước mắt và nụ

cười, là trò chơi của cẳng chân và những cánh tay, tạo nên thể-hình của một nền nghệ thuật lớn.

Và phần đông những người làm xiếc nhận được gì ? Là một màu bánh mì. Đêm tối đến mang lại cho họ niềm cô đơn, nỗi buồn thảm. Cho đến ngày hôm sau, lúc mà đêm đã tràn ngập ánh điện, thì ấy là giờ báo hiệu cho họ một đời sống mới đã cũ mòn (*une nouvelle vieille-vie*). Đối với tôi, gánh xiếc dường như là biểu tượng của nỗi bi tráng kỳ cùng nhất.

Qua nhiều thiên niên kỷ, ấy là tiếng kêu nhốn buột trong cuộc truy tìm niềm vui chơi cho con người. Thường khi nó dựng ra hình thái của một nền thi ca cao cường. Đối với tôi, Don Quichotte là con người đang đi tìm một lý tưởng. cũng như tên hề thiên tài này, hấn khóc thương, hấn mơ mộng đều khởi từ một tình yêu thương nhân bản.

Khi nhìn thấy chiếc cũi lớn chứa đầy thú dữ, chiếc cũi bằng sắt nhốt sư tử, cọp, những tư tưởng lạ lại bay lượn phần nào trong tôi hay ngoài tôi. Trước mắt tôi, đấy là chiếc thuyền của Noé. Phía bên kia những chấn song sắt đóng kín là những sinh vật mà Noé đã chọn lựa để cứu vớt trong cơn đại hồng thủy. Nơi vị trí của Noé là một người chăn thú trai trẻ, gã chuyên động một chiếc roi quất nơi tay. Gã ta điều khiển. Tôi không thấy cánh chim trắng nào có thể bay tung lên, đề báo hiệu trước với muôn loài về niềm an bình cho trần thế.

Người ta tấu lên một thứ âm nhạc nào đó. Tôi ngồi, mình trần và chờ đợi, và những con thú được tung ra về phía chúng tôi, chúng hận thù vì chúng không phải là những con người. Có lẽ bởi thế chẳng nên chúng găm thét, làm trò năn nhó, hung tợn, bất bình thế giới loài người chúng ta ?

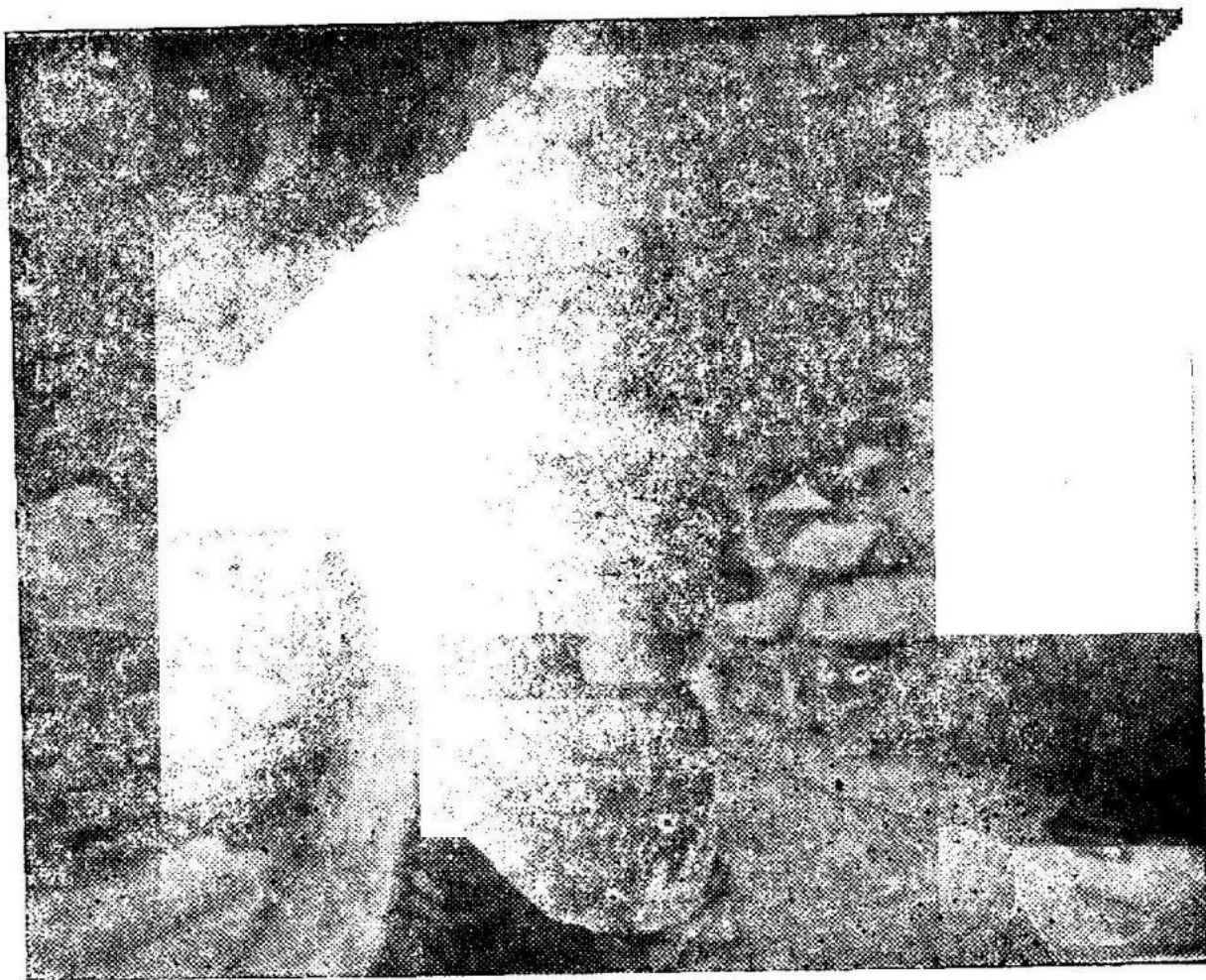
Tôi nghe phát ra từ mõm chúng những tiếng găm rú, phát ra một thứ sự thật khác, một chân lý dã thú, mà chúng ta không thể biết tới. Chúng găm thét do những niềm bí-ẩn bất-khả-thông nào khác của vũ trụ, vì sự khinh bỉ đối với chúng ta và đối với cái ngục tù đang nhốt chúng. Ngày nay chúng sẵn sàng

ngẫu nghiêng cần xé chúng ta.

Vậy thì có tên hề nào có thể mở cái miệng như thế ra, cái miệng chứa đựng lắm biểu tượng thế, đề phỏ ra, nhe ra những cái răng trắng, đỏ, nhọn như là những tia chớp ?

Tôi đã vẽ những con sư tử này trên ngai vua Salomon, nơi chân vua David, trên vòm cung ngôi đền. Tôi đã thấy hình ảnh chúng trên y phục của những Đại-Tư-Tế, trên những tấm thảm của các lâu đài cung điện.

Cuộc tấu nhạc ngừng lại.



Dans la nuit

Chúng tôi già biệt những con thú của gánh xiếc. Người trai trẻ giữ đàn thú trong gánh xiếc mở cánh cửa nhỏ ra, những

con đã thú bị điều động ấy đi qua phía chuồng có hương thơm ngát, và chúng tôi, chúng tôi trở về phòng ngủ với những giấc mơ bình thường.

Suốt đời tôi, tôi đã vẽ những con ngựa có vẻ giống như những con lừa hay bò cái hơn. Tôi đã thấy những con vật ấy ở nhà ông tôi, ở LIEZNO, tôi thường khi nhờ ông dẫn đi theo, đến những ngôi làng phụ cận, những nơi ông đến để mua gia súc tiêu thụ cho cửa hàng thịt của ông. Ông giết thịt chúng dưới một kho chứa đồ trong sân. Một ngày kia, tôi nhớ là mình đã quyết leo lên lưng một trong những con ngựa này. Tôi không kịp ngồi yên thì đã phải ngã xuống từ tấm lưng tròn và nóng hổi ấy.

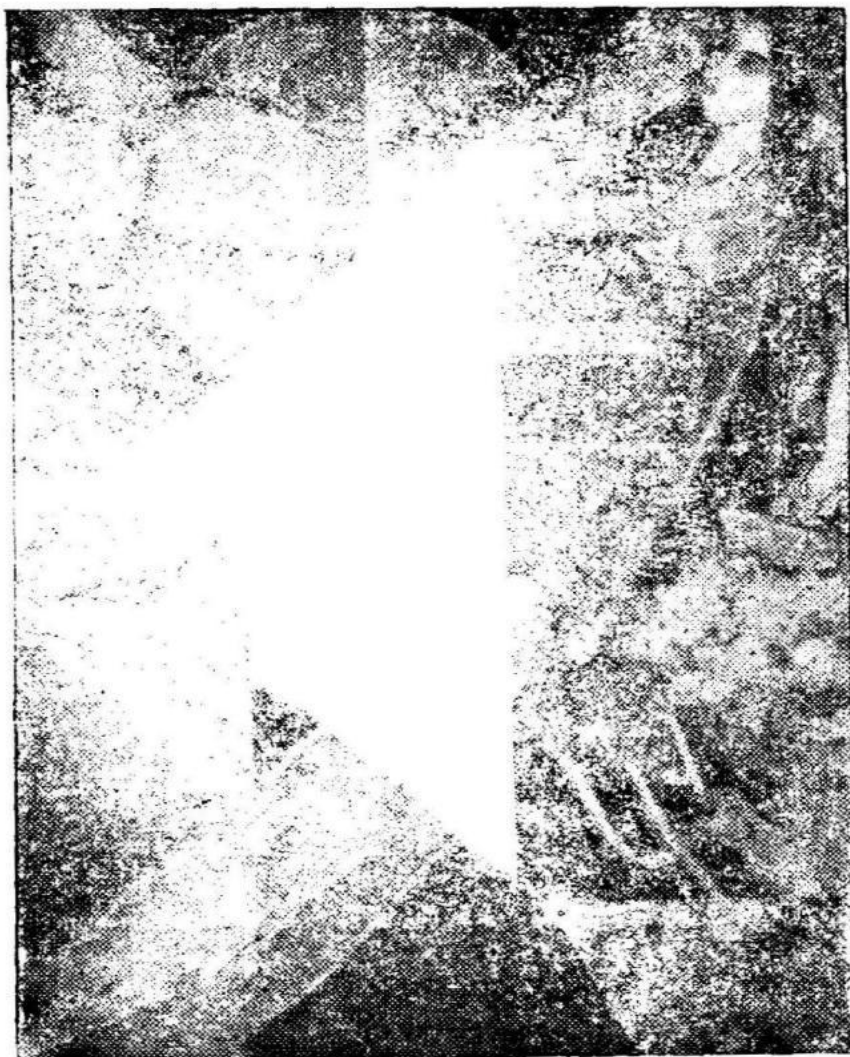
Tôi nằm phía dưới cái bụng ngựa tròn trĩnh, và tôi yên tĩnh hít thở nghỉ ngơi. Nó vẫn đứng yên đất động, rất dễ thương, không tức giận dậm lên đũa trẻ nhỏ là tôi những móng chân bịt sắt ở miệt làng.

Khi nhìn những con ngựa xuất hiện luôn luôn trong một trạng thái an nhiên kỳ lạ, tôi nghĩ : Có lẽ chúng sung sướng hơn chúng ta chẳng ? Người ta có thể tĩnh lặng quì gối trước một con ngựa và nguyện cầu. Con ngựa, nó luôn luôn nhìn mắt xuống với tràn đầy vẻ khiêm cung. Tôi nghe trong lòng mình những rung động cộng hưởng bằng các bước chân loài ngựa. Lần đầu tiên và cuối cùng, tôi mong muốn phi trên mình ngựa chạy về phía bãi sa trường của cõi đời.

Có lẽ tôi ý thức được đâu là sự vượt thắng, ý thức không thể đơn độc hơn nữa giữa con người tịch mịch mà chỉ thượng đế biết được điều họ nghĩ về chúng ta.

Những con vật ấy, những con ngựa, những con bò, những con dê ấy, chúng hoàn toàn lặng thinh giữa cây cỏ, giữa những ngọn đồi. Còn chúng tôi, chúng tôi nói năng ba hoa, ca hát, làm thơ, vẽ vời những điều mà ngựa, bò, dê kia không đọc được, không thấy được, không nghe được.

Tôi ước mong tiến lại gần cô bé nữ kỹ sĩ vừa xuất hiện đó, miệng đang mỉm cười, với áo choàng sắc sỡ và bó hoa đầy hoa.



Le soleil rouge

Tôi sẽ ở mãi bên nàng suốt cả những năm tháng nở hoa cho đến lúc tàn phai của đời tôi. Quí gối, tôi sẽ kể cho nàng nghe những cơn ảo mộng, những giấc mơ không có trên tinh cầu này.

Tôi sẽ chạy đuổi theo đằng sau con ngựa của nàng, truy

nguyên từ nàng đâu là tình lý đời sống, làm sao vượt thoát khỏi được chính mình, giải phóng khỏi thế giới, đề hướng đời mình đi về đâu.

Tôi tự hỏi làm thế nào một Rembrandt, một Titlen, một Giotto, những nhà tiên tri ấy đã sinh sống giữa đời. Tôi tự hỏi người anh em tôi kia, con người mà thiên hạ đã phong thần, làm thế nào đã sống được ở đời. Biết bao nhiêu lần tôi đã suy nghĩ làm sao đề những khối màu sắc của tôi luân lưu thành một giòng sông, và đề bắt ngang trên giòng sông ấy một vai cầu, mà trên đó tôi có thể bước đi, nói năng như chàng ta, con người của tình yêu và của nỗi khổ hình như cuộc đóng đinh trên thập giá.

MARC CHAGALL

HUỲNH HỮU ỦY (dịch)

NGUYỄN LỆ TUÂN

thơ

RƯỢU NGÀN NĂM ƯA LỆ

này rượu ta cứ uống
này cuộc sống ta say
này chiều tàn ta ngắm
ai buồn hơn ai đây
ta say rồi chưa say
rượu thấm hồn ngất ngây
ta say rồi ta tỉnh
ta tỉnh rồi ta say
rượu bao nhiêu mới đủ
ta uống hoài không say
rượu thấm dòng máu đỏ
rượu ngấm máu tim người

rượu trăm năm xác chết
uồng vào ngọt lịm hồn
rượu ngàn năm anh dũng
uồng vào lệ căm hờn
rượu máu này ta uồng
rượu máu đỏ lòng đêm
ta uồng hoài không hết
uồng, ta uồng say mềm
tình qua đây lá rụng
ngày qua đây úa vàng
hãy vỗ tay mà hát
nghe lòng sáu mệnh mang
hãy vỗ tay mà hát
cho người ngủ bình yên
hãy vỗ tay mà hát
trong nỗi khổ nhọc nhằn
một đời ta uồng hoài
chén rượu nồng úa lệ

NGUYỄN LỆ TUÂN

TRẦN HOÀI THU

cuộc sống tôi

Đêm hôm đó, chúng tôi đội mưa, chở nhau trên chiếc Honda vừa mượn của một người bạn, rong khắp các đường phố. Tôi thêm khát mãnh liệt, nói trong hơi rượu với Nhân. Tao chịu không nổi. Phải tìm cho kỳ được gái. Mày chạy về khu nghĩa địa đi. Nhân ngồi đằng trước, hình như run lên vì lạnh: Tao cũng vậy. Bọn mình có lẽ phải lấy vợ cho rồi. Toàn là lũ con hoang. Tôi bỗng nhiên cười lớn, tiếng cười tôi nghe rõ ràng, như lướt đi trong một cung đàn sâu thẳm. Tiếng cười bợ vợ trong đêm và tôi thì úp mặt dầm dề nước mưa vào lưng áo Nhân. Tìm cho được mày. Uống rượu vào, thêm hơi đàn bà quá rồi. Nhân không đáp, cho xe phóng nhanh kèm với tiếng ga rồ lên, mạnh mẽ. Đường phố trơn ướt và đen đúa. Vài chiếc xích lô mệt mỏi lăn bánh. Tiếng động cơ của một chiếc xe nào đó, nổi lên trong cõi âm thanh chết lặng. Những ngọn đèn vàng vọt bên lề đường. Dãy building cao, còn nhấp nhoe màu xanh đỏ. Đ.M tao lạnh quá rồi. Tôi co rúm người, và hình như bắp đùi tôi cứng đờ dồn ép... Nhân quay mặt lại, giới nghiêm, nó bắt về đồn, mệt, lắm. Mắt tôi long lên, Đ.M, sợ hãi. Có gì tao chịu. Ngủ ở nhà giam một đêm chết chóc đâu mà sợ. Và những con đường phố đó, một nơi tối tăm, bít kín đến một chỗ loáng đèn điện, chúng tôi xục xạo chúng tôi vô chụp, Đàn bà. Cả hai run rẩy trong bộ quần áo lính. Đàn bà. Dục vọng ứ ngập tận trí não. Phải thân hình thẳng đực đêm này đang

đề lên. Phải thân hình con cái ôm sát, mắt nhắm thỏả mẫn. Có gì lạ lùng đâu. Đêm này, bọn nó, thằng đực con cái, đề mề trên giường nệm, giường gỗ giường tre, trên bờ trên bụi. Có gì lạ lùng đâu. Ngay đến cái chết cũng vậy. Có gì lạ lùng đâu.

Đêm làm chúng tôi lạc loài. Tôi hỏi từng chiếc xích lô. Ông phu già sợ hãi. Hai cậu say rồi, về ngủ thì vừa. Giới nghiêm đã lâu. Đạo này, tình hình một lăm, Nhân nói: Không, bác. Tìm gái. Tôi trả tiền hậu mà, Lũ này ở rừng mới xuống. Ông già ngừng xe giờ này, bọn nó về hết rồi, Các ông lên ngã nghĩa địa coi.... Chúng tôi lại phóng xe... Chúng tôi vừa chạy đến ngã tư, gần khách sạn, thì một tên lính dưới hành lang ủa ra chào, nói lập cập: Em là lính biệt kích. Tối nay không có chỗ ngủ, hai thiếu úy cho em theo ngủ nhờ với. Tôi nghiệp em. fôi nhìn tên lính, e ngại. Trong cuộc chiến tranh này, hãy tha lỗi cho tôi, khi tôi được quyền nghi ngờ bất cứ ai, người nào. Chẳng hạn như thằng lính, ướn như chuột lột và bợ vơ trong đêm khuya khoắc. Có thể hắn là một kẻ thù. Có thể hắn đang có công tác nào đó. Có thể. Bao nhiêu điều eó thể, khốn khổ đè nặng vào tâm trí mỗi người tham dự. Tôi làm bộ, chỉ vào phía lầu khách sạn. Bọn tôi ở trên lầu kia, anh thấy đèn xanh đỏ chớp chớp kia không? Chờ bọn tôi độ 15 phút, bọn tôi trở ra, rồi về ngay. Thằng lính vẫn còn nghi ngại, van lơn. Hai thiếu úy thương em, giúp em với. Nhân đáp, tôi nói thực mà. Chờ đi,

Và bọn tôi, vội vã rồ máy, như chừng chạy trốn.

Đêm còn lại, tôi bị đồn ép trên chiếc giường bố đặt trong một chuồng ngựa của viện Pasteur. Minh dẫn tôi và Nhân về đó tá túc một đêm. Anh bảo, vừa cười vừa khoát tay. Về đó, nước điện tha hồ dùng. Tắm ở lỗ cũng được. Tôi cười lớn: Không sao bọn này là thú rồi mà, sợ gì. Chúng tôi đi len vào giữa hàng cây cao, lớn, tò mò nhìn từng chuồng ngựa nối hàng san sát. Những bức thành vôi vữa, nhạt nhòa dưới ánh điện. Những máng cổ bằng xi măng, đen ngòm nước. Những phiên lá ngô đồng dưới sân, và tôi nghe rõ ràng tiếng xào xạc buồn bã của đôi giày trện. Hình như tôi cảm thấy ứa ngen ở cổ và đắng ở cửa miệng. Tôi đang đi duyệt hàng quân thú vật âm thầm đó. Mà có một tên xà ích nào đâu. Những chuồng ngựa sâu tối hun hút, những bảng tên đánh số gắn trên tường. Cheval de X, Y những con Madeleine, Henry... những con ngựa quý hơn vàng ngọc thân tròn, mượt và đuôi làm dáng, có những con, lông trắng mượt như nàng công chúa. Những thằng Tây, con đầm, buổi chiều cưỡi ngựa, nhàn nhã trên bãi cỏ

xanh mượt và thẳng nhỏ đứng ngoài hàng rào nhìn một cách thêm thường. Chúng tôi đã đi qua, ngỡ rằng số phận của mỗi đứa, gắn chặt vào cái chuồng buồn-muốn-chết được như cái chuồng ngựa này. Bây giờ là trống trơn. Tiếng hí không còn văng, tiếng dậm chân, lên oai, cũng không còn nữa. Có sao tôi lại ngỡ từ phía trong cái chuồng đó, một con ngựa bơ vơ nhất, đôi mắt đăm lẹ và đáng gầy, eo ọp nhìn tôi như van lơn tha thiết. Đó là cuộc đời của tôi, thăm thê, bi đát.

Minh bảo : mỗi thẳng tìm một chuồng đi. Mảng ánh đèn lấp lánh trên một vũng nước giữa sân. Hơi đêm lạnh se sắt. Những lá non xanh mát dưới ánh điện, loang loáng trên mái chuồng 323. Nhân ở trong chuồng đối diện, Minh, thì nằm trong chuồng bên cạnh. Tôi mò mẫm khốn khổ tìm chỗ gối đầu, rồi cởi giày, cởi bộ quần áo dầm nước, chiếc thẻ bài quanh cổ, nắm lấy. Đó là định mệnh của đời tôi. Số quân, loại máu và tên. Số quân thì tôi thuộc. Nhưng loại máu nào đây? Loại nào tôi cũng không còn nhớ nữa. Ngày trong trường Thủ Đức, máu của tôi như được xếp loại, để chờ đợi một điều sắp sửa đến. Phải là những giọt máu mà ngày xưa thẳng nhỏ đã từng đổ xuống, xối xả, vô lý khi má nó tát vào lỗ mũi, khi những thẳng con của bà cả, của dượng ăn hiếp. Màu dịu dàng của máu tội nghiệp, nhoè nhạt, trên má trên miệng và thẳng nhỏ khóc tức tưởi, chạy ù đến lu nước sau giếng, hít vào thành xi măng thấm nước lạnh. Máu tuổi thơ của thẳng bé sinh năm Ngựa vẫn chảy theo giòng thời gian buồn tủi đến bây giờ. Những giọt máu phi lý, khốn nạn, mà thẳng sinh viên sĩ quan Trần Tân số quân 621... đã đổ ra khi tập tành dưới nắng lửa, khi di hành đến bãi tập (bãi số 8, bãi đời mẹ bằng con) cầm garat, đội mũ sắt và nắng dữ quá và căn bệnh chảy máu cam cũ lại tái phát. Máu yêu dấu của tôi, tôi biết làm sao cho thôi phung phí. Tôi đã khóc thẳm. Đ.Má, tôi xin thẳng cán bộ nghỉ tạm nhưng nó đeo cho tôi nghĩ và bây giờ tôi không còn muốn nghỉ nữa. Những bình Serum trong phòng cứu cấp, những chiếc áo tanh nồng máu đặc đã vắt đi từ một xó nào. Máu yêu dấu của tôi. Tôi chẳng cần nghỉ nữa. Những gì thuộc về tôi, tôi yêu, tôi bám víu đâu có phải thuộc về tôi nữa. Tôi đã thuộc về chiến tranh. Tôi đã bị tròng vào sợi dây thẻ bài lằng kằng này.

Tôi nằm, ôm ấp châu thân lạnh giá. Giờ đây chỉ còn lại cảm giác bức bối. Có lẽ tôi phải thủ dâm. Trí óc thì nóng bừng và sợi dây thần kinh đã căng thẳng đến tuyền sinh dục- Đ.M, cái thành phố dĩ điểm nhiều nhất thế giới này, bọn dĩ điểm đã biến đi đâu hết. Hay chúng chui vào lầu, building với Mỹ, Đại Hàn hết rồi. Những con dĩ già đến trẻ, chúng từng đàn, từng lũ, chúng ngồi trên bãi biển, chúng chạy Honda, chúng ngồi ngoài lan can, bây giờ biến đi đâu hết, hả?

Tôi thật kỳ, hễ uống rượu vào thì phải đi giải quyết. Hình như đó là cái thói quen. Men bia như một kích thích tố khiêu gợi con dâm dục của tôi lên cực độ. Nhưng tôi phải bắt lực. Tôi tự chịu đựng khốn khổ. Tôi đang trần trở. Tiếng cười la của Nhân còn văng. Đêm tối sệt và mông mênh.

Minh ở trường, tắm giữa sân. Cái anh chàng, cười hô hố, mặt ngửa lên trời, hứng những tia nước từ cái vòi cao su. Chắc chỗ này ngày xưa, dùng để tắm bầy ngựa. Những bắp thịt căng phồng, vàng vọt như một lực sĩ. Minh dục : Ra tắm đi bây. Mát lắm. Nhân cười: trông mày tắm như ngựa tắm vậy. Minh la lên : thì lũ mày là ngựa rồi, còn gì... Ngựa... Tôi vẫn co ro, như con tôm. Đêm tối buồn bã. Ngoài kia, hay trong tâm hồn tôi? Tại sao tôi sinh nhằm vào cái tuổi truân chuyên này. Hay tôi là con ngựa như Minh đã nói. Cảm giác lạnh chạy từ sống lưng lên, và tìm tôi bỗng nhói. Tôi mở mắt trao trao, nhìn lên trần chuồng. Tiếng hí thoảng lên đầu đó, khẽ lẽ. Đôi mắt nhắm lệ, nhìn xuống sân và một con ngựa gầy đang rũ tóc. Con ngựa... Tôi ngồi dậy, mò trong túi áo bao thuốc. Những điều thuốc ướt đầm dề, nhão nhẹt. Tôi bật lửa, cố đốt. Nhưng vẫn hoài công. Tôi bức bối vò nát rồi đi ra sân. Dễ chừng khuya lắm. Những bờ thành vòi trắng mờ nhạt dưới những lùm cây sạm tối. Bãi cỏ như đen thẫm chạy dài dưới ánh điện. Nhân buột miệng từ trong góc tối : Mai, tao phải mua số dề, số chuồng này. Thế nào cũng trúng. Minh đã tắm xong, ở lỗ, chạy đi tìm quần. Tôi quay lại, hỏi Nhân : còn thuốc không? Nhân đáp: Thuốc tao ướt mẹ hết cả rồi. Tại mày hứng. Trời mưa lớn, cứ đòi đi...

— Tại rượu, chứ phải tại tao đâu ?

Nhân bỗng nhắc đến thằng lính biệt kích :

— Khi không, hấn lại xin ngủ nhờ. Nom bộ nghi quá.

— Đáng lẽ phải cho hấn theo làm tên bụi đời luôn. Nhưng thời buổi này, tao ngán quá.

Tôi quay hỏi Minh :

— Con My của tôi thế nào, anh ?

— May không biết à. Nó có chồng rồi.

Tôi không hỏi thêm. Tự dưng tôi lại buồn. Cái buồn man mác, như một lần tôi cảm thấy tôi là kẻ bơ vơ nhất. Tôi nghe tiếng xào xạc của những lá ngô đồng, chạm trên mái chuồng ngựa rồi lăn dài trên sân. Tôi nghe tiếng đêm lăn như một bánh xe đều đều, mà âm thanh buồn rầu muốn khóc. Những giọt nước mưa còn đọng trên lá, vô tình rơi rụng vào má tôi, lạnh buốt, và khiến tim tôi lại nhói thêm. Tiếng đêm âm thầm đến nỗi tôi có thể nghe rõ được cái buồn rầu thoảng chốc, làm bước chân bỗng nhiên dừng lại và đôi mắt khẽ khép hơi hơi, cái vùng ký ức đầy sương khói, bỗng bành như những đám mây trên bãi biển hôm nào, như những hàng dương thướt tha trong cỏi xa mờ cát trắng dưới hoàng hôn, đắm tiếng sóng vỗ rì rào dưới biển.

Ngày mùa hạ đó : tôi được giấy của bộ Giáo dục về chấm thi tại một thành phố miền duyên hải. Thành phố, tôi đã sống trong những ngày thơ ấu, đầy ghê tởm và đau lòng. Thành phố tôi đã trốn chạy và thế sẽ không bao giờ trở lại nữa. Tôi không thể nhìn căn nhà dưới rộc rau muống. (căn nhà chui rúc những gương mặt dữ dằn của bà cả, bà hai, của má, của mấy thằng con quỷ sứ của bà hai và dượng) cái căn nhà nằm bên con dốc đổ từ đó xuống, dựng bằng những ngày gian khổ của dượng, chưa phải là nhà. Cái nền xi măng xây lên rồi để yên cùng thời gian (vì gia đình bắt đầu bị phá sản), chỉ dựng lên và viú 1 căn nhà tôn éo ọp, khổ sở.. chính ở đó, tôi đã khóc tuổi thơ trong những đêm hát hiu đây sao để tử thân kiếp sống một thằng bé không cha, bị lạc loài, bạc đãi như con chó ghẻ.

Tôi theo con tàu xuôi về thành phố. Buổi chiều sau khi chấm thi xong, tôi vẫn vờ ra bờ biển, ngồi trên bãi cát thì một người con gái đẹp nào nùng, đến làm quen tôi. Mắt nàng to, lay lay như hai hạt nhãn lồi, và mái tóc thề buông xuống hai bờ vai tròn lũng. Nàng khóc tím tím cùng tôi. Tôi bàng hoàng trước tình cảnh bất chợt. Nàng xưng tên là My, nàng nói biết tôi là giáo sư, chấm thi. Nàng khóc, Thầy giúp đỡ em... gia đình em nghèo, và em không thể tiếp tục học nữa, nếu hồng kỳ này. Nàng mếu máo. Những sợi tóc nàng tung toé trên gương mặt trái soan, dầm dề nước mắt. Thú thật, đó là lần đầu tiên, một người con gái khóc trước mặt tôi. Một người con gái đẹp. Hình như buổi chiều đáng nhớ đó, trời mây xanh, bãi cát trắng mờ nhạt, và gió biển lộng. Bãi biển

vắng hoe người. Những ngón tay tôi đùa cùng cát trắng, và tima tôi thì rộn rịp lạ lùng. Tôi hỏi :

— Tại sao cô lại tìm tôi. Cô không tìm người khác.

Nàng không đáp, đứng cúi đầu thật tội nghiệp. Tôi mời My ngồi xuống bên cạnh. Và tự dưng lòng tôi ấm áp lạ lùng. Thật vậy, từ lâu tôi chưa thưởng thức được hương vị tình yêu, và trong đời tôi, bấy giờ tôi chưa mang một hình bóng người con gái nào sâu ẩn, tiềm tàng mà nâng niu âu yếm. Nếu có, chẳng qua là một hình bóng thoáng qua, rất nhẹ, rồi vờn bay nuôi tiếc. Đó là Dung, người học trò gái tôi dạy năm đệ tam. Người con gái đầu bàn, mà đôi má trang hồng như hai quả táo. Đôi má hồng, au lên. Lại thêm đôi mắt đẹp. Đôi mắt huyền, hay nhìn qua cửa lớp, sâu mòng, miệng hay can bút mực mỗi khi nàng suy nghĩ, thì ở trên bàn, tôi phai xao xuyến, cố gắng trấn áp cái nhìn si dại của tôi, bằng cách nhìn sang chỗ khác. Tội nghiệp, chàng giáo sư công dân trẻ moi ấy lúc nào cũng tìm một nỗi tuyệt vọng, chưa bao giờ được thỏa mãn những ước vọng trong tâm tay của mình.

Ngày hai bữa, dạy đám học sinh tỉnh lẻ, khốn khổ hoặc đám học trò lớn xác, lùn tuổi hơn chàng. Tội nghiệp, chàng đã khoát vào vo đạo mạo, giả trá, vào tuổi trẻ mà đáng lẽ, lòng bông bột, với bao nhiêu là hoài vọng to lớn, như những đám mây phiêu bồng và mặt thì khao khát uống trọn những hình ảnh đất nước que nường của mình. Sống với nghề dạy, chàng đã trở nên ông đồ non chừng chạc, trong bộ áo quần thẳng nếp, cái kính đạo mạo, và rước vào lòng bao nỗi niềm nuôi tiếc trong cái tuổi tràn trề hoài bão.

Rồi Dung đã từ giã, từ giã luôn ông thầy trẻ tuổi ấy. Tôi nói. Giọng nói của tôi hòa lẫn trong tiếng sóng vỗ ì ầm :

— My, tôi làm sao giúp đỡ My được ?

Nàng bật khóc. Tôi không dám nhìn đôi mắt đăm lệ của người con gái. Tôi nhìn xuống biển. Màu xám xanh, bát ngát.

— Tôi biết làm sao giúp My được.

Tiếng My khóc nức nở.

— Kỳ vậy. My khóc, sao kỳ vậy.

— Thầy không giúp. Hồng kỳ này — em chắc chết mất.

Cuối cùng, tôi phải xiêu lòng. Tôi bảo My đưa nháp bài thi. Tôi cố gắng giúp đỡ được chừng nào hay chừng nấy. Và lần chầm

thì hôm ấy, ít nhất tôi đã cho 18 điểm vào khoảng 20 bài, có tuồng chữ giống như tuồng chữ My. Cuối cùng My đậu. My vào phòng ngủ tôi trọ, báo tin mừng. Nét mặt My rạng rỡ. My ngồi thu mình trong ghế bành, mái tóc đen nhánh như giồng suối chiều. Tôi đóng cánh cửa sổ lại. Thành phố dưới kia đã lên đèn. Bờ biển tối đen, chỉ còn lấp lánh hàng đèn ngoài khơi của những thuyền đánh cá đêm. My ngồi lặng lẽ. Tôi đến bên, lòng rộn ràng, hồi hộp. Tôi ngồi bên cạnh, và nghe được mùi con gái từ thân thể My toát ra, đầy ngát ngậy. Tôi nói mai tôi đi chuyển tàu sớm. Tôi sẽ nhớ mãi My, buổi chiều đầu tiên gặp My. Tiếng gió xạc xào cửa kính. Tôi nghe nóng hổi khắp người. My cúi đầu xuống, rồi bỗng nhiên ngẩng đầu lên. Đôi mắt My hấp dẫn tôi một cách kỳ lạ. Đôi vú My phập phồng dưới làn vải lụa trắng. Tôi quỳ xuống, áp đầu vào đùi nàng, và nói hồn hèn : My, tôi mến My vô cùng. Mai xa My, tôi buồn lắm. My ôm chặt đầu tôi. Ôn thầy, em nhớ mãi. Không, My đừng gọi tôi bằng thầy. Tôi đâu có đáng làm thầy đâu. Tôi khờ sớ lắm. Và tôi nhìn, rục rủa. My, cởi áo dài ra đi. Một không, đến giường nghỉ cho khỏe. Nàng gật đầu. Tôi dịu dàng dậy và ôm chặt nàng vào lòng, hôn túi bụi. Tôi hôn lên má miệng, cổ và tay tôi vuốt ve hết cả thân thể con gái. My cũng ôm tôi, chẳng buông ra. Cả hai đều ngã xuống nệm. Nàng nằm ngửa, và đôi mắt nhắm lại chờ đợi. Bóng mờ tối phủ nhanh trong phòng. Tôi nói, thì thảo : anh cởi áo nhé, áo dài nhăn hết. Lấy áo anh mặc đỡ. Lạnh hả? Ngón tay tôi run rẩy mở nút áo. Bỗng nhiên tôi thấy giồng lệ lăn trên đôi mắt My. Giồng lệ ghi nhớ mãi trong lòng tôi, long lanh, đầy van lơn, tha thiết. Tôi đứng dậy, lắc đầu. Dù sao tôi cũng là một ông thầy, ông thầy dạy công dân. Dù sao tôi cũng là một ông thầy, chưa gây cho ai một tội lỗi nào. Tôi vùng dậy khỏi đôi tay My và bật đèn sáng : Mặc áo lại em, My. Tha lỗi cho anh. Đứng dậy, nhìn biển. Tôi nói to, vừa mở cửa sổ, vừa sửa lại mái tóc. Ra xem, thuyền đánh cá đêm. Ra nghe anh kể chuyện câu cá đêm. My.

Tôi nghe tiếng sóng vỗ rì rào, từ một nơi nào xa lắm vắng lại.

Sáng hôm sau, tôi trở về nhiệm sở bằng một chuyến tàu suốt. Tôi mang theo đôi mắt đen lay láy, gương mặt diêm kiều của người con gái nhỏ bé tôi đã yêu khờ dại lần đầu. Chuyến tàu buồn bã ấy, không ai nhìn tôi lên tàu, không ai vẫy tay để tạm cho tôi nhìn lại một hình ảnh. Cả My nữa. My cũng không ra sân ga đưa tiễn nữa. Tôi mang chiếc sắc nhỏ, co ro trong chiếc áo mỏng và chiếc tàu rít còi, đi trong mù sương khi thành phố vẫn còn ngủ. Tôi

không còn gì nuối tiếc với thành phố đó, với má tôi, tôi sẽ không còn can đảm nhìn lại bà. Tôi biết tôi có lỗi với bà nhiều lắm và nếu bà nghe tin tôi trở lại thành phố, không ghé thăm bà, chắc bà sẽ phải đau khổ gấp vạn lần nỗi đau khổ của tôi. Tôi đã nói, tôi thề sẽ không trở lại căn nhà khốn nạn đó mà. Một ngàn lần không. Nhưng chắc tôi sẽ nhớ mãi hình ảnh của My, mà tôi ngỡ đôi mắt nàng còn đầm đề nước mắt, van lơn nhìn tôi, và gương mặt diêm kiều của nàng, còn ẩn hiện xa mờ bên kia màn sương mỏng. Tôi đã viết thêm những hàng chữ mới trong cuốn nhật ký, thăm kín nhất đời tôi.

Thế mà My đi lấy chồng. Minh đã báo tin trên, vì Minh đã biết rõ mối tình giữa tôi và My. Riêng phần tôi, tôi đã biết trước điều đó. Tôi chỉ buồn và hơi ân hận tại sao đêm hôm ấy — tôi lại không thỏa mãn cái thân thể thân yêu nhất đối với tôi. Tại sao tôi lại không xâu xé, vồ dập nàng để về sau tôi khỏi hối tiếc. Tôi nói lớn :

— Biết vậy, tao chơi cho nát nước ra

— Đi linh rồi, nói khác.

Nhân cũng thêm vào :

— Quả lũ mình là lũ đại gái.

Tôi cười :

— Đại gái là lạc thú số một.

Minh nói :

— Thăng Tân ngày nay, khác xa Thăng Tân ngày xưa. Đạo đó, nó đạo mạo ra phết.

— Thi giáo sư công dân mà lị.

— Bây giờ giáo sư sinh lý phải không?

— Chắc hẳn rồi.

Cả bọn cười vang. Tôi cười to hơn ai hết. Nhân cười sênh sếch, và Minh thì bắt đầu lên giường bố. Tôi hỏi lại :

— Minh. Con My dạo này thế nào ?

— Đẹp ra. Một đứa con rồi.

— Gái một con trông mòn con mắt.

— Còn thằng chồng nó, tôi hỏi tiếp.

— Thằng Đắc đây. Cái thằng gà mờ chó chết đấy.

— C'est la vie !

Trong một phần đêm còn lại, tôi bị trần trở hoài mãi. Cối đêm tịch liêu đến nỗi, tôi có cảm giác như là một người sắp chết, chờ đợi một điều bình an trong biển vắng vô cùng của thế giới. Tôi nghe rõ mồn một, tiếng những hạt mưa sót lại, tí tách trên một chiếc lon sữa bò, đậu đó trên sân. Những tiếng buồn rười rĩ. Và tiếng gió thì rít lên phía bên kia biển. Ánh điện của Viên, nhạt nhoè trong đêm, quét những mảng dài trên chòm lá sâu đông. Tôi lắc đầu cố nhắm mắt. Nhưng bình ảnh của căn nhà cũ, của má tôi vẫn đập chồm, lộn vồn. Tất cả như níu kéo tôi về, rồi xô đuổi tôi đi. Làm sao Minh, Nhân biết được tâm sự của tôi khi tôi trở về thành phố này. Làm sao Nhân biết, tôi phải khổ khổ nốc từng chai rượu để quên lãng cái dĩ vãng đen tối đó, Căn nhà, ngày nhỏ, những trận đòn, những nỗi bơ vơ tủi thân của một thằng con không cha, có mẹ đi lấy chồng khác. Căn nhà, thằng nhỏ thề rằng sẽ không bao giờ về nữa. Có sao tôi lại về. Tiếng súng từ đâu đó, thoảng về, rời rạc. Một đêm, bình an lạ lùng nhưng đang bão bùng trong lòng tôi. Tại sao tôi lại về, hả. Thằng ngu, thằng chó, hả. Tại sao tôi lại về, hả. Tôi nuốt nước bọt, ngồi nhòm dậy nhìn về phía đối diện. Dãy chuồng ngựa vẫn lộ ra những cái chuồng sâu tối. Tôi vẫn chưa tìm được lời giải thích. Hay tại vì nỗi ám ảnh đè nặng vào trí não tôi, mỗi giờ mỗi phút. Nỗi ám ảnh ghê rợn mà mỗi thằng lính đánh giấc đều mang, là cái chết. Có thể một ngày nào đó, tôi sẽ gục xuống trước bà. Tôi sẽ không thấy lần cuối, người đàn bà đã cho tôi có mặt trên đời này. Nỗi ám ảnh, như một người bệnh hoạn, thấy trước những ngày sắp sửa của mình. Chiến tranh đã làm cho tôi có một lý luận đề về với căn nhà cũ, về với bà (Chao ơi, là má tôi. Người đàn bà gò má cao, mà đôi mắt lúc nào cũng ngầu đỏ, với những sợi gân như máu trên nền xám ngắt, mà mỗi lần, nhìn tôi, như toát ra bao nhiêu hằn học: Ty ơi, mày làm tao khổ lắm Ty ơi. Người đàn bà đê tiện, nằm chung với dượng — người đàn ông già — đã có hai người vợ, trong đêm mà thằng nhỏ đã mang nhiều phen vân (ủa, sao ông ấy lại nằm trên má mình) nghe tiếng cọt két lúc đầu chậm rồi mau dần, và tiếng thì thầm của má: Thằng Ty nó ngủ rồi. Rồi người đàn ông, khe khẽ bước xuống giường, xuống nhà dành cho bà cả, bà hai... Thằng nhỏ mơ hồ nghe vị mặn chát của những giọt nước mắt trên miệng. Thì ra nó khóc. Khóc chẳng biết khóc vì ai, vì cái gì. Khóc như vậy trong suốt quãng sống thơ ấu của nó. Khóc, trùm chần mà khóc. Nước mắt thấm phẩn gụ, nhoè nhoẹt khắp thân thể tong tẻo, gầy còm. Khóc trong những đêm, nhà đóng cửa, nó bị đuổi,

phải nằm ngoài bờ hiên, nhìn sao trên bầu trời dầm dề nước mắt).

Chiến tranh, tôi phải cảm ơn nó, để tôi có thể dẹp bỏ hết những sự ghê tởm, khinh bỉ cái quá khứ rục rữa của tôi. Chiến tranh đã giúp cho tôi thấy rõ rằng mọi sự là vô nghĩa, là hư vô. Đừng bận tâm, và thắc mắc. Đừng tự ái và ghê tởm. Chính tôi, ôi chao, cái chàng giáo sư dạy công dân ngày nào đó, cái chàng ngày hai buổi đạo mao như một ông đồ non đó, chưa biết được đàn bà, con gái, nuôi mộng tưởng qua bao giấy vở... bây giờ, biết uống rượu rồi đập ly, biết từng con đĩ trong tận hang cùng ngõ hẻm, biết thưởng thức những giòng máu vọt ra thành từng tia và lạnh lùng lau vết máu, bầm trên mặt.

Tôi phải cảm ơn chiến tranh. Mà tôi phải cảm ơn chiến tranh. Xã hội thối nát này phải cảm ơn chiến tranh.

Ngày hôm sau, Minh mời tôi và Nhân dự một bữa tiệc tối do một người bạn tổ chức. Minh bảo nhỏ: có cô em của Mỹ tới dự nữa. Mày biết Ý không? Tôi lắc đầu: không biết anh. Minh cười, vắt mẩu thuốc xuống vỉa hè. Nàng giống Mỹ lắm. Chắc mày phải bắt gặp lại hình bóng người xưa đấy. Tôi đứng trên gác, dựa vào lan can, nhìn xuống xóm. Nắng chói chang trên những mái tôn, và mái ngói đỏ, san sát, trải dài tiếp nối. Thỉnh thoảng, những chòm dừa, lẻ loi, đột ngột hiện lên, và một vài mẩu rau muống nhỏ, ứa vàng dưới nắng. Tất cả đều thay đổi. Thay đổi một cách kỳ cục. Như một người đi hoài trong đêm bắt gặp một cơn nắng. Lòng tôi dâng lên những nỗi buồn vu vơ. Tôi nhớ đến những hồ rau muống bao la bát ngát, những đàn cò trắng bay qua, và những gáo nan tưới nước đập diu. Tôi nhớ đến những cọng rau xanh thắm; rạp mình trên mặt hồ, và buổi chiều thẳng nhỏ, xách thùng thiếc, xách cần câu, tát nước, bị bõm trên những ao bùn khô nước. Nhưng còn căn nhà cũ đó, căn nhà cách xa căn gác này chừng một cây số, chắc chắn đã không làm tôi luyến tiếc. Tôi vẫn đứng lặng lẽ. Đi về đó hay không, hử thẳng con lang bạc này? Tôi trở vào căn gác eo ọp của một người bạn của anh Minh, mang đôi giày trận, một cách khổ sở. Những con kiến đỏ, nhỏ nhoi, nối đuôi bò về phía vách. Ít nhất, tôi phải có quyết định. Tôi lại thêm cuộc sống vô tri giác của những chú kiến bé nhỏ kia.

Trong bữa tiệc ở trên sân thượng của ngôi lầu nằm cạnh bờ biển, tôi được xếp ngồi cạnh Ý. Đèn nhỏ đã bật lên, từ

những cột xi măng và ở các ngọn cây dừa mới lớn. Tôi được Minh giới thiệu, và Ý gật đầu chào cười: Thầy còn nhớ em không? Tôi đáp luống cuống: không nhớ. Tôi đâu có gặp Ý lần nào đâu. Tôi nói, khỏ sở và thấy giọng nói của mình trơ trẽn lạ lùng. Bởi những tiếng bàn bạc phía bên kia bàn, ồn ào, cắt ngang. Ý chừng như nghe rõ, đôi mắt sáng lên, long lanh và mỉm cười chum chim. Ý hỏi, vừa lấy chiếc nĩa, con dao xẻ thịt.

— Thầy về phép à ?

— Tôi dù...

— Dù là gì nhỉ.

— Dù là đi mà không có phép.

— Thế à ? Tiếng nhà binh có khác. Ý lại cười. Tôi thấy bàn tay của nàng dịu dàng một cách kỳ lạ. Dưới ánh đèn mờ mờ, trong cơn gió từ biển thổi về, tôi đã cảm thấy lạnh khi nhìn được đôi mắt đen lay láy của Ý. Đôi mắt ấy, có lẽ tô đậm bằng than, nhưng đối với tôi, chúng quyền rũ vô chừng. Đôi mắt của một người xưa. Đôi mắt đầm đề nước mắt, đôi mắt, van lơn, và hợp hồn tôi đã bao lâu... đôi mắt... Minh đã nói đúng Ý đã có nhiều nét phảng phất My và tôi nhận ra đôi mắt của Ý thì giống như đức. Em đã làm anh khổ. Những giọng lệ, em mang cho anh, anh đã đổi lại. Những lá thư tình em viết còn ăn sâu vào tâm hồn anh... Tôi nhìn thẳng vào đôi mắt Ý. Bây giờ Ý đang nói chuyện với Minh. Tôi nghe tiếng thế à thật trong sáng. Tiếng hát của một nữ danh ca người Pháp cất lên, buồn ảo não. Mon histoire c' est l' histoire d' un amour. Bữa tiệc đã bắt đầu vào cơn. Một ông thi sĩ, mang kính trắng, mặc áo polo đứng dậy nâng cốc whisky, chồm về phía Ý? Và Ý ngẩng lên, gương mặt bầu bĩnh, rục rịch:

— Tôi uống tặng tuổi trẻ của Ý. Tôi uống cho cái tuổi thanh xuân mà tôi đánh mất.

Ông ta cuối đầu xuống, thật buồn bã-chao ơi là gia đình, là đàn bà, là vợ và lũ nhóc con... Ông uống hùng hực cả cốc rượu và như một kẻ lần đầu tiên nếm phải rượu, ông đưa tay chặn ở cổ, mắt nhắm lại. Gương mặt của ông ta bây giờ thảm nào lạ lùng. Ông lại mở mắt, một bàn tay phải bịt mép. Ông gật gù, ngậm bài thơ của Th. Tâm:

Đưa người ta không đưa qua sông
Sao nghe tiếng sóng ở trong lòng
Nắng chiều chưa tắt chưa vàng vọt
Sao lại hoàng hôn trong mắt trong

Minh bóp tay tôi, thì thầm: Lão đó giả say. Lão mê con Ý đéo chịu được. Tôi không trả lời, chỉ cười nụ. Ý nhìn sang tôi buột hỏi:

— Sao thầy buồn vậy?

Tôi vớ lấy bao thuốc, cố tạo một cử chỉ vui vẻ:

— Sao Ý biết tôi buồn. Và tôi cũng xin Ý một điều, đừng gọi tôi bằng Thầy nữa. Tôi hết là ông thầy rồi. Tôi chỉ là tên lính quèn, một sĩ quan mù chỉ huy một trung đội điếc.

— Thầy dạy chị em mà.

Tôi cúi xuống và vô tình bung cốc rượu lên, uống cạn một hơi. Nếu không có tiếng ồn ào cười giỡn, nếu không có Ý, chắc tôi sẽ khóc mất. Mon histoire c'est l'histoire d'un amour... Tiếng hát lại trở lại dật dờ. Trên bầu trời đen tối, những vì sao nhấp nháy, như một đêm nào, anh đứng ở khách sạn, cạnh cửa sổ, trong đêm em đến thăm anh. Đại, tại sao, tôi lại không dày vò nó, hành hạ nó, nghiền nát nó, để tôi khỏi ân hận, tiếc thương. Tại sao em lại... gió mát dữ, và tôi lạnh se sắt...

— Thầy lạnh.

— Tôi van Ý đừng gọi tôi là Thầy nữa

— Sao Thầy lạ vậy.

— Tôi đâu có lạ gì đâu. Tôi không xứng đáng danh từ đó đâu. Chiến tranh, đánh giặc đâm chém... đã làm tôi mất hết cả rồi

— Dù sao, Thầy cũng dạy chị em. Ý cười, mắt khẽ khép lại. Dạo đó, Thầy tới nhà em. Em đứng bên cạnh chị My mà.

— Tôi không nhớ nổi. Nhưng thú thật, Ý giống My quá.

— Chị My vẫn nhắc đến Thầy luôn.

Tiếng cười lớn ở đầu phía bàn tiệc. Tôi cảm thấy trí não bây giờ đang lênh bênh, như vào trong một cối sương khói nào đó. Tôi nhìn chăm vào mắt Ý:

— Đôi mắt Ý giống My, giống thật lạ lùng. Và tôi đứng dậy. Một động lực nào đó bắt tôi rời khỏi chiếc ghế này, giữa bàn tiệc nhộn nhịp này, rời khỏi những gương mặt này. Minh hỏi: Tân, mày say hả? Lính mà yếu quá. Tôi cười, đáp. Cho tôi ra đây

một chút. Đứng ở lan can nhìn bãi biển thì thú nhất. Thành phố này dễ chừng lâu lắm, tôi mới trở về lại.

Và tôi bước ra khỏi bàn tiệc. Tiếng mấy người bạn đuổi theo: Nó lại thi sĩ... Chao ơi, có kẻ nào biết được bề sâu thăm của tâm hồn tôi không? Tôi đứng tì vào lan của sân thượng. Mùi hương của khóm huệ trồng xung quanh sân, mát và ngào ngạt. Biển đen vô cùng. Nhưng không còn những chiếc thuyền câu nhấp nháy ngoài khơi nữa. Chỉ còn lại những ngọn đèn viền xanh đỏ của 1 con tàu ngoại quốc. Ở phía hòn đảo cô quạnh năm xưa, bây giờ lại dựng lên một căn cứ quân sự... Tôi đứng yên, lặng lẽ, buồn rầu muốn khóc...

Tôi thấy lại đôi mắt My long lanh, chập chờn như thể van lơn tôi và cuối cùng mất dần, hun hút... Đằng sau, bàn tiệc vẫn còn vui nhộn. Ý đã uống rượu nhiều quá. Ý đang cười nức nẻ. Tiếng cười lướt cao, trong trẻo. Tôi bỗng đâm thù hằn. Ước gì, có nàng đêm nay, có nàng, tôi sẽ không còn kiêng nể nữa để rồi phải khóc cho một mối tình.

Nhân rời khỏi bàn tiệc, đến đằng sau tôi. Chỉ một mình hằn, là thẳng hiểu rõ tâm sự của tôi. Tôi nghe tiếng của Nhân nhỏ: Tân, mày buồn hả? Tôi vắt điều thuốc xuống sân, dí mạnh:

— Đ.M. buồn cái đéo gì.

— Mày có về bà má không?

— Về cái đéo gì? Lũ mình là con hoang.

Tôi vòng tay lại, áp chặt vào ngực:

— Nhân, mày cho tao một lời khuyên đi... Có nên về h y không?

— Dù sao bà cũng là má mày.

— Tao không muốn thấy lại những gương mặt ghê tởm trong căn nhà đó.

Nhân nhìn xuống biển, yên lặng một chút rồi nói tiếp:

— Dù sao bà cũng còn là má mày, mày về để bà thấy mày còn sống để bà mừng.

Tôi nói, như khóc:

— Nhân, sao mày lại khuyên tao vậy. Mày không biết, tao ốm yếu thế này, cũng vì bọn nó hành hạ tao sao. Mày không thấy những giọt máu tao đổ tràn cả cốc không? Mày không thấy những thằng con lão dượng, bà hai, hành hạ tao không? Tao là con chó ghê. Tao trốn ở viện mồ côi, tao ngủ ở gầm cầu. Bọn nó xô đuổi tao như xô đuổi một con chó... Nhân... Tôi lắc đầu và mếu máo nói tiếp:

— Sao mày khuyên tao vậy, hả. Mày chưa sống như tao đã sống. Mày chưa bị dày dạn như tao đã bị dày dạn.

— Nhưng mày phải có bồn phận về thăm má mày. Mày biết má mày già, sắp chết rồi không? Khi bà nhắm mắt, mày sẽ ân hận suốt đời mày. Hình như nghe tiếng cãi của Nhân và tôi, Ý bỏ bàn tiệc, ra. Ý hỏi:

— Các anh, làm gì thế?

— Không, không đâu. Tôi kể chuyện ngày còn bé. Tại thằng Nhân này hết...

Nhân cũng gượng cười:

— Tại thằng quỷ Tân này...

Con dốc đó từ đường quốc lộ dẫn xuống xóm nhà như một dấu tích của quá khứ. Con dốc nổi lên giữa một bộ mặt xa lạ, đầy triu mến, mời gọi bước chân tôi. Có sao tôi lại còn e ngại. Trong bóng mờ nhạt của ngọn đèn đường, tôi thấy tôi khốn khổ một cách lạ kỳ. Nhà đã đóng cửa, những dây lầu cao, những vòng dây kẽm gai, ngôi trường mới dựng lên (từ ngày thằng nhỏ xách va ly rời khỏi thành phố) Còn gì nữa không? Con dốc như một vệt đen thẫm sâu hút, luồn giữa hai dãy nhà luồn giữa những hàng rào, bao cát... Tôi chả tìm ra được một dấu vết nào của những ngày xa xưa đó. Những ngày thằng nhỏ lê chân, cũng trên con đường đất đá, đẩy chiếc xe nước, hí hục, khốn khổ đôi chân khẳng khiu, và đôi mắt mở ra như bầu vuu 1 khoảng trời trong xanh trên kia. Có tiếng chim sẻ chim chíp, những hàng dừa rủ

bóng mát. Con dốc đó, thằng nhỏ đã thuộc lòng từng mô đá, từng bụi cỏ, bụi gai, và đã đếm muôn lần bước chân trở về, mệt mỏi rã rời căn nhà cũ. Ánh đèn của một ngôi nhà nào đó đã mở lên và tôi được qua, như chạy trốn. Những khóm cây ổi, đen, dày nổi lên từ sân một ngôi nhà ngói. Chắc đó là ngôi nhà của lão An Đông. Ngày xưa, chỉ có ngôi nhà của lão mới có đám ổi sum xuê như thế này và hình như tôi đang bước qua, một cái hồ rau muống của một ngày nào đó. Đôi chân bỗng trở nên luống cuống một cách thương hại, tôi nép mình đi cạnh rào, dưới bóng tối. Chắc còn một khoảng nữa, sẽ đến căn nhà cũ của tôi, sẽ thấy lại cái nền, những tấm ván và vấu và những gương mặt... Chao ơi, tôi không còn dám nghĩ nữa. Tại sao tôi lại phải khổ sở như thế này. Tôi phải trở về thăm lại một dĩ vãng đen tối của đời tôi, sao? Thăm người đàn bà — má tôi — đã bỏ ba tôi, đi lấy chồng khác « Bà đã già rồi, mày sẽ ân hận » Tiếng Nhân vẫn còn vang vọng bên tai tôi. Tôi lắc đầu, và vô tình chạm phải một người, đang đi trước mặt. Tôi sửng sò, chưa kịp xin lỗi, thì tiếng cười, bức dọc, và trù: Ê, mù hử. Bộ muốn chơi sao. Tôi nói, lấp bắp trong miệng: Tối quá, tôi không thấy đường, tôi bị cận thị nữa.. Tôi thấy mờ mờ một gương mặt trẻ, và chiếc áo polo màu trắng. Tên ấy lau nhàu một tròng rất tục, rồi bước mau. Và tôi thì cúi mặt, khi nhận ra hắn đang tiến về căn nhà cũ của tôi... Tim tôi nhói lên, nôn nao, như thể tôi đang bước vào một điều gì trọng đại nhất. Chỉ cần đến cổng đó, mở cánh cửa, chỉ cần xách cái xách và bước vào nhà rồi nói lớn: Má, con của má về đây, rồi trình ra những vết thương mà chiến tranh đã dày dụa, súng đạn đã cướp mất, để cho bà và dượng, bà cả, bà hai, mấy thằng con nhận thấy rằng thằng nhỏ bây giờ vẫn còn sống trong những ngày tàn khốc nhất. Rồi sao nữa. Chỉ cần đến một khoảng nữa... và tôi đã bước qua, nhưng một động lực vô hình nào, bắt tôi vội vã chạy trốn, không dám nhìn vào bên trong kia, để nhận ra bóng đèn mập mờ trong căn nhà ván thông nghèo nàn... Có lẽ giờ này, má đang khóc trong bóng tối, bà cả, bà hai nằm trên ghế xích đu coi truyện, dượng thì uống rượu, say sưa, để nhớ lại dĩ vãng oanh liệt của mình. Và mấy thằng con của bà hai, của dượng, đang yên tâm học bài, tán gẫu. Tôi nhận ra căn nền cũ vẫn còn trơ

ở giữa bóng tối. Vẫn không có gì thay đổi trong khi xung quanh nó, một phép màu đã làm những ao hồ, đầm lầy, thành những ngôi nhà gạch kín cổng, cài then, căn nền đó là một dấu tích đau buồn cho một sự nghiệp đến hồi khánh kiệt. Như một người bệnh buông xuôi tay phó mặc cho thời gian. Và chính vậy, tôi phải khóc. Tôi đi như chạy rồi không hiểu sao, tôi lại quay trở lại căn đầm bước đến cổng. Một trái sáng rất xa, bắn lên, hấp hối trên nền trời đen nhưng lấp lăm tám sao. Tiếng còi báo động hoặc cứu thương van rên trên đường. Tôi bỗng nhận ra tên khi này tôi đã vô tình va phải. Hấn vòng tay nhìn chăm tôi. Tôi mở mắt trừng, cố gắng nhớ lại. Chẳng nào đây cả? Tạo hay Bằng, hay Tô, con của má — em cùng mẹ khác cha của tôi? Hấn nổi nóng: Ê, nghinh hả? Tôi nói như muốn khóc: cậu không biết tôi là ai sao? Rán nhận tôi đi.. Tên kia nhìn một đổi, nổi quạu: không ai quen ông. Bộ ông khùng hả?

— Tôi đâu có khùng. Cậu vô nhà, nói: có thằng Tân bị thương trở về thăm. Thằng Tân, cậu nhớ không?

— Bô, ông là anh Tân hả?

— Phải.

Hấn la lên, mừng rỡ.

— Trời, anh Tân! Và ôm choàng lấy. Tôi nghệt thở. Tôi hỏi nhỏ :

— Tên là gì?

— Tên em là Bằng đây.



Con Tân, khi con về, tất cả đều hết. Không còn gì để con nhớ con thương, Má con thì trốn nợ, lên một vùng nước độc, ở với cái quán nước. Nhưng di biết, má đã trốn con vì má con bây giờ già lắm, tóc bạc, bạc hơn cả tóc của di nữa. Bả hay đau luôn, và mỗi lần nhắc đến con bả lại khóc. Còn thằng Bằng, giải ngũ rồi. Em con bị lựu đạn, mảnh làm thủng ruột, phải cắt... anh Tạo, cụt một chân nằm trong phòng riêng kia. Còn con ra sao? Con bị thương à? Vị chi, ở ngôi nhà này ba kẻ bị thương. Hạnh phúc lắm rồi... Không ai chết hết.. Hạnh phúc lắm rồi.

TRẦN HOÀI THƯ

MỪNG MÁN

chào thừa

Chị Thuỳên na chiếc bụng lớn di chuyển chậm chạp trong khoảng hiên tối. Hai cánh cửa sò đóng ập, mở ra bất chợt theo đợt gió giạt nầy từ mặt sông thổi vào. Cây lá lao xao chụm đầu tỏa ra sa trập xuống trong tầm mắt, xa mãi bờ bên kia. Khu xóm nhà mái tôn tường vôi trắng ẩn hiện sau hàng cây nghiêng dài mé nước. Màu cỏ đục lơ ngái ngút nối rạp dưới chân cầu. Từ hiên nhà ra tới đường chưa đầy hai chục bước. Con đường chạy dọc bờ sông vẽ hai đường thẳng song song. Nhà nằm bên hông chợ. Chợ đồ xuôi dưới dốc cầu. Chiếc cầu đưa lên vùng đất cao hơn. Lúc cơn mưa ào tới. Ngọn đèn giữa nhà bật sáng, soi rõ dáng chậm chị Thuỳên bên lũ bàn ghế âm màu gỗ cũ. Tấm gương lớn trong góc phòng phản chiếu thứ ánh sáng vừa hơi nước, nhèm lạnh. Mưa đều đặn trên mái là điệu đưa đầy quen thuộc mỗi chiều, từ ngày Khan về nằm bẹp dí ở đây. Tấm poncho cũ căng ngang chỗ mái sập đầu từ vụn kiếp, lúc này rung động một nhòai. Tháng chín, bắt đầu mùa đông hay giữa đông, gió lê thê và mưa sốt ruột. Khan thờ ơ ra nằm trông lên mảng trời trắng mờ ngoài vuông cửa. Chiều chẵn, căn nhà luống tuổi, tình thân cũ kỹ tựa bàn ghế. Có

không một mớ kỷ niệm để chất chiu? Chị Thuỳên na chliếc bụng lớn loảng quăng giữa những cây cột thẳng đứng, ngọn đèn cho chị chiếu bóng luồn quần dưới chân. Chỗ Khan nằm một nửa chìm khuất trong tối, hai bàn chân trắng bệch gác lên thành giường đưa ra dưới khoảng sáng đèn, vẻ nhợt nhạt thiếu máu. Căn nhà — Con mưa — Chị Thuỳên. Hình như có sự sắp đặt nào rồi. Ví dụ Khan phải nằm đây với mảnh đạn trong bắp vế chân chưa gáp. Chị Thuỳên phải đi chuyền giữa những cây cột đó. Ngọn đèn phải treo ngược trên trần nhỏ, ngăn đời không thề đời chỗ.

Khan nằm đó, lắng nghe cơn đau dịu dàng len nhẹ, đôi khi vụt nhức nhối vụt tắt một cách vô lối. Cơn đau. Thôi kim khí khốn nạn. Nó không là gì hết nhưng anh mất ngủ vì nó không ít. Nó đầy anh tới trạng thái bức tức lắm lúc muốn chết đi được. Khan nghĩ chẳng biết làm gì lúc này cho trí đỡ mụ, thịt da đỡ nhão, và tay chân đỡ co cứng. Nhiều đêm, Khan tưởng chừng giá mở cửa chạy thoát căn nhà này mình sẽ khá hơn. Nhưng rồi đề đến đâu? Ý nghĩ như con dao trở ngược mũi cãm anh dính chặt hơn xuống ván giường làm Khan muốn ngạt thở. Cái mảnh đạn, thiệt khó chịu biết bao. Giá bây giờ được đi dưới mưa cùng một người bạn. Anh có cảm tưởng mình nghèo rạc hần, không một tình cảm đủ thừa, dù chỉ đề cho một cơn buồn phù phiếm. Qua tiếng mưa, sự huyền ảo của khu chợ bỗng rộn rợn những âm thanh mới. Mới nhưng chẳng lạ, vẫn cũ như dáng chị Thuỳên mỗi ngày vào ra, vẫn như cơn mưa vạt vờ đuôi dòn từ xế chiều này sang xế chiều khác. Sự mê hoặc không hẳn là điều kiện để quên mình, anh cố rầy thoát. Tỉnh táo càng khốn đốn hơn. Đánh chuối mình tận đáy im lặng, hướng nhìn về cái gì đó cao hơn, cao hơn tiếng còi tàu bêu kia sông, cao hơn nổi bức tức cái giận thường ngày. Lắm lúc Khan nghĩ mình chẳng khác đứa con nít về nằm lại trong nôi, tự ru mình bằng khúc hát đã người quên hết nửa, một nửa khúc hát nghe bằng hết tâm thần thề phách, nửa

khúc hát vô ngôn ấu thời mẹ quên dạy hay vì đứa trẻ là anh, một kẻ không thuộc bài.

Cơn đau. Thổi kim khí khốn nạn, hay nói đúng ra: cái mảnh lựu đạn. Nó đến với anh từ cội nguồn nguyên lai kết cấu, nào? Có phải từ một miếng sắt vụn, nung chảy nắn nót thành trái lựu đạn, bỏ vào két đóng thùng gửi đi, ở cơ xưởng vũ khí đặc khổi nào đó tận bên Nga, bên Trung Cộng, Tiệp Khắc, ngoài Hà Nội... Nó qua bao nhiêu chặng di chuyển, lên lút hoặc công khai đề một ngày đến đây, giữa núi rừng trung việt, tung ra từ tay một gã du kích mặt trận không rõ mặt, vỡ tan trăm ngàn mảnh, chui vào nằm một cục giữa thịt xương máu mủ anh. Cái mảnh đạn. Thật dị hợm và lỗ bịch. Khan khốn khò với sự có mặt của nó hơn tháng nay. Anh đi đứng cử động nói cười buồn bã đều có nó. Nó mai phục trong bắp vế chân, như một định mệnh vô cơ đeo đẳng, chẳng thể chối từ. Đôi khi cùng quần anh tự hỏi: phải chỉ nó tìm tìm mình tới khoẻ hơn không? Anh tưởng tượng nếu cái mảnh đạn đổi vị trí. Chẳng phải bắp vế chân mà ngay tim hoặc óc chẳng hạn. Đắt chỉ việc há miệng ra nuốt chừng anh là xong, bây giờ đến nỗi nào mãi thác mắc về nó. Vô ích và vô lý hết sức. Khan cố quên nó như quên đời sống một hai năm trước đây. Nó thoát biến thoát hiện trong anh quay quắt. Khan chẳng thể hiểu vì cơ nào anh nghĩ đến nó quá nhiều. Anh chợt ân hận sao mình không quan niệm sự kiện đơn giản hơn, cùng lúc một cái gì đó vỡ oà khắp thịt da, làm anh không dám nhìn thẳng khúc chân nữa. Cái mảnh đạn gây trở ngại khi bước đi. Anh không thể tưởng tượng nổi, có ngày mình trở về khắp khèn quanh bốn vác vánh vàng nám lạnh trơn này với cơn đau liên li, chẳng ra gì. Như con thú ngủ suốt mùa đông; thức dậy ngỡ ngàng thấy mình đang ở giữa khí hậu khác, anh cảm thấy bức bối, chẳng tìm được lối thoát nào cho phải lẽ. Trí tưởng mùa mưa xóa trắng những ngày êm đêm, mất tăm tích thời huyết gió ung dung trốn học vượt đồi cát tìm đến những khu vườn dư hoa thừa trái, mùi tóc ngợp nắng tháng bảy, khô

đỏ thả lỏng trăm ngọn phát phơ, tiếng cười xa ngắt dễ gì vọng lại. Sự tìm kiếm trở nên vô ích, quá khứ chỉ thủy chung ở mỗi lần bất chợt nhìn về. Khan ngửa bàn tay chú mục nhận rõ những đường chỉ ngoắc ngoéo, tự hỏi đường nào định mệnh đã đi qua, lạc dấu. Trò chơi dành cho người chẳng biết làm gì. Trò chơi mất hứng thú khi diễn ra ngày một. Quần quanh, Khan vẫn như con kiến bò quanh miệng chén. Anh không vượt thoát nổi ám ảnh cái mảnh đạn. Hết nôn nao về vị trí nó. Anh đẩy sự bức tức đi xa hơn, đến người xử dụng nó, xa hơn nữa, đến cơ quan trang bị nó. Rồi xa hơn nữa... đến lúc anh chạm mặt thẳng chủ nhân ông nó (chiến tranh, thì anh mệt lã. Anh đuổi sức thở hắt ra. Đánh tìm cái thú len trong cái đau, đánh vuốt ve chỗ thịt u lên bao bọc nó, cười. Sự hiện diện của nó nhắc nhở anh một giai đoạn anh muốn người quên. Giai đoạn chung lộn với cái chết. Cái chết có lúc bay sát vây bủa khốn đốn. Cái chết — nổi chết bám riết nhóp nhép trên da thịt, khuynh đảo tâm hồn, sẵn sàng đến với anh thủy chung hơn bất cứ người tình nào. Anh trở về yên lành, đánh rằng thế. Nhưng nổi chết kia mai phục trong anh cũng mù cũng cứng trơ chẳng kém gì cái mảnh đạn. Tiếng nổ bức sốt của một giai đoạn đã qua, mãi còn vọng tới âm vang nóng ấm như sức hút mặt trời mùa hè. Khan tỉnh táo nhận rõ sức hút kỳ dị bí-hiểm đó. Cái mảnh đạn, thật khó chịu biết bao, như tưởng nó có tỏa ra mùi chết lạnh hàn dưới lớp da khô, vô phương mài dũa.

Dĩ nhiên, mảnh đạn và anh sống chung không hề có sự thỏa thuận đôi bên. Anh lật ngược lại ý tưởng. Đặt phần chủ quan cho chính nó. Tự đưa ra giả thuyết: chắc gì nó thích nằm trong bắp vế chân mình. Nó thích nằm giữa xương thịt máu mủ thẳng khác mát mẻ hơn? Nó còn thê thảm hơn mình. Nó không có quyền lựa chọn. Nó là kẻ mù. Nhưng mình có quyền lựa chọn không? Dầu sao, phần buộc tội cái mảnh đạn cũng vơi bớt. Từ trọng tội tụt xuống giảm khinh.

Anh đâm ra quí trách nhiệm về gã bác sĩ : Hẳn tưởng mình sung sướng lắm sao chưa chịu gấp ? — « Phải đợi anh mạnh tí nữa đã, còn yếu chưa mỗ được đâu, vết thương ở bụng làm mất khá nhiều máu rồi đấy, vả lại nó nằm chỗ đó không nguy hiểm lắm, đừng nóng nảy ông bạn ». Câu nói kèm theo cái vỗ vai nghe thân thiện đó chớ, nhưng Khan vẫn ngẫm thấy hần đều đều sao ấy. Lúc bắt tay đôi mắt hần nhìn thẳng vào mặt anh như ngẫm dọa : « tôi đề anh mang nó cho bỏ ghét, bao giờ cảm thấy thích gấp tôi gấp nó ra ». Mẹ kiếp, có bao giờ hần nghĩ vậy không nhỉ ? Nghĩ vẫn vớ, đem sự bức tức từ chỗ này qua chỗ nọ rồi chẳng đến đâu. Khan tự trách có lẽ mình vô lý và hẹp lượng thái quá. Rốt cuộc, anh tìm ra một lối vuốt ve an ủi, hay nói cách khác : anh kéo mình nằm sát với sự đặt đề của số mệnh hơn : cái mảnh đạn vô tri vô giác ấy có duyên kỳ ngộ cũng nên. Nó hện mình đâu từ kiếp trước, hôm nay mới có dịp trùng lai. Ôi mệt, hơi đâu thắc mắc hoài hủ vậy. Anh thở ra nhẹ nhõm.

Vì cái mảnh đạn trong bắp vế chân, Khan hết muốn đi đâu, suốt ngày vao ra quanh quất hoài cũng chán. Anh thử đọc sách. Đọc sách càng bắt mình thêm suy nghĩ, mệt.

Hồi này anh khám phá mình có thêm một thói quen mới. Thói quen anh cho là xấu xa. Bàn tay anh luôn rờ rẫm lên chỗ thịt u, nơi lún sâu cái mảnh kim khí. Nhiều lần anh giật thót người nhận ra mình rờ rẫm nó với mức độ say mê quá đáng. Đêm ngủ, anh cẩn thận gối hai tay dưới đầu, chỉ được một chập, cái tay lại muốn rời ra mò lần xuống bắp vế. Anh nổi giận thật tình, cung tay đâm vào vách sùn sụp tường chừng muốn gày gập hết những đốt xương khớp nạn. Bàn tay rờ rẫm trên bắp vế, chỗ ghim mảnh đạn càng dễ tạo cảm giác khơi dậy xác thịt. Anh muốn dập tắt thói quen kỳ cục đó càng sớm càng tốt. Cái mảnh đạn, thật dị hợm và lỗ bịch. Lúc bức tức cũng tốt, anh vỗ vào bắp vế quát : Đ.m. mày rắc rối quá. Câu chửii thề rơi hăng xuống im lặng, như

các con dơi chết hôi hám, như cách thể bày tỏ sự chịu thua nhục nhã.

Đề tiêu thì giờ và quên cái mảnh đạn dị hợm. Anh nghĩ nên nghe Radio. Suốt ngày anh nằm trong giường lúc thức lúc ngủ chập chờn. Chiếc máy chạy bằng pin rè rè, mở hết đài này qua đài nọ. Tin tức thông cáo cải lương tân nhạc cổ nhạc diễn văn tuyên cáo, đài tự do đài Huế đài Saigon đài Hà Nội đài Mỹ đài BBC... Lốp lốp phát ra đủ mọi thứ âm thanh chùng lấp, không khí căn nhà bớt phần nào cô tịch. Nhưng cũng chỉ được vài hôm. Một buổi sáng chị Thuỳn ra vườn sau thấy cái máy bị đập vỡ ném dưới cửa sổ. Chị nhặt bỏ vào thùng rác, lẳng lẳng ra đồ ngoài bờ sông.

Tính khí cậu em trai đối với chị Thuỳn quá thương tình. Cùng sinh ra mớm bú một vú mẹ, cùng cất tiếng khóc trong làn tả bọc, cùng nghe mẹ hát hò ru dỗ, cùng nô đùa cười đùa dưới một mái nhà. Máu huyết lưu chuyển trong người chị giống máu huyết Khan từng mỗi huyết cầu đỏ ối, từng cơn nóng lạnh. Hơi thở có chung một khí hậu. Đời sống mệnh mòng có trải dài cuốn lấp xô bồ mỗi người tới tận góc bề chân trời, vẫn không thể nguôi quên không nắm chặt mỗi giây buộc ràng êm ái. Khan ở Khan đi Khan mất tâm mất tích, Khan bỗng trở về. Chị vui thấy Khan khoẻ mạnh. Chị cau mày thấy Khan gầy yếu xanh xao. Tình chị em giấu kín đùm bọc trong mỗi miếng ăn chăm chút. Khan về chị chỉ thấp thỏm sợ Khan sẽ ra đi. Ra đi không nhắn gửi không lá thư không một câu một chữ. Trở về ngồi lù lù một đống, không hề báo trước. Mười hai tuổi, Khan được gửi vào học trường dòng. Mười tám tuổi vượt rào bỏ trốn, lang thang lếch thếch đầu đó, vài năm sau mặc đồ trận rần rì đứng bắt chéo chân trước ngõ đợi chị về. Khan thơ bé trong săn sóc và lớn vượt trên những bản khoán của chị. Đi, về, thời gian chẳng có nghĩa gì với Khan hết. Không ai níu giữ được chân gã thanh niên ấy, trừ bệnh hoạn hoặc què cụt. Nhiều

lần chị bật khóc thật tình không dấu diếm được nỗi mừng lúc thấy Khan về. Khan chỉ cười xoa vỗ vai chị : Càng lớn trông chị càng giống mẹ như đúc. Từ ngày đó chị Thuần hiểu được sự nhỏ nhen của mình trước những bước chân lớn của em. Ước mong duy nhất bây giờ của chị là được thấy người đàn bà nào đó, chịu hiểu hai phần ba tâm tính em trai mình.

Khan trở mình, hất cái chăn đùn thành đồng cuối giường lồm cồm bò dậy. Chị Thuần loay hoay sắp xếp chén đĩa lên mâm, sửa soạn cơm tối. Mưa lớp ngóp trên mặt sông. Nước sôi sục dưới sức cuốn hút của giòng mưa. Có lúc Khan nhìn lần bóng chị Thuần với chiếc lu kê đầu thêm hứng nước.

— Ngó chị na chiếc bụng phát mệt.

— Cậu na giùm chị đi.

— Nếu na được em na liền.

Tiếng cười hai người cùng cất lên chuyền hơi ấm cho lũ bàn ghế. Căn nhà trống thu bớt được vài phần hiu quạnh.

— Bao giờ em có cháu kêu bằng cậu ?

— Chắc cuối tháng này.

— Lâu quá há, chắc em đi trước ngày đó.

Chị Thuần trông nghiêng thật giống mẹ. Khan nhận ra điều ấy, vội quay mặt.

— Cậu tính đi nữa sao ? Còn cái chân ?

Giọng chị Thuần chùng xuống ngang tầm nỗi băng khuâng chợt loé trong lòng Khan.

— Cái mảnh chút xíu ăn thua gì.

— Cậu còn xanh mướt thế kia.

— Nói dõn, em còn đủ sức bẻ gãy ít nhất trăm cái sừng trâu.

Có tiếng xe tạt máy dừng lại ngoài cổng. Anh Quý ướ^t sũng, đẩy chiếc Honda đứng rửa nước dưới hiên. Chị Thuần na chiếc bụng lớn đứng trấn ở cửa :

— Về muộn quá vậy anh ?

— Xe xẹp lốp.

Tiếng anh Quý cười nhẹ. Qua tiếng mưa, dường như có nước sông vỗ vào kè đá, không rõ. Khan kéo ghế ngồi vào bàn, so đũa, xới cơm ra chén. Không dung thấy vui lây không khí hạnh phúc đầm ấm của đôi vợ chồng sắp sửa có con đầu lòng.

Bên kia sông, sau hàng cây. Tiếng còi hụ vụt cao la đà trầm xuống mặt nước. Trời vẫn mưa. Mưa cho đúng cỡ cho đúng độ gây lạnh của mùa đông, của Huế. Cuộn khói bốc ngút cuốn thốc kéo những toa tàu màu hắc ín. Ẩn hiện mặt người sau những khung cửa tối ám sét rì. Chuyển tàu mỗi ngày, sao chỉ đi từ Huế tới Đà Nẵng. Sao không đi thẳng Hà Nội Quảng Trị Huế Đà Nẵng Sài Gòn Cà Mau ? Huế-Đà Nẵng : đoạn đường quá ngắn ngủi so với sức vượt vạn dặm của con tàu. Khan thốt nhiên tưởng tới nỗi cô đơn phơi trên mặt đường sắt những nơi tàu không thể lẫn bánh tới. Bao giờ đoạn đường nối dài hơn. Liệu ngày đó Khan còn đủ sức xách hành lý tới sân ga ?

Những chuyến đi có niềm vui che lấp nủi

Có tiếng hát vui rộn sông dài.

Có đàn chim đuôi bướm bay ngút cánh đồng xanh nắng ngoài khung cửa.

Có tình-yêu đan tay nhau thì thăm hẹn gặp cuối một sân ga.

Có khăn vẩy mắt đưa tương phùng ngày hội lớn

Hay những chuyến đi

Có Khan là lữ khách buồn rầu ngồi im một xó sầm soi từng ngọn tóc bạc.

Con tàu. Đường sắt. Nơi chốn hẹn hò. Ra đi quên đường về. Hân ngày đó cỏ hoa sẽ mọc tràn xóa nhòa tang tích xác chết. Hân ngày đó trong tiếng máy chạy đều người ta kể cho nhau nghe chuyện đau đớn bây giờ như kể chuyện cổ tích. Hân ngày đó mỗi bước tàu đi là một bước xích lại gần ngàn đôn đau chia cắt. Giòng ruột nối lại cho đất nước hồi sinh. Lũy tre con đê cánh đồng vòng lên sức mạnh đua vai cùng sông ngòi suối ngàn vạm-vỡ. Tàu đi dưới trời đầy sao, lao vút vào đêm không hề ngại ngừng bất trắc. Tiếng còi đánh thức lúc qua thôn làng còn mơ ngủ, trong mái tranh sương hiền hòa nào đó người chồng khẽ lay vai vợ: mình ơi tàu về rồi, dậy sửa soạn ra đồng đi thôi... Tàu đi tàu về trong mong ngóng, những tay những mắt ngậm ngùi ngoắc vẫy. Quê-hương thiếu tiếng còi tàu là quê-hương héo què hương rã rời, bởi tàu chính là cái gạch nối lưu động. Tàu mang gió heo may Hà Nội về cho Huế, tàu mang hơi nước mặn biển núi Nha trang về thời giữa cơn nóng ngày ngật Sài Gòn. Chung trong một chuyến, hành khách nói đủ thứ giọng của ba miền, còn niềm vui nào lớn hơn. Hân ngày đó... con tàu chạy thoát ngoài tầm mắt, khuất cuối cửa sông. Tiếng còi hụ còn văng vất trên mặt nước, luồn kín trong Khan, tiếng còi bất tỉnh.

Tiếng còi thật sự mất hút lúc người đàn bà đứng dậy khép cánh cửa sổ ngăn luồng gió tạt. Bóng sáng lù mù viền quanh đôi mắt sâu như hai chiếc lá nhuộm mực xạ. Đôi cánh tay dài buông xuống, mớ tóc xõ tung êm đềm ngả trên ngực Khan, không tiếng động. Người đàn bà hát nhe nhỏ trong miệng. Khúc hát vừa đủ cho nhau nghe. Khúc hát đọng đưa những lời tình đầy ướt nhão. Khan bất chợt ho, không dừng nghe khô cứng khắp da thịt. Cánh tay khẽ cong lên rồi cuốn rút quanh tấm lưng trần của bạn. Người đàn bà thôi hát, ư hử gì đó trong cổ không rõ. Mớ tóc dài ngo nguẩy trườn lên cho đến khi bốn cánh môi gặp nhau, dừng lại. Người đàn bà nói, Khan nhận rõ hơi thở bạn trên da mặt mình:

— Mai anh đi thật sao ?

Đôi mắt mở chừng chừng ngó thẳng lên trần nhà. Tấm poncho che khoảng mái sập không ngừng lay giạt. Gió thổi rùng rùng qua các kẽ ngách. Hơi ẩm chẹn trên ngực êm ái và nhẹ tựa tảng bông nõn.

— Nói gì với em đi, anh im lặng phát sợ.

— Còn gì đáng nói nữa đâu, anh chán căn nhà này, chán mưa gió ở cái xứ này. Anh không nhận ra anh nữa. Nếu suốt đời nằm mãi đây nghe tiếng còi tàu, nghe mưa, nghe tắc kè kêu mỗi đêm trên máng xối anh nời khùng cho coi. Có điều lạ, bây giờ lại đâm ra nhớ cái mảnh kim khí, ừ cái mảnh nó đã làm anh khốn khổ không ít, cái mảnh khốn nạn đó bây giờ anh đâm ra nhớ. Gấp nó ra rồi thảnh thơi dường như thiếu trống mắt bớt một cái gì.

Người đàn bà cười, chuỗi tiếng ngỏ lẩn tẩn không đều.

— Hết phép dưỡng bệnh mai mốt anh lại ra trận, khối gì mảnh, chỉ sợ không một mảnh mà cả trăm mảnh mặc sức nâng niu.

— Em dốt như bò, lúc đó khác bây giờ khác.

Người đàn bà chợt nhận ra giọng Khan ngấm chứa ít nhiều tức bực không nói nữa, đang ra nằm nép đầu dưới cánh tay bạn, không cựa cựa, gần như muốn ngủ. Bàn tay Khan rời lưng người đàn bà lần xuống bắp vế mình, chỗ cái mảnh đạn theo thói quen thường ngày anh vẫn làm. Cái mảnh đạn không còn nữa. Nó đã được gấp ra gần tuần nay.

Ngày rời quân y viện với cái giấy phép nghỉ hai chục ngày dưỡng bệnh trong túi, Khan trở về đứng ngoài đường lóng ngóng nhìn căn nhà cửa đóng im ỉm. Anh quay gót bỏ đi. Ra đến đầu khu chợ gặp Thái, người bạn cùng sở với anh. Quý cũng là người láng giềng. Ông Thái móc túi đưa Khan chiếc chìa khóa và một tờ giấy anh Quý viết đề lại, đại khái chị Thuyền vào nhà hộ sinh ở cử chừng mười ngày. Anh Quý

ăn cơm quán, tối vào nhà, hoặc ở hoặc đi tùy ý. Nên có vult chân thì tìm đến nhà họ sinh thăm cháu bé. Cuối mảnh giấy là chữ ký dài ngoằng của anh Quý. Khan nhét mảnh giấy chiếc chìa khóa vào túi nói cảm ơn người đàn ông tên Thất.

Căn nhà vắng bóng chị Thuỳn càng thêm mênh mông. Bao nhiêu bóng tối đã đi qua khoảng không gian Khan đang nằm đây như chiếc ghe mắc cạn. Mùi gỗ cũ quen thân, vách ván trống trơn là lần mức giới hạn mưa gió bên ngoài. Khan là thứ quá khứ phản trắc của căn nhà hay ngược lại? Trí nhớ không còn ăn nhịp với hồi tưởng. Kỷ niệm chấm phá mờ mờ khác nào bức tranh bỏ dở vì nửa chừng cút mất hứng hết muốn vẽ. Đối với Khan lúc này, thật mệt nhọc để đi ngược lại thăm dò đoạn đời đã sống. Thời quá vắng. Hình ảnh ông bố nhòa nhập ảnh hình người mẹ. Khúc phim cũ chẳng ích gì khi đem chiếc dọi lên màn ảnh tâm thức lần nữa. Người chết đã qua đi, mai kia Khan nằm xuống ngàn đời sau ai nhớ. Nếu còn nhớ, liệu sự hoài niệm có vượt xa hơn vài tiếng thở dài? Đành rằng chẳng thể quên dăm ba kỷ niệm êm đềm ngày thơ bé. Đành rằng không thể không nhớ bàn tay săn sóc dịu dàng của mẹ, hoặc không thể có nỗi hãi sợ nào bằng nỗi hãi sợ mỗi lần phạm lỗi phải đối diện đôi mắt nghiêm khắc của ông bố. Đành rằng suốt đời không thể bắt gặp lại sự chán ngán nào hơn nỗi chán ngán mỗi ngày vào ra căn phòng ngủ, hai hàng giường ngay lối như bệnh viện phủ ra trắng toát những ngày nội trú trường dòng. Khan rũ liệt trong ý thức sáng suốt chối bỏ sự hồi tưởng. Cứ thử cho rằng trái đất vừa qua một trận đại hồng thủy, chỉ còn Khan là kẻ sống sót. Vết sẹo cái mảnh đạn là hình tích duy nhất đời sống hôm qua còn sót lại. Chỗ căn nhà ngàn triệu năm trước biết đâu không là một vùng biển.

Khan đuổi sức rượt đuổi ý nghĩ mình đến lạc hướng. Anh mệt mỏi mở mắt nhìn xuống khoảng da thịt mịn màng người đàn bà trong tay mình, bóng tối khép kín đều trên đó.

Tàn đêm, hai người lặn vào nhau trong cùng một giấc ngủ.

Lúc nào đó chợt thức, bàn tay Khan khẽ lần xuống bấp về mình rờ rẫm chỗ-cái-mảnh-đạn, theo thói quen.



Khan dúm vào tay người đàn bà mấy tờ giấy bạc, dang hắng giọng :

— Em cầm lấy và đi ăn sáng một mình, anh phải đi không lỡ chuyến tàu.

Người đàn bà vò dúm bạc thành cục nhét vào túi Khan, mặt thoáng vẻ giận.

— Anh giữ lấy em không cần đâu.

Khan ngạc nhiên nhìn trần trời như muốn nuốt chừng kẻ đối diện. Người đàn bà phát nhẹ cười (buồn) ngờ ngàng :

— Em thương anh, anh không như những đàn ông khác.

Khan đứng yên lặng một lát, đoạn nắm tay người đàn bà ra khỏi nhà, khép cửa lại. Hai người đứng dưới hiên, quay mặt ra bờ sông. Người đàn bà siết chặt tay bạn, bàn tay lạnh ngắt. Khan cho tay vào túi trao người đàn bà cái mảnh kim khí và tấm vé số, cười :

— Em giữ tấm vé số biết đâu thần tài sẽ tới, và cái mảnh đạn, mảnh đạn này hên lắm nhớ cất cho kỹ, anh chỉ còn nó là bảo vật đáng kể. Thế nào anh cũng trở về tìm gặp em. Người đàn bà ngược nhìn Khan về lạ lùng khó hiểu, khẽ cười gật đầu. Khan hôn phớt lên trán người đàn bà, nhặt chiếc xách dưới chân đi nhanh ra đường.

Một chiếc xe lam từ trên cầu xuôi xuống, anh dơ tay, xe ngừng lại, Khan nhảy lên, ngoái cò nhìn người đàn bà đưa tay vẫy. Người đàn bà đứng ló ngó một chập, bỗng như sực nhớ điều gì vụt la lớn về phía Khan :

— Nếu trúng số triệu em tìm anh ở đâu ?

Tiếng nói khuất bật trong tiếng xe nổ và khói xăng mù mịt. Khan không nghe thấy, anh vẫn cười. Khuôn mặt vui sau bàn tay vậy.

Còn lại một mình. Người đàn bà bước dọc theo đường bờ sông đi lên phía cầu, đầu cúi thấp, hai tay tần mần vuốt vuốt tấm vé số và cái mảnh đạn. Tấm vé số mở rộng dưới ánh sáng man mác ướt mem hơi sương của buổi sáng quang tạnh. Nàng ghé mắt xuống tấm vé số lầm thầm đọc : 806450. Số hên ? Cái mảnh đạn vụt rơi khỏi tay, khuất lần dưới đám cỏ rậm. Người đàn bà gấp vội tấm vé số, khò lưng xuống tìm kiếm. Cỏ rậm quá, loay hoay mãi không tìm thấy. Người đàn bà chán nản đứng dậy bỏ đi. Lên tới dốc cầu chợt nhớ lời người đàn ông dặn mình : «...cái mảnh đạn nhớ cất cho kỹ, anh chỉ còn nó là bảo vật đáng kể. Thế nào anh cũng trở về tìm gặp em ». Người đàn bà chấp nôi lật ngược lật xuôi cầu nói trong trí. Cái mảnh đạn có gì quý giá đâu mà hần có vẻ lưu tâm đến thế. Hần thật kỳ cục, suốt đêm cứ nằm cứng đờ như khúc gỗ chẳng động tịnh gì với mình hết ráo, nhưng hần thật dễ thương, chưa bao giờ gặp người nào kỳ cục thế. Người đàn bà nhủ thầm rồi khẽ chắt lưỡi trở lại vạch cỏ tìm kiếm. Cổ mừng tượng lại khuôn mặt người đàn ông đêm rồi, bấn khoăn tự giận mình sao quên hỏi hần tên gì.

oOo

Lúc Khan đến ga, tàu hụ còi sắp sửa rời bến. Anh chỉ kịp ghé vội vào ghi sê lấy vé rồi lên tàu. Tiếng máy nổ, khói, tiếng cười nói của những người đồng hành vây quanh gây gây ầm. Gần mười năm mới lại bước lên một chuyến tàu. Khan để lộ hẳn niềm vui ra mặt. Khu sân ga phơi trải dọc hai con đường sắt. Những căn nhà mở rộng cửa phơ phất những tấm màn xanh đỏ. Nước mưa thấm ướt hàng cột trụ xi măng trồng cách khoảng đều nhau máng thép gai cuối

khoảng sân lát gạch ô vuông xám ngoét. Mưa đọng giọt lấm tấm quanh rìa cỏ. Vẫn chưa hết những cơn gió se se da thịt. Tiếng rao hàng quả rong ử dưới hàng hà sa số tiếng động khác nối tiếp nhau mất tích vào khoảng không gian xanh mướt, ngả bệnh. Tàu chèo bánh. Những hàng cây mãi miết chạy lùi cùng khu phố. Khan đưa tầm mắt cao hơn những mái ngói, thấy trời cơ hồ đùn mây về một phía, thu hết ánh sáng xuống hai con đường sắt, để mỗi bước tàu đi là một bước êm đềm đưa anh tới vùng khí hậu khác. Vùng khí hậu khô ráo hơn xa ngát về phía đông. Khan căng ngực muốn dồn hết không khí se lạnh vào hai buồng phổi đói. Tàu chạy men theo bờ sông. Lá cây thỉnh thoảng sà xuống ngang mặt. Trong màu xanh của lá hắt có phản chiếu màu óng ả của nước sông. Cái đẹp thiên nhiên rất gần với Huế. Rất gần với khoảng trống thanh thản mênh mông trong lòng Khan. Trong nhịp chao chao của sàn tàu. Một đứa trẻ độ 5, 6 tuổi mon men đến gần anh. Khan bồng nó lên tay, đứa trẻ bối rối chống đối một tí rồi bằng lòng. Khan hỏi đứa trẻ bằng giọng của người cha nói với đứa con:

— Cháu đi đâu đây?

— Thăm ba.

Đứa trẻ đáp cộc lốc, giọng dạn dĩ ngoài sự chờ đợi của Khan.

— Thăm ở đâu?

Đứa trẻ ngệt mặt không trả lời được. Một giọng đàn bà vẳng tới từ sau lưng Khan:

— Ấy hồn con, dám leo lên lòng ông mà ngồi thế kia, dạ cháu nó thăm ba cháu ở bệnh viện Duy Tân — Đà Nẵng đó.

Khan quay lại bắt gặp khuôn mặt đầy đặn hiền hậu của người đàn bà. Anh cười:

— Chắc ba cháu là lính?

Người đàn bà dạ khẽ, đoạn cúi xuống lục lọi cái gì đó trong chiếc giỏ nhựa đặt dưới chân. Ý hẳn yên tâm để đứa trẻ ngồi chơi với Khan.

Khan tiếp tục câu chuyện vớ vẩn với đứa trẻ. Đứa trẻ ngồi trong lòng anh đã hết vẻ sợ sệt xa lạ lúc đầu. Nó mạnh dạn để yên cho Khan vòng tay ôm ngang bụng nó. Đôi chân mầnuê dể dơng đưa. Đôi mắt thơ bé sáng trong ngược lên theo dõi thích thú chuyện kể. Khan thấy mình bị thu hút bởi chính giọng nói mình, bởi những câu hỏi thắc mắc ngớ ngẩn của đứa trẻ (về cây cối về cảnh vật hai bên đường). Khan cảm thấy an như người đang trầm mình giữa suối nước trong — thoải mái dễ chịu hết sức. Nhìn đứa trẻ trong tay, Khan tưởng tới ngày nào đó anh có một đứa con. Vâng, có một đứa con một người vợ đời sống chắc có lắm cái mới lạ. Ít ra cũng gọi là có chốn có nơi để về tựa gối ấp đầu lúc bị đời sống quật thúc đến mê mang tan-hồn-thất-phách. Những lúc đó thay vì người ta lao đầu vào sự tự hủy, cánh tay người vợ tiếng cười bé thơ sẽ có giá trị hơn vạn liều thuốc an thần. Khan mỉm cười với ý tưởng mình. Ý tưởng anh đã đọc thấy đâu đó trong một bài báo đề cập đến vấn đề hôn nhân. Đến một tuổi nào người ta phải là cha của một bầy trẻ. Đến một tuổi nào người đàn ông phải là cây cột chống đỡ gia đình. Không thể mãi lông bông ngoài đường. Người đàn ông phải có vợ như chim chóc phải có tổ, như chồn cáo có hang. Ví von kiểu này e quá lỗ, nhưng không phải là chẳng có phần đúng phai không? Tuổi nào? Khan đang ở tuổi nào đây? Anh mừng rỡ tưởng trên chuyến tàu cuối năm nào đó — xa lắc xa lơ trong tương lai: anh bỗng con dất vợ trở về. Đứa trẻ sẽ ngồi trong lòng anh như đứa trẻ bây giờ. Người vợ sẽ đứng bên cạnh lâu lâu góp vài nụ cười vào câu chuyện ngớ ngẩn của hai bố con. Khung cảnh đó đẹp quá phải không? Nhưng thực tế liệu có phản ánh được mười phần trăm khung cảnh vẽ trong mừng rỡ không nhỉ? Khan đưa mắt nhìn quanh. Vài kẻ đồng hành ngồi trên ghế ngủ gà ngủ

gật. Có lẽ đêm qua quá nôn nao bởi chuyển đi nên sáng nay dậy sớm, ngủ chưa no mắt? Người đàn bà (mẹ đứa bé) đang nói chuyện với một chị đàn bà khác. Hy vọng người chồng lành nằm ở bệnh viện Duy Tân (cha đứa trẻ) không bệnh nặng lắm. Nếu vào đến nơi, người chồng chết rồi thì sao? — Nước mắt sẽ xóa lấp tất cả. Rồi sau đó sẽ có một quả phụ bồng bế một cô nhi lang thang lếch thếch ngoài đường? Không, chẳng thề nào tệ hại đến thế đâu. Khan ngẫm trách mình có những dự đoán quá lỗ bịch. Đứa trẻ có đôi mắt sáng trong này không thề trở thành cô nhi được. Người đàn bà khoẻ mạnh đảm đang kia không thề dễ gì thành quả phụ. Người con gái nào trong vô số đàn bà con gái trên mặt đất này mai kia sẽ là vợ tôi? Bao giờ tôi mới hết là người đàn ông lông bông ngoài đường? Bao giờ tôi mới là cha của một bầy trẻ? Ngày đó đời sống chắc phải ngăn nắp hơn bây giờ, ăn uống đi về có giờ có giấc. Phải làm gương cho con cái nó noi theo chứ. Làm chồng làm cha cũng mệt quá phải không? Khó nữa là đảng khác. Liệu tôi có làm nổi không nhỉ? Khan tiếp tục câu chuyện vớ vẩn với đứa trẻ nhưng không còn cảm thấy thoải mái dễ chịu như người đang trầm mình giữa dòng suối trong được nữa.

Lúc tàu ngang qua nhà mình. Khan đưa tay chỉ về thượng bên kia sông nói với đứa trẻ :

— Nhà chú kia.

Đứa trẻ kiềng chân :

— Cái nhà có hai cột trụ sơn trắng phải không chú ?

— Không phải đâu, cái bên kia, cái cửa đóng đó.

Nhìn căn nhà dường như thu nhỏ lại, cạnh khu chợ quá lớn, quanh hiu đến thảm hại. Khan thốt nhớ mình quên tìm người đàn ông tên Thái gửi lại chiếc chìa khóa. Có lẽ lúc về chị Thuyền phải phá cửa mà vào, đồng thời anh ân

trời đất (tiếng gió ào ào, mây bành bồng, trời chợt nắng chói-
chiếu cầu vồng ngũ sắc choán ngợp, một chiếc lá rơi).

Nghe đâu đây, tiếng rơi rụng của một vật sắc bén. Thời
rồi, tuổi nhỏ đã mất.

CHÀNG NHO SINH DƯỚI GỐC TÙNG

Có thể ngồi lại, vận dụng trí nhớ, sống nồng nàn bằng phút
hồi tưởng để ghi lại những kinh nghiệm xúc cảm, nhưng không
thề nào diễn tả được cái băng lạnh của hình ảnh chàng nho
sinh ngồi đọc sách dưới bóng cây tùng. Đã nhìn thấy ở đâu?
Lúc nào? Không có ý niệm thời gian và không gian: ý thức
thuần túy là ý thức trắng. Bỏ ngỏ. Đóng kín. Tôi chỉ có thể là
kẻ đứng ở ngoài, gõ hoài hủy cánh cửa đóng kín.

Chàng nho sinh trẻ tuổi ngồi đọc sách dưới gốc cây tùng.
Anh bạn, có bao giờ anh lấy đó làm xót xa?

Sống không phải chỉ là những vận chuyển của thời gian
trong tâm hồn. Sống là đạt từng đầu mối cảm giác, là con bạch
tuột mở mắt thao láo khi phun mực đen che phủ lấy mình (có
nhìn thấy gì chẳng, ngoài sự mờ mịt ấy?)

Chàng nho sinh — tôi nghĩ đến tâm hồn bình dị của chàng
phải bình dị thế kia mới giữ được tâm bình lặng khi ngồi dưới
gốc tùng. Cây tùng là thời gian dày bất tuyệt, vô thủy, vô
chung, là thời gian khép kín sự chuyển vận, là vũ trụ thu lại
trong ý nghĩa cái nháy của Tôn hành Giả chẳng thể nào ra khỏi
lòng tay Như Lai. Từ đó chàng nho sinh có thể hóa thân thành
cụ già buồn bã ngồi trầm tư bên gốc tùng không biến đổi.

Hỡi cụ già của lòng vọng tưởng, có thể nào cụ sẽ ngậm
ngùi như Nguyễn Trãi ngày xưa:

Chắc gì thiên hạ đời nay

Mà đem thân thể làm rày chiêm bao ?
Ôi, đó là kinh nghiệm đắng cay của sự liên tưởng.

LỮ KIỀU

ÁO ANH.

Lịch sử và những dấu mốc đã cắm xuống, đánh dấu từng chặng đời, những dấu mốc chiến thắng trên hành trình xã hội trưởng thành. Lòng người hôm ấy rục rờ niềm tin tưởng lạc quan qua khúc nhạc hùng đã trôi, qua những danh xưng lẫm liệt dập dồn trên làn vô tuyến. Tuổi trẻ được đốt nóng bằng những hăng say cuồng nộ, bằng những ước mơ tuyệt đối sáng ngời. Tôi cảm phục Saint. Just, khuôn mặt đẹp đẽ nhất trong lịch sử cách mạng Pháp 1789. Đã chết lúc tuổi vừa hai mươi. Những người nằm xuống yên nghỉ riêng phần, và lịch sử của một dân tộc phải nằm trong tay những người đang sống với niềm tin vừa chớm. Nhìn lại bảy năm trôi qua. Thời gian ấy chưa dài, nhưng tại sao chúng ta đã bắt gặp đâu đó những phút se lòng, những niềm nghi hoặc và niềm tin đang độ rã rời. Lịch sử như cơn triều hải cuốn hút đời người, đêm nào nghe lao xao vang động rồi sáng mai kia chỉ thấy còn lại những củi mục rong rêu trên bờ cát ướt. Âm thanh Cách mạng vẫn còn văng vẳng, nhưng tìm đâu trọn chút hào hứng xưa, cái xúc cảm đầu tiên đón chờ tương lai mới. Tất cả xa mờ.

Tôi bồi ngùi nhớ tiếng khóc thét, van lơn của người con gái không biết mặt nghe qua bức tường của một phòng tra tấn lúc hai ba giờ sáng một đêm nào trước ngày cách mạng. Một nỗi buồn lạnh buốt tâm can tưởng chừng như bắt gặp lại cơn gió khuya tháng mười năm phòng giam bởi một sự tình cờ.

Và lịch sử cũng chỉ là một cuộc tình cờ vượt ra khỏi tay mỗi người chúng ta, đang đây đưa số phận VN vào những bước phiêu lưu vô hạn,,.

THỤY VĂN

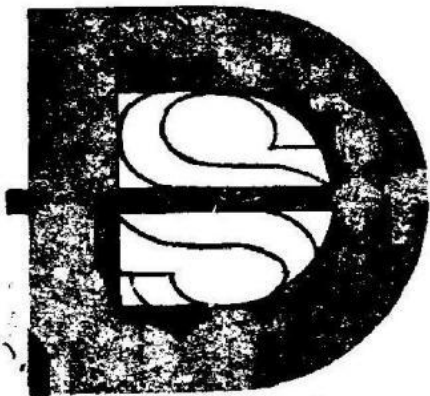
HƯNG - LỢI

CUNG CẤP — BẢO TRÌ — SỬA CHỮA

TÉLÉVISION — AMPLIFIER TUNER — TAPE RECORDER.

**ĐẶC BIỆT VỀ TI-VI VÀ CÁC LOẠI MÁY VỀ
ĐIỆN TỬ**

Xưởng 207, Gia Long Saigon Điện Thoại : 99935—40725



Người đọc : CHÂU VŨ
Sách : MÓN LẠ MIỀN NAM
Tác giả : VŨ BẰNG

Trong cái không khí nặng nề, dầm dìa mưa bão, giữa cái thung lũng heo hút sinh lầy ngập lụt này — nhiều bữa không đi được ra phố ăn cơm, mà dù có đi được thì cũng chưa chắc đã có ai bán thức ăn — tôi nằm đọc ngấu ngiến Món Lạ Miền Nam của Vũ bằng (1)

Nhà văn «lão giang hồ» Vũ Bằng gần hai mươi năm sau khi nhấm nháp *món ngon hà nội* (2) hẳn đã tìm ra được những thức ngon lành, độc đáo của miền Nam hoặc những ý thâm thúy, tân kỳ gì trong cái «đạo» ăn — vẫn được coi là đệ nhất khoái trong đời chăng?

Thực đơn gần tám món : Canh rùa, Chuột thịt, Khô, Đường, Cháo cóc, Dơi huyết, Bò Kiến, Tóp mỡ ngào đường. Vài món nghe quen quen, còn thì *lạ hoắc, kỳ cục và ón quá!* (3). Vậy mà «đầu bếp» Vũ Bằng chế biến tài tình thế nào mà người đọc — không, người ăn — say mê «ăn» luôn một lúc cho đến món tráng miệng *tóp mỡ ngào đường* thì cũng vừa ngầy ngật, chuẩn choáng hơi men, rồi cũng muốn lăn ra ngủ dưới bóng cây, đến lúc tỉnh dậy thì trời đã xế chiều tự khi nào không biết ! Mà cái loại văn tác giả xử dụng cũng không biết gọi là loại gì cho đúng: truyện ngắn cũng được, hồi ký cũng không sai, gia chánh cũng gần đúng, lại còn có chút sinh vật học, tự nhiên học, triết lý, thơ thần... nữa, cứ y như món ăn thì phải có sả, có ớt, có

rau sống, bánh tráng, đậu phộng, hành, hẹ, tỏi... Có lẽ vì thế mà nhà xuất bản đành gọi là «tản văn» cho nó gọn. Từ cái vụ phe dân chủ ở Mỹ cho đến canh rùa; rồi từ canh rùa đến các món rùa xào, rùa xé phay, rùa hấp cách thủy, trứng rùa, vẩy rùa... đến con rùa của Nữ hoàng Eugénie, quốc vương Farouk đệ II, nhà bác học Thụy điển Alexandre Kestern, đến Cô Năm, đến «người trong mộng», không thiếu một thứ gì!

Món chuột thịt thì nào là chuột lá lốt, chuột cuốn, chuột kho, chuột lúc lắc, chuột ướp ngũ vị hương, chuột xào lăn, mắm chuột, khô chuột... rồi thì cách bắt chuột, cách làm thịt chuột, đến món «sâm thử» của Tây Thái hậu đãi các vị Đại sứ ngoại quốc dưới triều Mãn Thanh, thôi thì đủ thứ cả!

Cái lối kể chuyện khề khà, ngắt ngừng «bắt đằng đông, xô đằng tây» này ta vẫn thường thấy ở các quán nhậu mà khách thì mặt đỏ gay hay tái mét, mà chai lọ thì ngồn ngang trên bàn dưới ghế! Không phải là dân nhậu, mà đọc Vũ Bằng cũng thấy muốn «thọ giáo»:

Rượu để nước nhất ngâm sâm và bìm bịp, hạ thổ một trăm ngày lấy lên uống rồi gắp một miếng vàng ngậy như mùi da đồng, nóng hôi hổi, chấm nước mắm sả ớt, điểm mấy sợi xoài thái chỉ rồi nhai rất từ từ và lấy hai ngón tay nhón một tí rau thơm, một tí húng cây hay một tí ngò tây, anh sẽ thấy — quái! sao cái thịt này nó mềm thế nhỉ, mà lại ngọt, mà lại thơm một cách rùng rợn, mê ly thế nhỉ! (tr 36)

Đó mới chỉ là món thịt chuột nướng vàng trên than hồng! Đã thấy thèm chưa? Còn cháo cóc, còn dơi nướng, dơi xào lăn, dơi băm viên, dơi huyết nữa. Hãy nghe ông tả món bò kiến:

Gắp một miếng thịt tươi hơn hớn, còn cả bì vàng ố lấm tấm mấy chấm đen như chấm hương, cho vào trong chén rồi gắp bánh tráng, rưới mắm nêm dầm nhiều ớt lên trên, và một miếng to, rồi nhón mấy cái rau điểm vào... (tr 104)

Thực «nghề ăn cũng lắm công phu»! Mỗi một thức có một

cách chế hóa đã đành, mà ăn cũng phải điệu nghệ lắm mỗi món có một cách ăn riêng: khi thì phải nhai ngoàm ngoàm, khi thì phải rón rén; uống lúc thì phải thứ để nước nhất, lúc thì chỉ cần chút rượu cúc nhẹ, chút rượu chát trắng đủ đùa với ông thần khầu; Cái món chấm cũng không cái nào giống cái nào khi thì mắm nêm, lúc thì mắm nhĩ, khi thì có tí xoài thái chỉ, khi thì phải là gừng — ngay cả món rau cũng không thể dùng bữa bãi được!

Đây đó trong tác phẩm, những tài liệu sinh vật học về các loài rùa, loài dơi, loài cóc, loài chuột... cũng được tác giả tóm tắt. Một vài mẫu chuyện ly kỳ về dơi (The king f the bats) chuột (sâm thử) góp phần làm cho «bữa nhậu» thêm hào hứng.

«Dân nhậu» thì không món gì họ chưa, họ kinh cả nhưng không phải vì thế mà tâm hồn họ chai đá, tàn ác đâu.

Vậy mà, tội nghiệp, đang lúc cóc mẩn thương trao nhịp thở chung tình với nhau trong đêm xanh mát rượu thì loài người từ khắp nơi đổ đến, vơ cả lũ rồi ném vào thùng. Hú vía! Có con sảy sát cả mình; có con gãy đuôi, sứt trán; lại có cặp bị đứt ngang ra, nhưng đa tình thay là giống cóc! Bị sa cơ đến như thế, cặp nào cặp nấy vẫn không chịu rời nhau, nhất thiết khấn khít cho đến chết. (tr 83)

Nói về cóc thì như thế, còn về dơi thì: Tội nghiệp .. Tiếng kêu i i của chúng y như là tiếng trẻ con bị mắng mỏ và nhốt vào trong buồng kín. Những con bị lột da giã giũa và chảy nước mắt ra... (tr 94)

Đấy, chính vì cái «nhạy cảm» đó mà «dân nhậu» phải nhờ đến rượu để giúp phần can đảm thanh toán «mồi» chẳng?

Tác giả cũng ghi nhận nhiều tập quán, thành kiến của người dân quê Việt Nam, trong đó nhiều nhất là những thành kiến về phương diện y học: ăn rùa quạ cũng như ăn cua đinh mà cắt một cẳng thì dễ sanh bệnh cùi; chuột con, chưa mở mắt, ngâm rượu, hạ thổ bách nhật trị hết bệnh suyễn, thịt chuột chù bỏ dương ích khí, khô cộp trị được ban trái, nhựa cóc sinh ra bệnh hủi cháo cóc

giải nhiệt, trừ được vài chứng kinh, sưng, cái gùng khu phong, cái ngò phạt thận v.v...

Những ghi nhận đó ít nhất cũng hữu ích cho những người muốn tìm hiểu dân quê, nhất là những nhà tân y học muốn phá phá những thành kiến sai lầm của dân ta, hay muốn tìm tòi nghiên cứu sâu rộng thêm những tín tưởng đó — không phải là không có phần nào hữu lý — vì là kinh nghiệm tích tụ từ nhiều ngàn năm. Một người ngoại quốc nào đó đã nói « mỗi người việt nam là một thi sĩ », tôi còn muốn nói thêm « và là một y sĩ nữa ». Bởi vì lúc nào và ở đâu cũng thấy người ta nói đến món này giải nhiệt, món nọ trừ phong, món kia bổ thận. Khi đã có « rượu vào lời ra », khi đã dùng toàn những « mỗi » bổ dương, ích khí, làm sao người ta không bay bướm tí ti: *thịt chuột đỏ dần lên sau lần lần xuống màu, trắng phau phau và láng bóng như da người trinh nữ* (tr 34)

Cái cảnh bắt cóc ở đồng quê cũng làm liên tưởng đến một điều gì khác: một cuộc bố ráp diễn ra, làm cho bề bàng quan tượng tượng như mình đương chứng kiến một cuộc bố ráp ở *chuồng chó hay ngã ba chú Ía*. (tr 82)

Cái món bò kiến thơm tho đó, dưới cái nhận xét của chú Ba ăn một miếng bò kiến, ta thấy nhuần nhị như thịt gái tơ, thơm man mát, ngọt lừ lừ, cắn một miếng mà tưởng chừng như là ở trong cốc sữa chảy ra, chứ không phải là huyết nữa. (tr 105)

Đã mê chưa? còn chờ gì mà không uống rượu nữa đi, uống ba trăm chén vẫn còn muốn uống; hết tiền thì bảo con cầm cái áo khinh cừu đi bán lấy tiền để bạn cùng ta uống nữa. (tr 109).

Nhưng uống đến hơn ba trăm chén vẫn còn chưa say. Cười nói khề khà xiêu tó đôi khi huênh hoang sồ ràng vậy mà vẫn còn rất tỉnh — tác giả rất tỉnh. Ông không viết Món Lạ Miền Nam để khoe mình là tay ăn chơi sành điệu, cũng không phải để khuyến khích chúng ta trở thành những « bợm nhậu ». Ông viết trong một ý hướng khác.

Đó là cái tình người dào dạt, niềm yêu thương chan chứa ở những người gọi là cô Năm, chú Ba, bác Tư, Thím Sáu... bàng bạc trong tác phẩm của ông — những người mà lòng hiếu khách, tính nết nài nỉ, chất phác, hiền hòa đã làm ông xúc cảm, một chiều «dừng bước giang hồ» bỗng thấy hương vị của những miếng ngon không hoàn toàn do nơi khẩu cái... bỗng thấy đất của miền Nam phong phú biết chừng nào, người của miền Nam đáng yêu biết chừng nào!

Từ đó ông bỗng nhận thức rằng miếng ăn không phải là «miếng tồi tàn», «miếng nhược» mà là một cái gì có thể gọi là «linh thiêng» nối kết con người với quê hương, với xóm diềng.

Nguyễn Tuân đã có lần viết về phở: «thì ra gần đây chúng tôi héo hắt đi, vì xa đất nước, khẩu vị lạc điệu, thấy nhớ nhà nhớ nước, trong cái nhớ nhà nhớ nước có cả một sự nhớ ăn phở nữa...» (4)

Cái sự «linh thiêng» đó càng rõ ràng hơn khi người ta xa quê hương! Vũ Bằng cũng xác nhận «miếng ngon trời buộc linh hồn người ta» (5).

Từ một cái gì rất vật chất là món ăn đã có một tương quan mật thiết đến một cái gì thuần túy tinh thần là linh hồn vậy. Khởi từ những nhận thức đó, tác giả tiến xa hơn, khẳng định «ăn là một bộ môn văn hóa, mà ăn ngon là dấu hiệu của văn minh» (6) rồi dựa vào những bằng cứ hùng hồn để chứng minh, tác giả đi đến kết luận: «một nước văn hiến cổ nhiên phải ăn sành sỏi, ăn ngon lành, đúng kiểu hơn những nước mới lập quốc vài trăm năm.» (7)

Sự cố gắng của tác giả đáng cho chúng ta khâm phục, cảm mến. Nhưng đó có phải là những «vết vát» sau cùng của một ngôi nhà văn hóa đang cháy tiêu?

Đó có phải là cái phản kháng «nhược tiểu» thất bại, bị dạt trước những ngọn trào xăm lăm văn hóa ào ạt đến từ mọi phía?

Tôi không bi quan đến như vậy, vì thế tôi sẵn sàng chia sẻ niềm tin tưởng cùng với tác giả.

Không phải vô tình mà những ngày gần đây, những tác phẩm như « người Việt cao quý » « người Việt đáng yêu » « người Việt có dân tộc tính không ? » « Văn Minh miệt vườn » v.v... lần lượt xuất hiện cùng lúc với những « nước non Bình Định », « Xứ Trầm Hương » v.v...

Và đã được đón nhận nồng nhiệt từ mọi giới. Một điều cũng đáng đề ý nữa là những loại sách nghiên cứu về Thiền học, sách dịch cũng như sáng tác, và một phần lớn văn thơ trên các tạp chí, báo chương đều có đượm ít nhiều mùi thiền... Tất cả những điều đó, phải chăng báo hiệu một chuyển mình của cả một dân tộc đau khổ nhục nhằn trên phần tư thế kỷ nay, muốn tìm lại một sức mạnh tiềm tàng trong chính mình, đề vươn lên mà người nghệ sĩ có cái cảm quan bén nhạy — lo trước cái lo của thiên hạ, vui trước cái vui của thiên hạ. Chỉ là những kẻ phát biểu ?

Tôi nghĩ tác phẩm « Món Lạ Miền Nam » đã hình thành trong chiều hướng đó, mang theo tất cả những cố gắng đáng yêu của tác giả, cái cố gắng của một người muốn khơi dậy trong chính mình và những người xung quanh cái tình tự dân tộc, niềm tin tưởng ở tiền đồ Tổ quốc, đã từ lâu ốm o mòn mỏi và đôi khi dao động bàng hoàng trước những thực tế chất đắng, chua cay.

Có thể tác giả không thành công nhưng chúng ta không thể phủ phận cái cố gắng đó, cũng tấm chân tình của tác giả qua tác phẩm « Món Lạ Miền Nam ». (8)

CHÂU VŨ

Chú thích :

(1) Nguyệt San Tân Văn ấn hành, 124 tr, giá 50 đ

(2) nxb Nguyễn an Ninh — sg 1955

nxb Nam Chi tái bản 1957

(3) Những chữ nghiêng: trích Món Lạ Miền Nam

(4) Phở — Nguyễn Tuân — Văn Học số 105 — trg 60

(5) (6) (7) Văn Hóa ăn của ta đang tiến về đâu ?

Vũ Bằng — Khởi Hành số 79,

(8) Một vài điểm cần «thương xác» với tác giả

a - Có thực có một loại cá người không? Hay chỉ có trong truyện của Andersen? Thực tế có loại cá Ngừ, không có vây, tròn con hơn cá thu, thịt kho rất bùi, ăn dễ bị phong ngứa. (trg 58)

b - Về các loại rau, có lẽ tác giả muốn nói đến «sinh tố» (vitamines) chẳng, chứ không thể là «trụ sinh» (antibiotiques) được. (tr 108).

Ý THỨC XUÂN

Ý Thức số 8 ra ngày 15-1-1971 sẽ là số Ý Thức xuân TÂN HỢI. Các bạn viết cho Ý Thức xin gửi bài vở về tòa soạn trước ngày 15-12-1971

CAO HỮU HUẤN

khoảng còn lại

(Xin xem từ Ý THỨC số 4)

3.

Miễn là người bạn nhỏ của tôi. Gặp tôi, Miễn nói : «Lâu quá không thấy anh lại chơi ?

Tối hôm ấy, tôi lại chơi. Miễn gọi vợ : « Có anh Huấn lại chơi đó em à ! » Từ dưới bếp, vợ Miễn đi lên, tay ôm con nhỏ, bụng thì đã lớn, miệng cười cười :

— Thừa anh.

Tôi nói :

— Chà ! Lại sắp có đứa thứ hai rồi.

Miễn liếc nhìn bụng vợ, đỡ lời : « Năm tháng rồi đó, anh ơi ! » Rồi hần gãi gãi sau gáy : « Bốn tháng nữa là một rồi. Trời cho có con cũng vui, nhưng lo quá ! Anh tính, thời buổi này, lương của tôi... » Hần bỏ lửng câu nói, gọi lớn : « Duyên ! Rót nước đây em ! » Bỗng nghĩ gì, hần lại bảo : « Chút xíu nữa quên. Anh thì phải uống la de. Nghèo thì nghèo cũng đủ sức đãi anh vài chai la de. Thôi, Duyên — đừng rót

nước nữa ! » Hấn đứng dậy, đi ra quán xách hai chai bia lạnh.
« Uống trên chai như anh vẫn thích nhé ! ». « Cũng được ».
Miễn chìa gói Bastos xanh : « Anh hút cái này không ? » Tôi
cầm một điếu, châm lửa.

Miễn hỏi :

— Sao, dạo này anh ra sao ?

Tôi đáp :

— Ờ... Cũng thường thường. Lính tráng ít có chuyện lạ
trừ khi... (Tôi định nói « trừ khi chết thì biết liền ». Nhưng tôi
nghĩ nhanh rằng đó là một câu đùa thật vô duyên và tẻ hơn nữa
lại pha lẫn một chút triết lý thứ rẻ nhất. Bởi vậy, tôi dừng lại
và nói tiếp) Trời độc quá, mình có đau lừ như mấy bữa.

— Trời độc thiệt ! Tôi cũng cảm. Vợ tôi ho cả đêm cả
ngày. Họ nói ho mọc tóc, nhưng tôi không tin. Cái thal mọc
tóc thì mắc mớ gì người mẹ phải ho ? Phải không anh ? Con
Bé nhà tôi cũng sốt, hết sốt bây giờ sanh đau bụng ỉa chảy. Đau
hết ! Có chuyện lạ là thằng Tánh con bà Cửu Trâm đang khỏe
mạnh lực lưỡng như vậy đi nhậu nhẹt về trúng gió làm sao
không biết chết ngay đơ trên giường. Sáng dậy, mẹ nó mới hay.
Tội nghiệp, mẹ nó chỉ có một mình nó là con trai. Chết ! Đủ
thứ chết — chẳng biết ra làm sao nữa !

Về mặt Miễn có những nét đăm chiêu khi nói câu sau cùng,
Ra làm sao ? Chẳng ra làm sao cả. Sống rồi chết. Hết chuyện.
Dĩ nhiên là chỉ hết chuyện cho người đã chết, đối với người
sống thì vẫn còn lắm chuyện. Cái khó chịu là ở đó. Tôi không
muốn khó chịu lúc này — lúc tôi đang uống được một chai
bia lạnh sảng khoái. Tôi kiếm một câu hỏi :

— Sao cậu không xuống nhà chơi ? (Câu này hình như Miễn
cũng đã dùng đề hỏi tôi) Thằng Sâm, thằng Đức vẫn nhắc đến
cậu luôn.

— Cứ định xuống anh mãi, nhưng anh thấy đó : vợ đau
con đau hoài, nhà không có người làm. Ở Sở về là phải tắm

rửa cho con, phụ bếp cho vợ. Vậy đó. Đời tôi là vậy đó rồi... Sao, anh Sâm viết lách có khá không anh ?

— Cũng được được. Hần viết đều tay. Viết nhiều cũng có ngày nổi tiếng:

— À, dĩ nhiên viết hoài cũng sẽ có tên tuổi. Nhưng ý tôi muốn nói chuyện tiền bạc. Không biết anh Sâm viết vậy rồi có đủ ăn không ?

— Thấy nó thiếu hụt hoài. Cả đời chỉ có hai cái sơ mi, hai cái quần dài thay đổi. Nhưng Sâm là thằng khùng. Hần nhất định không bỏ viết để đi làm Sở Mỹ cho có nhiều tiền hơn. Hần nhất định làm nhà văn lớn.

— Ôi thôi, lớn nhỏ gì ? Vật giá càng ngày càng tăng, chịu không thấu ! Bữa con Bé sốt, tôi đi mua cho nó trái cam, Anh biết bao nhiêu không ? 75 đồng bạc Việt nam ! Trái cam. bây lớn mà 75 đồng. Chết !... Tại tôi đi chợ mỗi ngày 60. Có nhiều, chạy ra ngoài quán mua thêm hộp thịt Mỹ, thứ nhỏ 25 tí.

Bỗng Miễn đột ngột hỏi :

— Anh biết thằng Khánh không ? Thằng Khánh phát lương ở trường Trung Học đó. Chuồn rồi !

— Ủa, sao mà chuồn ? Chuồn đi đâu ? Giải phóng hả ?

— Đi đâu không biết nhưng chắc chắn là chuồn rồi. Mang theo tất cả lương của trường, từ hiệu trưởng đến tùy phách. Lương tháng tư, nghe nói trên triệu bạc. Báo hại các giáo sư dạy khan cò cả tháng giờ có chưa có lương !

— Vậy rồi sao ?

— Không biết.

Tôi uống cạn những giọt cuối cùng của chai la ve. Đúng lúc ấy, một tiếng nổ chát chúa rung chuyển cả căn nhà thấp. Miễn phóng mình vào một góc tường. Tiếng nổ thứ hai tiếp liền, nghe như xuất phát từ đằng trước, chỗ ngã tư. Miễn la lớn :

— Duyên, đem con vào đây, mau !

Thấy tôi còn ngồi yên, Miễn nói :

— Anh nấp ở góc kia kia. Tụi nó pháo kích đó. Gần lắm. Tiên sư cha tụi nó. Chưa đủ khờ sao hở trời ! Tắt đèn đi, Duyên.

Tôi vói tay tắt đèn dùm cho vợ Miễn rồi tụt xuống đất, ngồi vào một xó. Nhiều viên đạn bay vèo trên đầu, nổ ầm ầm ở một chỗ nào đó. Ngồi trong bóng tối, tôi mỉm cười đốt điều thuốc, suy nghĩ vớ vẩn : « Bị pháo kích, tắt đèn thế này, con người hình như được yên tâm hơn. Đạn không thấy đường mà bay đến ! »

Bây giờ mới có tiếng còi hú vút lên, hạ xuống rồi lại vút lên, kéo dài; thê thảm : còi báo động. Một vài loạt súng nổ vu vơ, chứng tỏ một sự hiện diện. Rồi có tiếng chân chạy hốt hoảng ngoài đường. « Ông Đồ bị thương nặng. Chị Loan cũng bị. Có sao không ? Không biết. Nổ ngay trước mặt nhà chị Loan. Đem đi nhà thương chưa ? Không biết. Chẳng thấy gì hết. Tôi chạy trời chết. Thằng Khiết chết rồi phải không ? Văng cha cánh tay mà không chết à ? Tội nghiệp thằng nhỏ ra ngã tư mua mía, vừa cầm chạy về, chưa kịp ăn. Máu ra nhiều quá. Chắc chết. Mới 8 tuổi đầu... »

Tôi đứng phắt dậy. Tôi giận quá. Tôi nắm chặt thành cửa* nhìn ra đường. Văng vè. Có những tiếng khóc, tiếng kêu cứu, không biết từ đâu đến. Một tiếng nổ khác bùng lên ở một khu phố gần đó. Thành phố nhỏ nhỏ của chúng tôi bị pháo kích lần này là lần thứ tư. Chiến tranh. Chiến tranh. Tôi biết. Xin lỗi, đừng nói nữa. Tôi giận quá.

— Anh ngồi nán tí đã chứ đi đâu vậy ? Tụi nó còn bắn đa !

Tôi bước ra cửa. Tôi muốn nhìn tận mắt thằng nhỏ 8 tuổi ra ngã tư mua mía, chết không kịp ăn. Tôi phải nhìn thằng nhỏ đó. Tất cả thế giới loài người chưa trở thành súc vật phải mở to hàng triệu triệu cặp mắt nhìn cho kỹ thằng nhỏ đó. Nó có thể là con anh, con tôi, con của mấy người, tương lai của loài người... Máu ra nhiều quá ! Máu của một thằng bé con

tám tuổi được mấy lít ? Chúng ta thử làm một bài toán nhơn. Nhơn số lít máu trong mỗi con người ta với số những kẻ đã ngã gục trong hơn 20 năm nay. Chúng ta thấy gì ? Một mầu đỏ cuồn cuộn, địa ngục, phi lý. Ấy thế là chiến tranh. Chiến tranh nghĩa là dùng đủ mọi cách để máu đừng chảy trong thân thể người ta nữa mà phải chảy ra ngoài — chảy xuống đất. Rồi có một người nào đó thọc cả hai cánh tay dài ngồng nghều vào suối máu sôi sục đó, vung lên trời xanh viết thành những chữ thật to, thật đẹp. Tất cả loài người thơ đại đăm mề ngược mặt lên nhìn những chữ thật to thật đẹp mà họ không hiểu gì hết, cho đến khi chính họ cũng nằm xuống, ứa ra giọt máu cuối cùng... Tôi bỗng rợn người vì vừa bắt chợt một điều thật kinh khiếp : chất nước đỏ đang chảy trong huyết quản tôi cũng chưa chắc là của tôi, bởi vì bất cứ lúc nào nó cũng có thể chảy ra ngoài — chảy xuống đất — không do ý tôi muốn.

Tôi bước thong thả giữa những đường phố tối om, vắng vẻ. Bây giờ thì tôi không còn phần nộ, không còn buồn. Tôi thanh thân nhận bóng đêm, nhận phố vắng, nhận những giọt mưa lạnh ập xuống trên đầu tôi, nhận rằng không có cách gì hơn là vút mẩu thuốc tôi đang hút vì nó đã ướt nhẹp, tắt ngấm tự bao giờ.

Tôi bắt lực.

Không có gì đáng đề « nghĩ về » cả. Tôi đi ngang một căn nhà đóng kín cửa, bên trong có nhiều tiếng khóc âm ức. Đây là nhà cô Loan tôi quen. Vậy là Loan chết rồi. Tôi muốn gõ cửa bước vào, nhìn mặt người chết một chút và nói với những người sống rằng có tôi đây... Ý nghĩ ấy chỉ thoáng qua một giây. Tôi cười một mình, tiếp tục bước,

— « Có tôi đây » là nghĩa lý chỗ gì ?

4.

Sâm chừa cho tôi một tờ tuần báo ngoài bìa có giới thiệu một chuyện ngắn của... Đường-Thiên-Lý.

— Cậu đọc thử coi. Hôm nọ cậu say, biết cậu đểch nghe hiểu mình viết quái gì trong đó.

— Ủa, sao vậy ? Biết mình không nghe, hoặc nghe không hiểu, sao cậu vẫn đọc, mà đọc một cách thích thú nữa chứ !

— Lúc ấy, mình đọc cho mình chứ phải cho cậu đâu ?

— Bây giờ đọc chuyện đã in có phải quỉ xuống không ?

Mặt Sâm buồn buồn. Hắn vuốt bộ râu mép dày và cứng.
Hắn nói :

— Thôi, dõn hoài ông nội !

Tôi nhất định đùa dai :

— Hôm trước, cậu bảo phải quỉ, phải thấp nhang lạy mấy lạy mới được đọc chuyện của cậu cơ mà ?

(còn nữa)

CAO HỮU HUÂN

SINH HOẠT VĂN HÓA

— BỐN CHẶNG HUYỀN SỬ NƯỚC NAM .—

Đó là đề tài thuyết trình của linh mục Lương Kim Định, giáo sư đại học Văn Khoa Sài Gòn, xảy ra vào hồi 16 giờ ngày 15-11-1970 tại tư thục Thiên Phước số 295 Hai bà Trưng Sài Gòn.

Trước giờ thuyết trình, họa sĩ Vị Ý có thuyết giảng về phương pháp hội họa của ông cũng như phương pháp dạy cho họa viên về bố cục, màu sắc... Có nhiều họa phẩm được bày trước mặt khán thính giả đề dẫn chứng.

Đúng 17 giờ, thuyết trình « Bốn chặng huyền sử nước Nam » bắt đầu. Diễn giả định nghĩa Huyền Sử là gì? Linh mục nói: Huyền Sử không phải là sử, hay gọi là sử hàng dọc. Huyền sử là minh triết được diễn ra. Xong phần định nghĩa diễn giả lướt qua « bốn chặng huyền sử nước Nam » nhất điều, nhị xà, tam ngư, tứ tượng, được chia như sau:

1) — Thời Việt điều: thời mẫu hệ, người đàn bà đứng

đầu biểu tượng là bà « Nữ Oa đội đá vá trời. » (thời Hồng điều).

2) — Thời Việt Long : vận hành 2 chân kinh và chân dương.

3) — Thời Ngự : Việt Triết gia (Ngự hóa Long)

4) — Thời Tượng : Những vùng có nhiều voi hoặc thò voi.

Sau phần thuyết trình còn có phần thảo luận giữa thính giả và diễn giả.

Thính giả đến nghe buổi thuyết giảng này phân nửa là các nhà tu cùng thanh niên nam nữ hiếu học và các bậc thức giả.

TRÌNH DIỄN DU CA TẠI HỘI QUÁN CÂY TRE

Đã lâu giới trẻ ở Saigon mới có dịp thưởng thức một chương trình hát Du Ca như đêm thứ bảy 21-11-70 vừa qua. Cũng những khuôn mặt quen thuộc như Nguyễn đức Quang, Phương Oanh *Huyền Dung*, và các bạn trong ban Hoa Sim đã dựng nên tạo một buổi sinh hoạt Du Ca hào hứng và thích thú. Chương trình đáng lý khai mạc lúc 20 giờ 30 nhưng vì trục trặc kỹ thuật nên mãi gần 21 giờ mới mở màn. Cô Phương Oanh lúc nào cũng tỏ ra xuất sắc với ngón sở trường của cô : *đàn tranh*. Lần này cô còn giới thiệu với khán giả em học trò bé bỏng của mình tên Ngọc Kim nữa, ngón đàn tranh của em em coi cũng triển vọng lắm.

Phần cuối của chương trình « Du ca mùa xuân » là phần giới thiệu những sáng tác mới của Nguyễn đức Quang do chính tác giả trình bày. Nguyễn đức Quang bao giờ cũng sôi động, đam mê với lối trình diễn thật bắt mắt cho khán thính giả. Lời ca thì cảm động, xót xa ; tiếng hát thì gào thét. vỡ lẽ, anh đã làm cho mọi người im lặng, say mê, Lần này hát có 3 bản, đó

là những ca khúc có tên lạ lùng như : *Phòng thí nghiệm cộng đồng, Ruổi và kên kên, Cho đồng bào tôi*. Tất cả đều nói lên nỗi bi thảm của quê hương ta, đồng bào ta.

Buổi sinh hoạt Du ca chấm dứt hồi 22 giờ. Thành phần khán giả đêm trình diễn này rất đông là giới trẻ thanh thiếu niên đến tham dự. Đây là sinh hoạt đầu tiên của Hội quán, mở màn những sinh hoạt thường xuyên mỗi tuần.

PHÁT GIẢI THƯỞNG CUỘC THI TRANH THIẾU NHI VIỆT NAM VÀ NHỰT BỒN 1970.—

Một buổi lễ khai mạc triển lãm và phát thưởng cho các em trúng giải cuộc thi tranh Thiếu Nhi Việt Nam và Nhựt Bồn 1970 được tổ chức vào lúc 16 giờ Chủ Nhật 29-11-70 tại biệt thự Hội Việt Mỹ số 55 đường Mạc đình Chi Sài Gòn.

Buổi lễ được đặt dưới quyền chủ tọa của ông Mai Thọ Truyền, Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn Hóa. Ban tổ chức gồm ông Lê văn Khoa và chương trình « Thế giới của Trẻ em trên đài truyền hình Việt Nam đảm trách. »

Sau lễ khai mạc và phát thưởng, phòng triển lãm sẽ mở cửa cho khán giả vào xem : *Triển lãm họa phẩm toàn quốc 1970 của Thiếu Nhi*. Được biết có 90 bức tranh được chọn trong số 1.326 tác phẩm của trẻ em dự cuộc thi hội họa Thiếu Nhi 1970 do Lê văn Khoa và « Chương trình Thiếu Nhi Toàn quốc của đài vô tuyến truyền hình tổ chức ».

TRIỂN LÃM TRANH THUẬN HỒ.

Họa sĩ Thuận Hồ vừa cho mở cửa phòng triển lãm của ông

vào hồi 18 giờ ngày 20-11-70 tại trụ sở Hội Việt Mỹ Sài Gòn. Phòng tranh có lối đi hình chữ L, vừa hẹp, vừa gọn, tranh của Thuận Hồ cũng vậy, kích thước nhỏ, gọn, vừa tầm thối ; rất thích hợp để trang trí ở những văn phòng hay phòng khách nhỏ. Thuận Hồ thích vẽ phong cảnh và tĩnh vật. Thật vậy, phần lớn tranh được họa sĩ trưng bày ở đây chỉ toàn bắt lại phong cảnh quen thuộc trong đời sống chúng ta. Với lối vẽ này, ông thường dùng màu đỏ, sáng, chói chang, dội vào mắt khán giả một ánh sắc nóng ran (ton chaud) của buổi sáng, buổi trưa. Hình như những đường nét mà ông xử dụng không được « nhuyền » lắm, có lẽ ông chỉ thích hợp với tranh lụa. Bức số 37 và 38 là 2 bức tranh lụa lẻ loi trong phòng triển lãm này, nhưng đó là bức nổi nhứt : *Đan áo* (số 37). Ngoài ra ông còn cho trưng bày một số Tranh Dân Tộc Cờ Truyền Việt Nam đánh dấu từ bức số 39 đến số 43. Đặc biệt bức số 10 b mang chủ đề : *Khát vọng hòa bình* có những nét lạ, xử dụng đường thẳng góc, cắt ngang (gần như cubisme) tạo nên bởi màu sắc nhẹ, hòa hợp.

Thành tích của Họa sĩ Thuận Hồ cũng được ghi chú nhiều trong catalogue của ông, nhưng lần này kẻ thưởng ngoạn vẫn chưa thấy gì xuất sắc.

PHÒNG TRANH NGUYỄN TRÍ MINH

Song song với những hoạt động văn hóa khác, hội họa là một bộ môn có tầm sinh hoạt thường xuyên nhất, bởi thế ngay ở Đô thành có nhiều phòng triển lãm cho các họa sĩ trưng bày tranh của mình (không kể tranh bày bán trên vỉa hè). Với chiều hướng đó, tuần này họa sĩ Nguyễn trí Minh đã bày tranh của ông tại phòng triển lãm trụ sở Pháp văn Đồng Minh hội Sài Gòn.

Phòng triển lãm lần này chỉ thừa sót tranh của Nguyễn trí Minh (gần 20 bức). Cũng như Thuận Hồ, tranh của Nguyễn trí Minh thường xử dụng màu nóng (ton chaud) rất rực rỡ, sáng chói. Hình như ông không cần pha trộn nhiều mà chỉ xử dụng màu sống (main ton), tươi sáng thật bắt mắt. Đặc biệt có những số 1, số 3 số 37 là đáng đề ý : ở đây lối vẽ phong cảnh của ông như mất đi chỉ còn lại những phối trí về màu sắc để có một họa phẩm nghệ thuật, dễ nhìn hơn.

Phòng tranh của Nguyễn trí Minh không có in một Catalogue cho khán giả cũng như không ghi thời gian triển lãm, có lẽ ông trưng bày cốt để bán tranh mà thôi, vì phần lớn người ta thấy tranh ở đây đều có gắn thiệp REVERSE hết cả.

THỀ THỦY

SÁCH BÁO MỚI

Tòa soạn nhận được những tác phẩm sau đây do nhà xuất bản hoặc tác giả gửi tặng. Tạp chí Ý Thức trân trọng cảm tạ các tác giả và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc.

— **TÂM THU KINH**, Thi phẩm thứ hai của Đặng tấn Tới, Vận động xuất bản. Sách dày 88 trang. Bản đặc biệt in trên giấy trắng, không ghi giá. Bìa Jacques Halpern. Phụ bản của Đinh cường, Duy Thanh, Đặng tấn Tới.

Một trong những tập thơ in đẹp nhất trong năm.

— **MỘT THỜI ĐỀ YÊU VÀ MỘT THỜI ĐỀ CHẾT**, E.M. Remarque, bản dịch của Cố Liêu, An Tiêm tái bản. Bìa của Đinh Cường. Sách dày 426 trang, giá 360đ.

Tác phẩm giá trị của một nhà văn lừng danh.

— **CÁNH BUỒM**, Từ Kế Tường, Sông Hồng xuất bản. Sách dày 242 trang, giá 220đ.

Một truyện dài dành cho lứa tuổi mới lớn

TÌNH YÊU CÚI MẶT, Trương xuân Mẫn, Tác giả xuất bản. Sách dày 88 trang, giá 120đ. Bìa của Tú Oanh. Phụ bản của Yến Tuyết. Thụy Du cảm đề.

— **HƯỚNG ĐI**, Tập san do một nhóm sinh viên Việt Nam tại California ấn hành. Số 12 tháng 9 năm 1970, giá 100đ. In ronéo. Sách dày 76 trang. Khổ 21x27. Phổ biến hạn chế.

Đặc biệt: Một giải pháp để đi đến một hòa bình vĩnh cửu và công chánh, diễn văn của dân biểu Hồ hữu Tường.

HỘP THƯ

Tòa soạn đã nhận được thư và bài vở của Quý bạn :

THƠ : Hàn viên Tấn — Trúc Nguyên — Dương Vũ — Đặng văn Châu — Thái Nguyên — Lê nguyên Quân — Trần ngụy Trang — Đoàn thy đoan Ty — Cao quảng Văn — Huỳnh hữu Võ — Lê văn Định — Lê nhược Thủy — Trần dza Lữ — Hoàng dza Lữ — Văn phú nguyên Quang — Trần vạn Giã — Tô nhược Châu — Nguyễn văn Ngọc — Nguyễn vạn Luynh — Hồ đẳng Lạp — Hà linh Vũ — Phan chánh Đông — Bùi đức Chính — Phan cung Nghiệp — Lê văn Định — Hà thi Châu — Võ Nhượn — Lưu Phương — Lê Sa — Dương thanh Tùng — Nguyễn tịch Phiên — Phạm tường Bích — Phạm nguyên Hồ — Nguyễn ngụy Đạt — Vũ hữu Định — Trần đình Thái — Võ ngôn Ân — Vy Uyên Hà linh Vũ

VĂN : Vương Kỳ — Phan cung Nghiệp — Cao quảng Văn — Thĩ hùng Ca — Khánh Chinh — Phạm thanh Chương — Nguyễn vạn Lynch

- Ô. Võ nguyên Ngử : Thật đáng tiếc. Ông có thể mua báo dài hạn một năm. Giá 1100đ. Thư cho biết địa chỉ dân sự để chúng tôi gửi báo đến tay ông.
- Ô. Trần đình Thái : Đã nhận đủ bài vở của anh do C.V.T chuyển vào. Mong nhận những sáng tác mới khác thân. Thái ngọc San. Thế Vũ. Lê Văn Ngăn : Thư về tòa soạn cho biết địa chỉ mới Thân.

NHÓM CHỦ TRƯỞNG

**Lữ Kiều * Nguyên Minh * Trần Hữu Ngũ * Lê Ký
Thương * Ngụy Ngũ * Trần Hữu Lục * Lữ Quỳnh
* Thụy Văn * Võ Tân Khanh * Hồ Thúy Giũ *
Nguyễn Mậu Hưng * Đỗ Nghê * Hồ Nguyên Hân *
Trần Hoài Thư.**